BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV CỌ VIỆT MỸ

Ngành : **KẾ TOÁN**
Chuyên ngành : **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

Giảng viên hướng dẫn :Th.S Nguyễn Quỳnh Tứ Ly
Sinh viên thực hiện : Huỳnh Thị Nga
MSSV: 1154030393 Lớp: 11DKTC6

TP. Hồ Chí Minh, 2015

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu do em thực hiện dưới sự hướng dẫn của ThS. Nguyễn Quỳnh Tứ Ly và không sao chép dưới bất kỳ hình thức nào.

Các số liệu có nguồn gốc rõ ràng và nghiên cứu trình bày trong báo cáo chưa từng được công bố ở các nghiên cứu khác.

Em xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về báo cáo của mình.

Hồ Chí Minh,Ngày …….tháng……..năm 2015

Ký tên

LỜI CẢM ƠN

Để đạt được thành quả như ngày hôm nay,em xin chân thành cảm ơn Ban Giám Hiệu trường Đại học Công nghệ Tp.Hồ Chí Minh, cùng thầy cô khoa kế toán đã truyền đạt cho em những kiến thức quý báu, giúp em vững tin trên con đường học vấn và cả sự nghiệp trong tương lai. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn cô ThS.Nguyễn Quỳnh Tứ Ly người đã tận tình dìu dắt và chỉ bảo em trong suốt quá trình thực hiện báo cáo thực tập tốt nghiệp này.

Lần đầu tiên tiếp cận thực tế em không khỏi bỡ ngỡ và lo lắng, dưới sự dẫn dắt và chỉ bảo của các anh chị phòng kế toán đã giúp em vượt qua và hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp này. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của các anh chị công nhân viên trong Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt thời gian thực tập tại quý Công ty.

Tuy có nhiều cố gắng nhưng em vẫn còn nhiều hạn chế về kiến thức, khả năng và kinh nghiệm nên báo cáo này không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong sự góp ý của quý thầy cô, anh chị để em hoàn chỉnh kiến thức hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn và kính chúc quý thầy cô, cùng đoàn thể công nhân viên Công ty dồi dào sức khỏe, chúc quý Công ty luôn phát triển và hoàn thành vượt mức, ngày càng có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hồ Chí Minh,Ngày …….tháng……..năm 2015

Ký tên

MẪU « NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP »

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

Tên đơn vị thực tập : Công Ty TNHH Một Thành Viên Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ : 90 Đường Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại liên lạc : 0903007350
Email : thiennhanKT.2014@gmail.com

NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN:

Họ và tên sinh viên : HUỲNH THỊ NGA
MSSV : 1154030393
Lớp : 11DKTC6

Thời gian thực tập tại đơn vị : Từ 10/06/2015 đến 24/08/2015
Tại bộ phậnthực tập : Phòng Kế Toán
Trong quá trình thực tập tại đơn vị sinh viên đã thể hiện :

1. Tinh thần trách nhiệm với công việc và ý thức chấp hành kỷ luật :
   ☒ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt
2. Số buổi thực tập thực tế tại đơn vị :
   ☒ >3 buổi/tuần ☐ 1-2 buổi/tuần ☐ ít đến đơn vị
3. Đề tài phản ánh được thực trạng hoạt động của đơn vị :
   ☒ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt
4. Nắm bắt được những quy trình nghiệp vụ chuyên ngành (Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Ngân hàng …..) :
   ☒ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

TP. HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2015.
Đơn vị thực tập
(ký tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 0306151133-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CỌ VIỆT MỸ
QUẬN 6 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thiện Nhân

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TNHH	trách nhiệm hữu hạn
HĐ	hóa đơn
PXK	phiếu xuất kho
PNK	phiếu nhập kho
PC	phiếu chi
GTGT	giá trị gia tang
TTĐB	tiêu thụ đặc biệt
TSCĐ	tài sản cố định
TK	tài khoản
TNDN	thu nhập doanh nghiệp
BHXH	bảo hiểm xã hội
BHYT	bảo hiểm y tế
CNV	công nhân viên

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng 9
Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính 10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác 11
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại 13
Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán 14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại 15
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán 16
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng 18
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp 20
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính 21
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác 22
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 24
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh 26
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lí 29
Sơ đồ 2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán 30
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung 33
Sơ đồ 2.4: Quy trình công nghệ sản xuất cọ lăn sơn Việt Mỹ 48
Sơ đồ 2.5: Trình tự luân chuyển chứng từ khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng 42

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình kinh doanh của công ty từ năm 2012-2013 37
Bảng 2.2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2014 77

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU
Lý do chọn đề tài.....1
Mục tiêu nghiên cứu 1
Phương pháp nghiên cứu 1
Phạm vi nghiên cứu 1
Kết cấu các chương đề tài 2
Chương 1: Cơ sở lý luận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 3
1.1Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 3
1.1.1 Khái niệm.....3
1.1.2 Ý nghĩa.....5
1.2 Kế toán doanh thu, thu nhập khác.....5
1.2.1Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 5
1.2.1.1 Điều kiện và nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác 5
1.2.1.2 Chứng từ sử dụng 8
1.2.1.3Tài khoản sử dụng, sổ kế toán 8
1.2.1.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp 9
1.2.2 Kế toán doanh thu tài chính. 9
1.2.2.1 Nội dung.....9
1.2.2.2 Nguyên tắc hạch toán:.....9
1.2.2.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng: 10
1.2.2.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 10
1.2.3 Kế toán thu nhập khác. 11
1.2.3.1 Nội dung.....11
1.2.3.2 Nguyên tắc hạch toán.....11
1.2.3.3 Chứng từ, tài khoản sử dụng.....11
1.2.3.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 11
1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu. 12

1.3.1 Chiết khấu thương mại. 12
1.3.1.1 Nội dung. 12
1.3.1.2Nguyên tắc hạch toán: 12
1.3.1.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng. 12
1.3.1.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 12
1.3.2 Giảm giá hàng bán. 13
1.3.2.1 Nội dung. 13
1.3.2.2Nguyên tắc hạch toán: 13
1.3.2.3Tài khoản sử dụng: 13
1.3.2.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 13
1.3.3 Hàng bán bị trả lại. 14
1.3.3.1 Nội dung. 14
1.3.3.2Nguyên tắc hạch toán: 14
1.3.3.3Tài khoản sử dụng: 14
1.3.3.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 14
1.4 Kế toán các khoản chi phí. 15
1.4.1 Gía vốn hàng bán. 15
1.4.1.1 Nội dung. 15
1.4.1.2Nguyên tắc hạch toán: 15
1.4.1.3 Chứng từ, tài khoản sử dụng 16
1.4.1.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 16
1.4.2 Chi phí bán hàng. 16
1.4.2.1 Nội dung. 16
1.4.2.2 Nguyên tắc hạch toán: 17
1.4.2.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng. 17
1.4.2.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 18
1.4.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp. 18
1.4.3.1 Nội dung. 18
1.4.3.2 Nguyên tắc hạch toán. 19

1.4.3.3Tài khoản, chứng từ sử dụng. 19
1.4.3.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 19
1.4.4 Chi phí hoạt động tài chính. 20
1.4.4.1 Nội dung. 20
1.4.4.2 Nguyên tắc hạch toán: 20
1.4.4.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng. 21
1.4.4.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 21
1.4.5 Chi phí khác. 21
1.4.5.1 Nội dung. 21
1.4.5.2Nguyên tắc hạch toán: 22
1.4.5.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng. 22
1.4.5.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 22
1.4.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. 22
1.4.6.1 Nội dung. 22
1.4.6.2Nguyên tắc hạch toán: 23
1.4.6.3 Tài khoản sử dụng. 23
1.4.6.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp 23
1.5.Xác định kết quả kinh doanh. 24
1.5.1 Nguyên tắc hạch toán: 24
1.5.2 Tài khoản sử dụng 25
1.5.3 Sơ đồ kế toán tổng hợp. 26
1.5.4 Trình bày thông tin trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. 26
Chương 2: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ. 28
2.1 Giới thiệu chung về công ty 28
2.1.1 Giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của công ty. 28
2.1.1.1 Lịch sử hình thành. 28
2.1.1.2 Quá trình phát triển 29
2.1.2 Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty. 29

2.1.3 Cơ cấu tổ chức kế toán tại công ty. 30
2.1.4 Tình hình công ty những năm gần đây. 36
2.1.5 Thuận lợi, khó khăn, phương hướng phát triển. 37
2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ. 38
2.2.1 Đặc điểm kinh doanh, các phương thức tiêu thụ và thanh toán tại công ty 38
2.2.1.1 Đặc điểm kinh doanh. 38
2.2.1.2 Phương thức bán hàng. 40
2.2.1.3 Phương thức thanh toán: 40
2.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 40
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng 40
2.2.2.2Tài khoản sử dụng 41
2.2.2.3 Trình tự luân chuyển chứng từ 41
2.2.2.4 Minh họa một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ 42
2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính. 46
2.2.3.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ. 46
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng 46
2.2.3.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 47
2.2.4 Kế toán thu nhập khác. 49
2.2.4.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 49
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng. 49
2.2.4.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 49
2.2.4 Các khoản giảm trừ khi tính doanh thu thuần. 50
2.2.5 Gía vốn hàng bán. 51
2.2.5.1 Cách xác định giá vốn 51
2.2.5.2 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 52
2.2.5.3 Tài khoản sử dụng 52
2.2.5.4 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 52
2.2.6 Chi phí bán hàng. 54

2.2.6.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 54
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng.....55
2.2.6.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 55
2.2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp. 60
2.2.7.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 60
2.2.7.2 Tài khoản sử dụng.....61
2.2.7.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 61
2.2.8 Chi phí hoạt động tài chính. 68
2.2.8.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 68
2.2.8.2 Tài khoản sử dụng.....68
2.2.8.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 69
2.2.9 Chi phí khác. 70
2.2.9.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 70
2.2.9.2 Tài khoản sử dụng.....71
2.2.9.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 71
2.2.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. 72
2.2.10.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 72
2.2.10.2 Tài khoản sử dụng.....73
2.2.10.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 73
2.2.11 Xác định kết quả kinh doanh. 74
2.2.11.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ 74
2.2.11.2 Tài khoản sử dụng.....75
2.2.11.3 Phương pháp hạch toán.....75
Chương 3:Nhận xét và kiến nghị. 78
3.1 Nhận xét 78
3.1.1 Nhận xét tổng quát về tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh tại công ty 78
3.1.2 Nhận xét về công tác kế toán tại công ty 79
3.1.2.1 Ưu điểm 79
3.1.2.2Nhược điểm.....80

3.2 KIẾN NGHỊ 82
KẾT LUẬN 86

PHỤ LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế hiện nay, vấn đề mà các nhà quản lí lo lắng là làm sao để có thể sử dụng hiệu quả nguồn vốn sản xuất kinh doanh, kiểm soát chi phí và gia tăng lợi nhuận cho công ty. Xét về mặt tổng thể thì các công ty hiện nay không những bị chi phối bởi quy luật giá trị mà còn bị chi phối bởi quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh. Vậy làm sao để biết công ty có đang hoạt động hiệu quả? Khi sản phẩm của một doanh nghiệp được chấp nhận và luân chuyển trên thị trường thì doanh nghiệp sẽ tạo ra doanh thu, nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và chi phí khả biến thì doanh nghiệp sẽ tạo ra được lợi nhuận, bất cứ doanh nghiệp nào cũng muốn đạt được mức lợi nhuận tối đa mà phần lớn lợi nhuận thu được thông qua quá trình sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường. Do đó, việc xác định doanh thu, chi phí, từ đó xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vô cùng quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty trong một kì kế toán nhất định.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu đề tài này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về công tác ghi chép, hạch toán, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu, chi phí, từ đó có thể hiểu thêm về những công việc hàng ngày của một kế toán. Bên cạnh đó, chúng ta có thể so sánh, đối chiếu việc hạch toán kế toán tại đơn vị có khác với những kiến thức mình đã học hay không? Từ đó có thể rút ra được những ưu điểm, khuyết điểm của hệ thống kế toán để đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập những chứng từ phát sinh thực tế tại công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ liên quan đến tình hình doanh thu, chí phí từ đó tổng hợp vào các sổ kế toán có liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh.
- Kham khảo ý kiến của các anh/chị trong phòng kế toán
- Kham khảo ý kiến của GVHD.
- Kham khảo sách báo và các tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu, các văn bản quy định chế độ kế toán hiện hành.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Phòng kế toán tại Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
- Thời gian: Đề tài được thực hiện từ ngày 10/06/2015-24/08/2015
- Số liệu được phân tích là số liệu Quý 2/2014

5. Kết cấu các chương đề tài

Đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ

Chương 3: Nhận xét và kiến nghị.

Chương 1: Cơ sở lý luận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1 Khái niệm

Khái niệm doanh thu, thu nhập khác.

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Như vậy, doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được như: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính...Cần lưu ý là các khoản thu hộ cho bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu nên không phải là doanh thu, đồng thời các khoản vốn góp cổ đông hoặc chủ sở hữu mặc dù làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng cũng không phải là doanh thu.

- Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Các khoản thu nhập khác bao gồm:
  + Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
  + Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
  + Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
  + Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
  + Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập
  + Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
  + Các khoản thu khác.

Khái niệm chi phí, các khoản giảm trừ doanh thu.

- Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kì kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Chi phí bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doang nghiệp(giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lí

doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay và chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền...) và các chi phí khác(chi phí về nhượng bán thanh lí tài sản cố định, các khoản tiền nộp phạt do vi phạm hợp đồng...).

- Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

+ Chiết khấu thương mại:là các khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ việc người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

+ Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là bán hàng hoàn thành bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán. Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại, …

+ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do khách hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời gian đã ghi trong hợp đồng.

+ Các loại thuế có tính vào giá bán: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu...

Kết quả kinh doanh.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định.
- Lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và chi phí.

Nếu tiếp cận theo học thuyết giá trị: kết quả kinh doanh là biểu hiện bằng tiền phần chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện. Kết quả kinh doanh được biểu hiện bằng lãi (nếu doanh thu, thu nhập khác lớn hơn chi phí) hoặc lỗ (nếu doanh thu, thu nhập khác nhỏ hơn chi phí).

- Thời điểm xác định kết quả kinh doanh phụ thuộc vào chu kì kế toán của từng loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong từng ngành nghề, các doanh nghiệp có thể tính kết quả kinh doanh vào cuối tháng, cuối mỗi quý hay cuối mỗi năm.

1.1.2 Ý nghĩa

- Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là điều kiện cần thiết để đánh giá kết quả sản xuất của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định, là cơ sở để tiến hành phân phối lợi nhuận một cách chính xác theo đúng chủ trương chính sách của Nhà nước.
- Việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng đến sự sống còn của doanh nghiệp. Vì vậy mà kế toán xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý và tiêu thụ hàng hóa. Thông qua các thông tin từ kế toán mà người điều hành doanh nghiệp có thể biết được mức độ hoàn thành tiêu thụ, xác định chính xác kết quả kinh doanh trong kỳ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, kịp thời phát hiện sai sót của từng khâu, từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời, đồng thời cung cấp cho các bên quan tâm, thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp, giữ vững uy tín của doanh nghiệp trong mối quan hệ với bên ngoài.
- Ngoài ra kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh còn giúp cho doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó sẽ lựa chọn những phương án kinh doanh, phương án đầu tư và phương án phát triển hiệu quả nhất.

1.2 Kế toán doanh thu, thu nhập khác.

1.2.1Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

1.2.1.1 Điều kiện và nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

➢ *Cách xác định doanh thu:*

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.
- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi hàng hóa đã giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung ứng, người mua đã thanh toán hay chấp nhập thanh toán.

- Trường hợp bán hàng trả chậm, trả góp thì ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu, phần chênh lệch giữa giá bán trả chậm và giá bán trả ngay sẽ được phản ánh ngay trên tài khoản doanh thu chưa thực hiện.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT và doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu đó ghi theo giá chưa có thuế GTGT.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu đó ghi theo giá có thuế GTGT.
- Doanh thu bán hàng phải được theo dõi trực tiếp cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được hạch toán riêng.

➢ *Điều kiện ghi nhận doanh thu:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền chủ sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế do giao dịch bán hàng.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khi xét những điều kiện trên thì cần lưu ý những điểm sau:

- Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm chuyển giao phần rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích kinh tế gắn liền với quyền chủ sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hoá cho người mua.
- Trong trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần rủi ro lớn gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch này không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận.
- Nếu doanh nghiệp chỉ còn chịu một phần rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì việc bán hàng được xác định và doanh thu được ghi nhận.

- Trường hợp lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng còn phụ thuộc vào yếu tố không chắc chắn thì chỉ ghi nhận doanh thu khi yếu tố không chắc chắn này đã xử lí xong.
- Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

➢ *Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:* Doanh thu bán hàng là một chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, phản ánh quy mô kinh doanh, khả năng tạo ra tiền của doanh nghiệp, đồng thời liên quan mật thiết đến việc xác định lợi nhuận doanh nghiệp. Do đó, trong kế toán việc xác định doanh thu phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán cơ bản:

- ***Cơ sở dồn tích:*** Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền, do vậy doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.
- ***Phù hợp:*** Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp (chi phí liên quan đến doanh thu).
- ***Thận trọng:*** Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

➢ **Các phương thức bán hàng**

- **Đối với bán buôn (bán sỉ):** Có 2 phương thức bán hàng cơ bản:

+ Bán hàng qua kho: Hàng hóa mua về được nhập vào kho sau đó mới xuất ra bán, có 2 hình thức giao hàng:

• *Giao hàng tại kho:* Theo hình thức này bên bán giao hàng tại kho bên bán, người đại diện bên mua nhận hàng tại kho bên bán, ký vào hóa đơn bán hàng cùng với hóa đơn dành cho bên mua. Kể từ thời điểm này bên bán ghi nhận doanh thu bán hàng và bên mua phải chịu trách nhiệm về hàng hóa, về chi phí phát sinh.

• *Chuyển hàng:* Bên bán chuyển hàng từ kho của mình giao cho bên mua tại địa điểm do bên mua quy định đã thỏa thuận ghi trên hợp đồng. Bên bán xuất hàng gửi đi cho bên mua hạch toán là hàng gửi đi bán, chưa ghi nhận doanh thu. Hàng đang đi trên đường, trách nhiệm hàng hóa và chi phí thuộc về bên bán. Kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng tại thời điểm bên bán giao hàng cho bên mua theo số thực tế giao, bên mua chấp nhận mua và ký trên hóa đơn bán hàng.

+ Giao hàng vận chuyển thẳng (bán hàng giao tay ba): Xét theo tính chất vận chuyển hàng hóa hàng được mua đi bán lại ngay mà không phải nhập kho.

- **Đối với bán lẻ** :Có nhiều phương thức bán lẻ như bán hàng ở quầy, siêu thị, bán hàng qua điện thoại, qua mạng internet, bán lẻ lưu động trên các xe tải nhỏ, quầy hàng lưu động,… nhưng về thanh toán có 2 phương thức thu tiền như sau:

+ *Bán hàng thu tiền tập trung:* Tổ chức ở quy mô bán lẻ lớn như siêu thị, quầy bách hóa lớn,… khách hàng tự do lựa chọn hàng hóa và thanh toán một lần tại quầy kế toán thu tiền, cuối ngày kế toán lập báo cáo bán hàng hàng ngày và đem tiền nộp vào phòng kế toán để ghi sổ một lần.

+ *Bán hàng không thu tiền tập trung:* Phù hợp với quy mô bán lẻ nhỏ, mỗi nhân viên bán hàng thu tiền trực tiếp từ khách hàng như các cửa hàng bán lẻ, quầy bán hàng nhỏ,… cuối ngày lập báo cáo bàn hàng và đem tiền nộp cho phòng kế toán hoặc cuối định kỳ 3, 5, 7 ngày,… mới lập báo cáo bán hàng định kỳ nộp cho phòng kế toán Công ty, tiền mặt vẫn phải nộp hàng ngày hoặc định kỳ ngắn 1 lần (nếu cửa hàng ở xa).

1.2.1.2 Chứng từ sử dụng

Các hóa đơn bán hàng, dịch vụ, bảng kê bán hàng có xác nhận nghiệp vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ đã được cho phép thực hiện và thực tế thực hiện.Các thông báo nợ, giấy xác nhận nợ, xác nhận nghĩa vụ thanh toán của khác hàng, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, giấy báo có của ngân hàng

1.2.1.3Tài khoản sử dụng, sổ kế toán

- Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

TK 511 có 5 TK cấp 2:

+ TK 5111: *“Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.*

+ TK 5112: *“Doanh thu bán thành phẩm”.*

+ TK 5113: *“Doanh thu cung cấp dịch vụ”.*

+ TK 5114: *“Doanh thu trợ cấp, trợ giá”.*

+ TK 5117: “*Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư”.*

+TK 5118:”Doanh thu khác”

Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ nhật kí bán hàng

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ nhập xuất tồn kho thành phẩm

1.2.1.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp

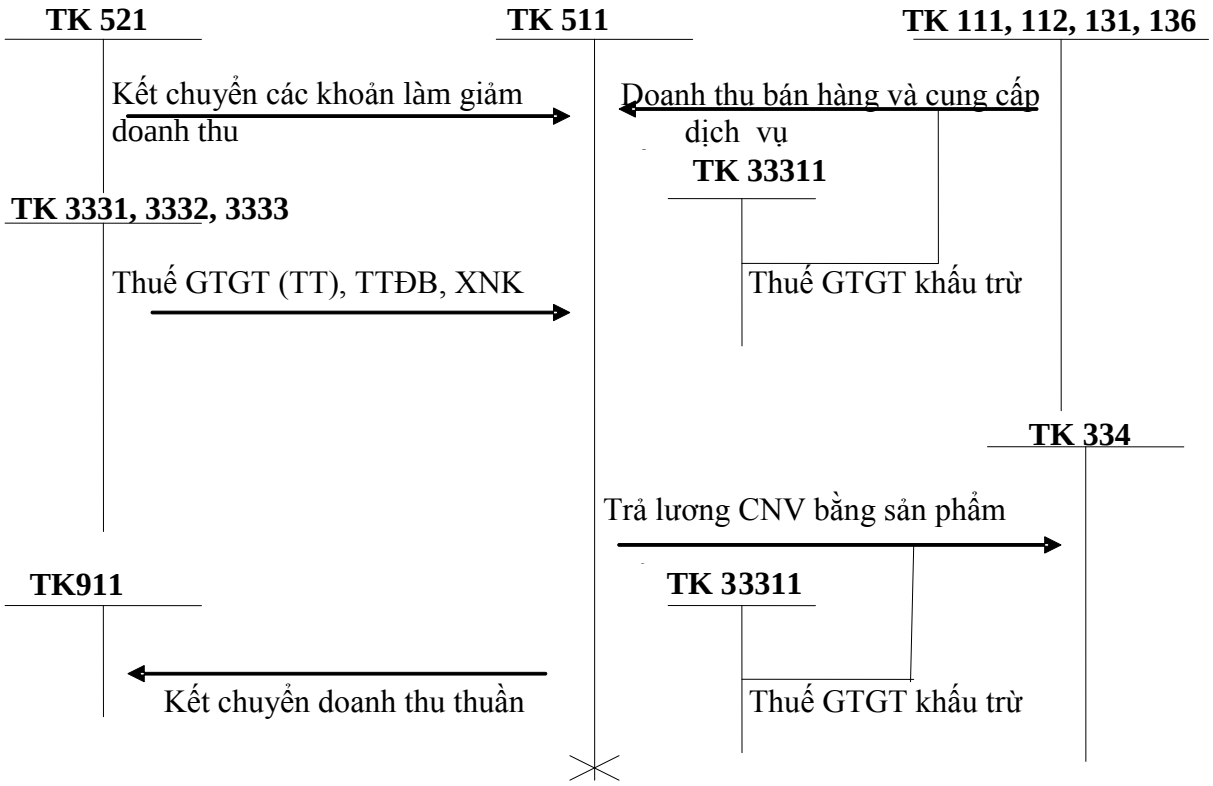

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng

1.2.2 Kế toán doanh thu tài chính.

1.2.2.1 Nội dung: Doanh thu hoạt tài chính bao gồm:

- Tiền lãi cho vay, tiền lãi gửi, lãi bán hàng trả chậm, đầu tư tín phiếu, trái phiếu, chiết khấu được hưởng do mua bán hàng hóa, dịch vụ,…
- Thu nhập từ cho thuê tài sản,…
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

1.2.2.2 Nguyên tắc hạch toán:

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.2.2.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng:

- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"
- **Chứng từ sử dụng :** Giấy báo có ngân hàng, các hóa đơn liên quan

1.2.2.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

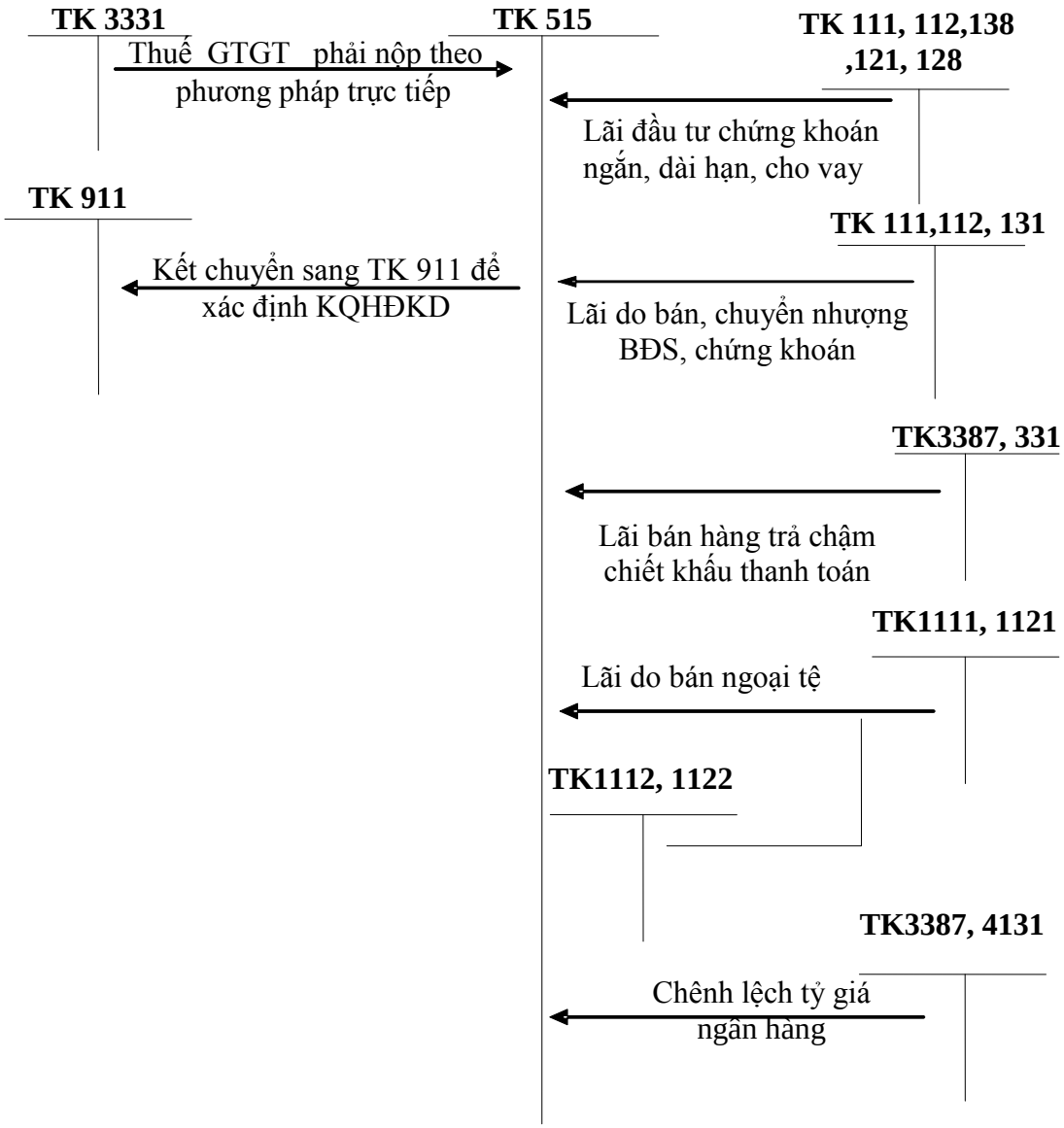

Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3 Kế toán thu nhập khác.

1.2.3.1 Nội dung.

Thu nhập khác: là những khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như doanh thu bán hàng, doanh thu từ hoạt động tài chính. Thu nhập khác gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ…

1.2.3.2 Nguyên tắc hạch toán.

Kế toán dùng tài khoản 711 "thu nhập khác" để theo dõi các khoản thu nhập khác trong kỳ. Cuối kỳ kế toán kết chuyển thu nhập khác vào bên có tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3.3 Chứng từ, tài khoản sử dụng.

Chứng từ sử dụng:

+ Hợp đồng nhượng bán, thanh lý tài sản,…
+ Phiếu thu từ các hoạt động khác
+ Hóa đơn GTGT
+ Các chứng từ liên quan

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711: "Thu nhập khác"

1.2.3.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

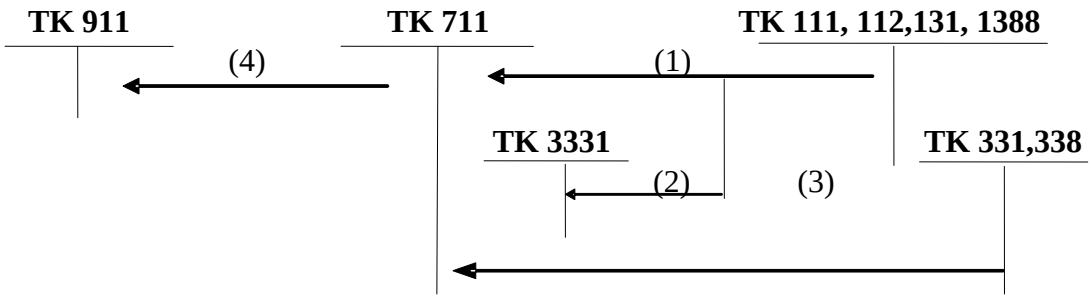

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

Chú thích:

(1) Thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ, do khách hàng vi phạm hợp đồng, nợ khó đòi đã xóa sổ.

(2) Thuế GTGT đầu ra (nếu có).

(3) Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ, quyết định xoá và tính vào thu nhập khác

(4) Kết chuyển sang TK 911.

1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.1 Chiết khấu thương mại.

1.3.1.1 Nội dung.

Chiết khấu thương mại: đối với bên mua là là khoản chiết khấu được tính trừ vào giá gốc của hàng nhập kho, đối với bên bán là khoản làm giảm doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.2Nguyên tắc hạch toán:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên "hóa đơn (GTGT)" hoặc "hóa đơn bán hàng" lần cuối cùng.
- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.
- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản chiết khấu thương mại. Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán.

1.3.1.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng.

- Tài khoản 5211: " Chiết khấu thương mại"

1.3.1.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

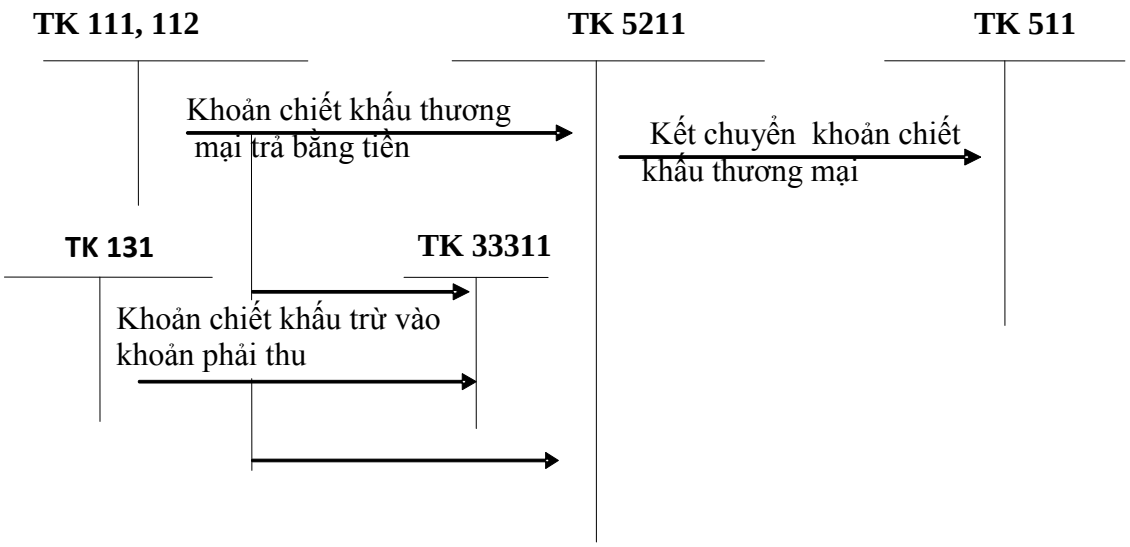

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại

1.3.2 Giảm giá hàng bán.

1.3.2.1 Nội dung.

Giảm giá hàng bán: Khi ghi nhận doanh thu giảm giá thì phải điều chỉnh giảm số tiền thu khách hàng hoặc ghi nợ trả lại khách hàng hoặc chi tiền trả lại ngay, không ghi giảm giá vốn.

1.3.2.3Nguyên tắc hạch toán:

Chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi phát hành hoá đơn bán hàng. Không phản ánh tài khoản giảm giá hàng bán số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng trị giá ghi trên hóa đơn.

1.3.2.3Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 5213: "Giảm giá hàng bán".

1.3.2.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

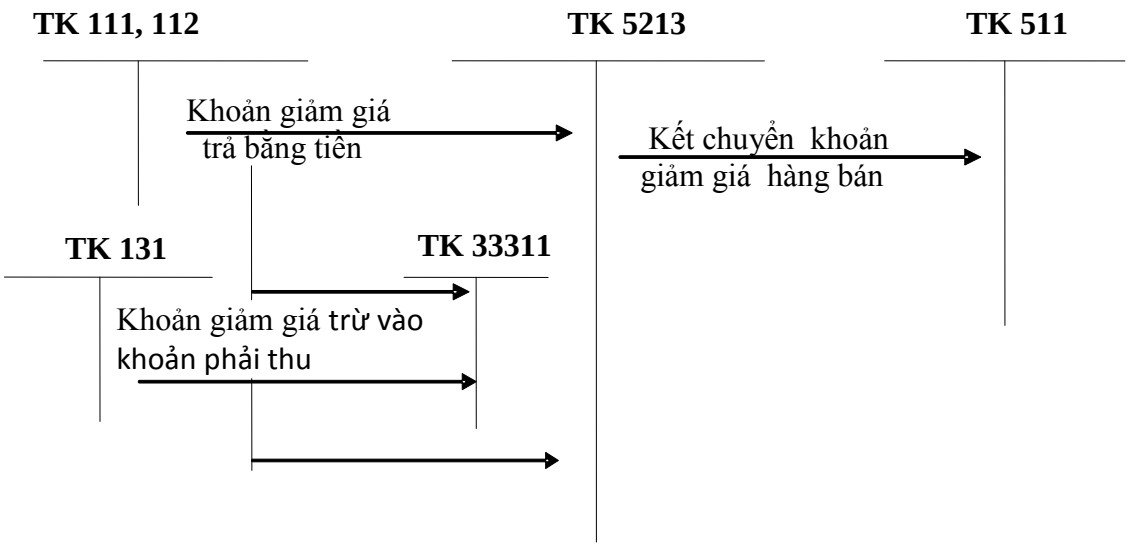

Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán

1.3.3 Hàng bán bị trả lại.

1.3.3.1 Nội dung.

Hàng bán bị trả lại: đây là khoản điều chỉnh giảm cho doanh thu bán hàng, khi ghi nhận hàng bán bị trả lại thì phải ghi giảm số tiền thu của khách hàng hoặc ghi nợ trả lại khách hàng hoặc chi tiền trả lại ngay. Trường hợp nhận lại hàng không bán được thì phải ghi giảm giá vốn hàng đã bán ra trước đó.

1.3.3.4Nguyên tắc hạch toán:

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần). Và đính kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên.

1.3.3.5 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 5212 “ Hàng bán bị trả lại”

1.3.3.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

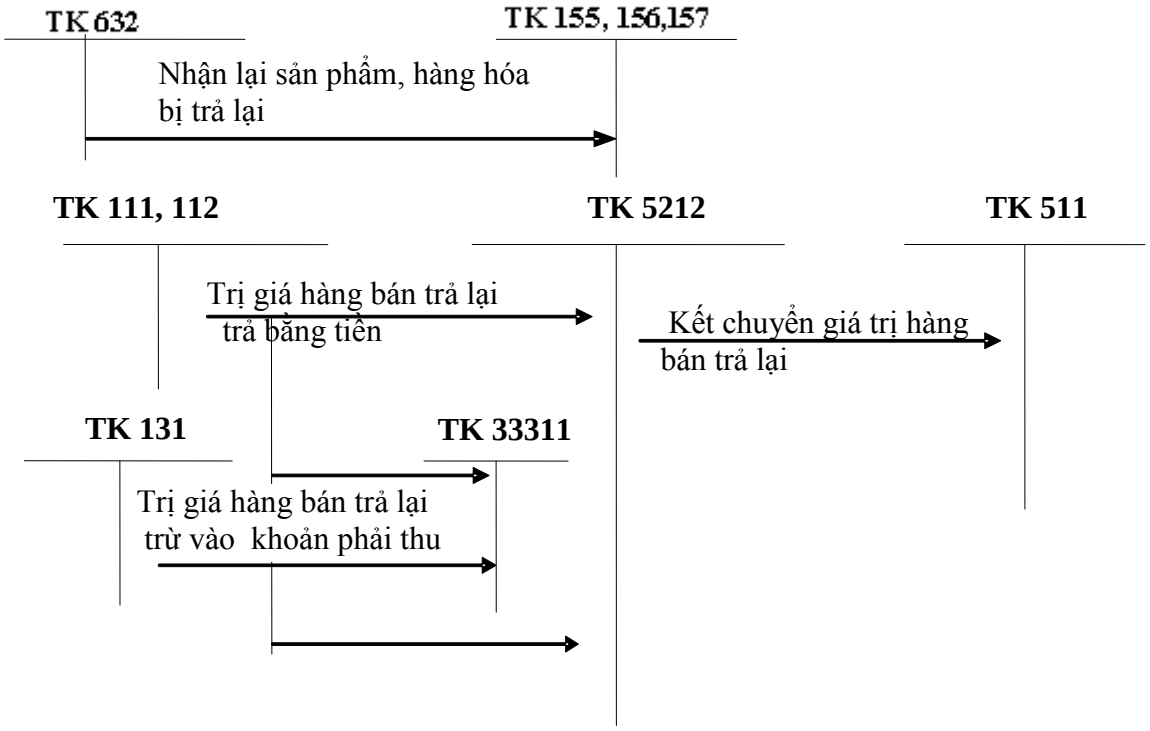

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại

1.4 Kế toán các khoản chi phí.

1.4.1 Gía vốn hàng bán.

1.4.1.1 Nội dung.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm đã bán được (hoặc cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Cách xác định giá vốn

Hiện tại các doanh nghiệp áp dụng 3 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

- Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp thực tế đích danh

1.4.1.3Nguyên tắc hạch toán:

- Giá vốn hàng bán ở những doanh nghiệp sản xuất chính là giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm, dịch vụ đã bán được trong từng kỳ kế toán. Ngoài ra còn một số các khoản

khác cũng được tính vào giá vốn hàng bán như: chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ, dự phòng giảm giá hàng tồn kho…

- Giá vốn hàng bán ở những doanh nghiệp thương mại, dịch vụ chính là giá mua vào của hàng hóa, dịch vụ.

1.4.1.3 Chứng từ, tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632-"Giá vốn hàng bán" để phản ánh trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ.

Chứng từ sử dụng

Kế toán sử dụng phiếu xuất kho NVL, hóa đơn mua hàng, PXK thành phẩm để tính giá vốn.

1.4.1.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

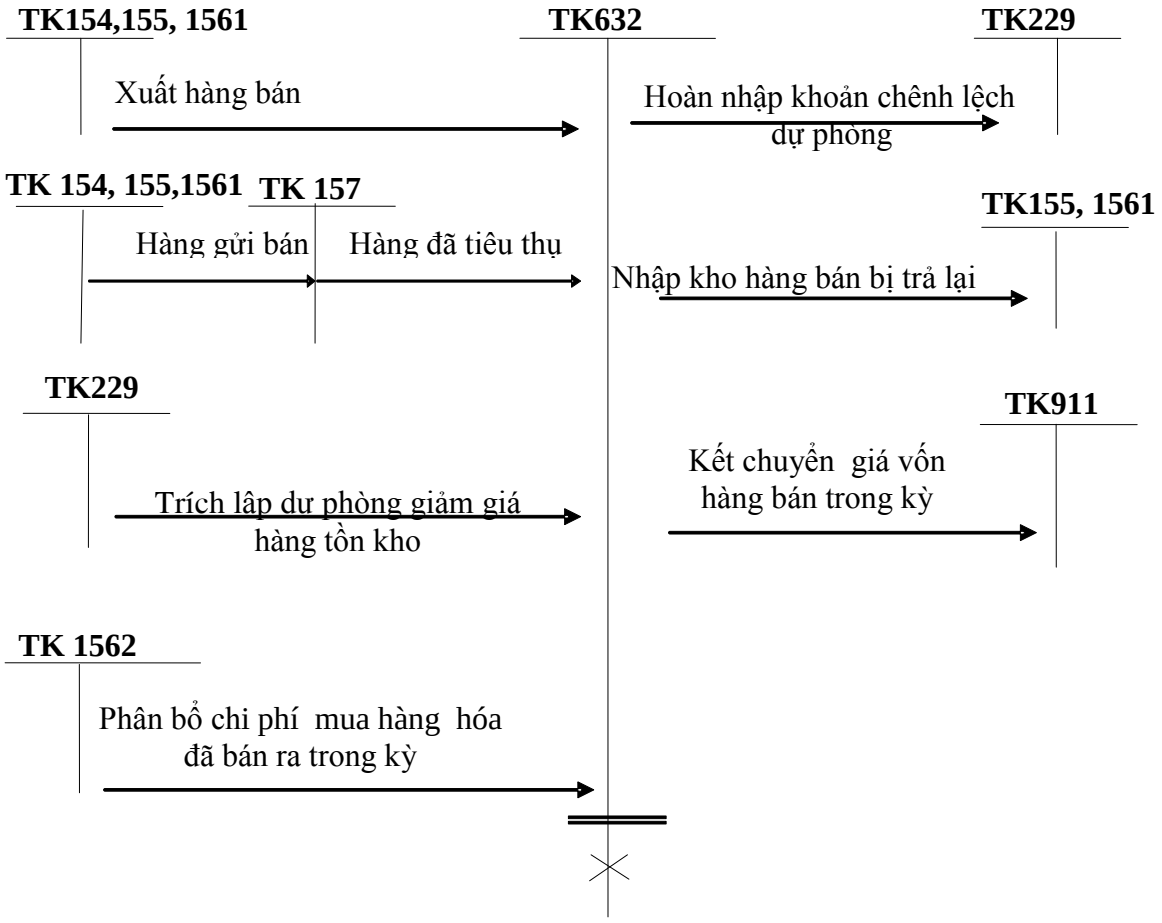

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.4.2 Chi phí bán hàng.

1.4.2.1 Nội dung.

Chi phí bán hàng là chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu bao bì phục vụ cho việc đóng góp sản phẩm, bảo quản sản phẩm, hàng hóa để vận chuyển đi tiêu thụ.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho hoạt động bán hàng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản hàng hóa, bộ phận bán hàng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền phục vụ cho hoạt động bán hàng như: quảng cáo và giao dịch, giao hàng, hoa hồng bán hàng và bảo hành sản phẩm…

1.4.2.2 Nguyên tắc hạch toán:

- Trong quá trình hạch toán chi phí bán hàng được mở chi tiết theo nội dung chi phí như sau: chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ, dịch vụ mua ngoài, dịch vụ khác bằng tiền.
- Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được tính hết vào giá thành toàn bộ sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.4.2.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng.

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641: chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ,...
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác”

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, phiếu thu
- Giấy nộp tiền

- Bảng lương và các khoản trích theo lương
- Các chứng từ liên quan.

1.4.2.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

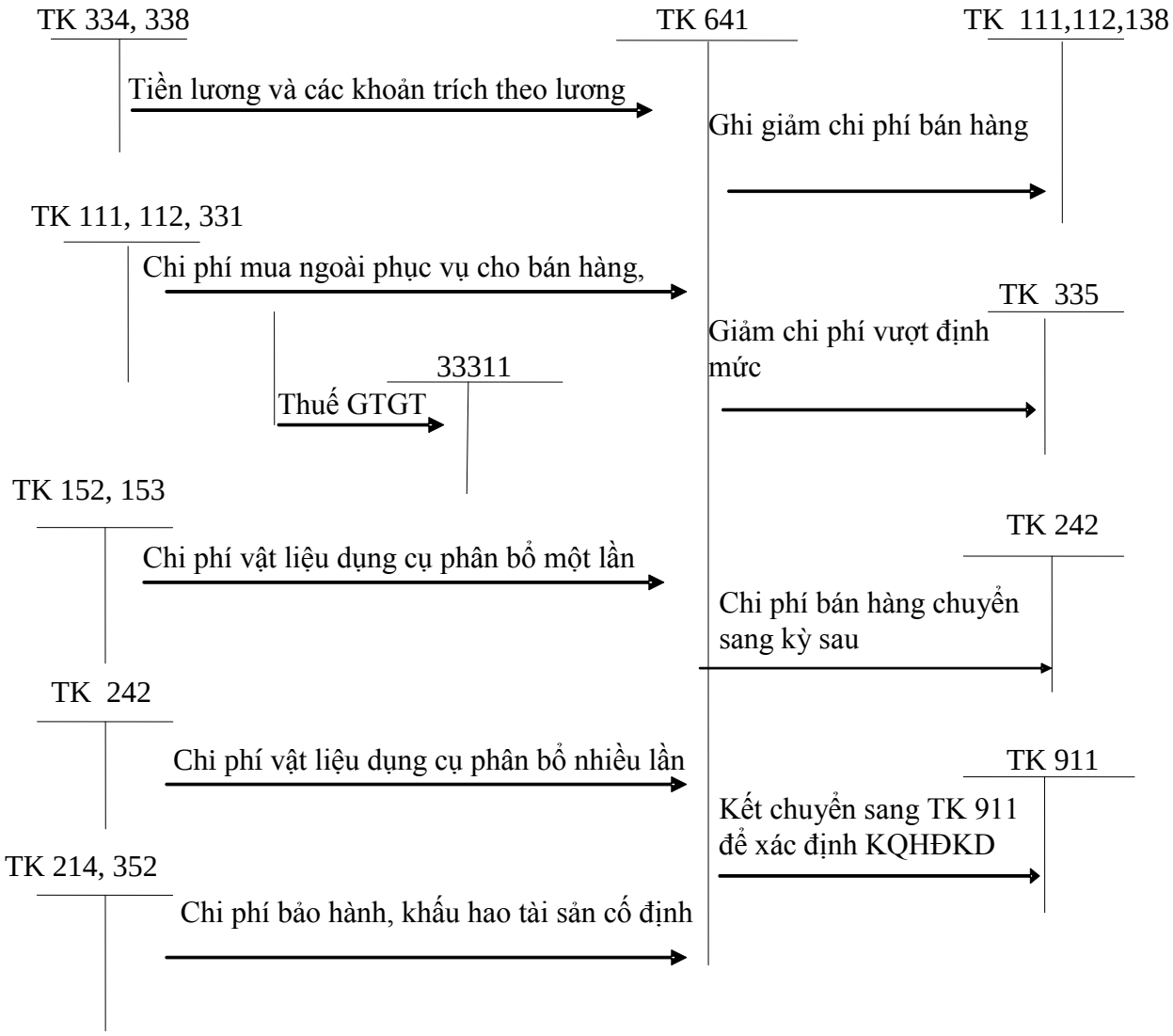

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

1.4.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.4.3.1 Nội dung.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí vật liệu phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí đồ dùng văn phòng phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp.
- Thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền phục vụ cho quản lý doanh nghiệp

1.4.3.2 Nguyên tắc hạch toán.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh phải được theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí đã phục vụ cho việc quản lý và lập báo cáo chi phí sản xuất theo yêu cầu. Chi phí quản lý doanh ngiệp phát sinh trong kỳ cũng được tính hết vào giá thành toàn bộ của những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.4.3.4 **Tài khoản, chứng từ sử dụng.**

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, phiếu thu
- Bảng lương và các khoản trích theo lương
- Giấy nộp tiền
- Các chứng từ liên quan

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421: "*Chi phí nhân viên quản lý"*
- Tài khoản 6422: *"Chi phí vật liệu quản lý"*
- Tài khoản 6423: *"Chi phí đồ dùng văn phòng"*
- Tài khoản 6424: *"Chí phí khấu hao TSCĐ"*
- Tài khoản 6425: *"Thuế, phí và lệ phí"*
- Tài khoản 6426: *" Chi phí dự phòng"*
- Tài khoản 6427: *"Chi phí dịch vụ mua ngoài"*
- Tài khoản 6428: *"Chi phí bằng tiền khác"*

1.4.3.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

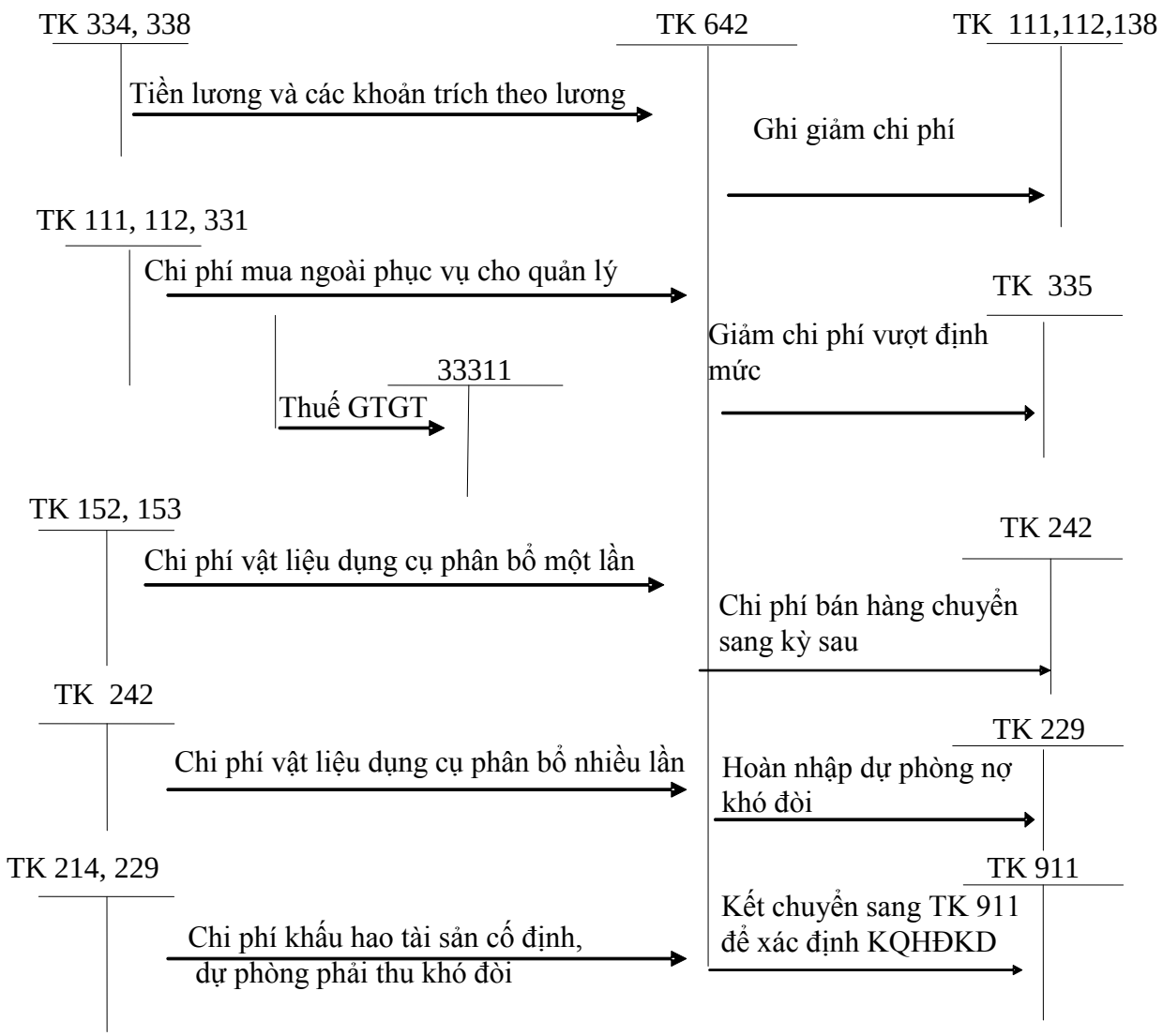

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.4 Chi phí hoạt động tài chính.

1.4.4.1 Nội dung.

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, … khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ,…

1.4.4.2 Nguyên tắc hạch toán:

- Đối với hoạt động mua bán chứng khoán, ngoại tệ ghi nhận vào chi phí tài chính phần chênh lệch lỗ do bán giá thấp hơn giá gốc của các loại chứng khoán hay ngoại tệ.
- Kết thúc hoạt động mua bán chứng khoán, ngoại tệ ghi nhận vào chi phí tài chính phần chênh lệch lãi bán giá cao hơn giá gốc của các loại chứng khoán hay ngoại tệ.
- Kết thúc hoạt động liên doanh, góp vốn liên doanh không thu hồi vốn phải ghi nhận vào chi phí tài chính trrong kỳ.

1.4.4.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Phiếu tính lãi, phiếu chi

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 "Chi phí tài chính".

1.4.4.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

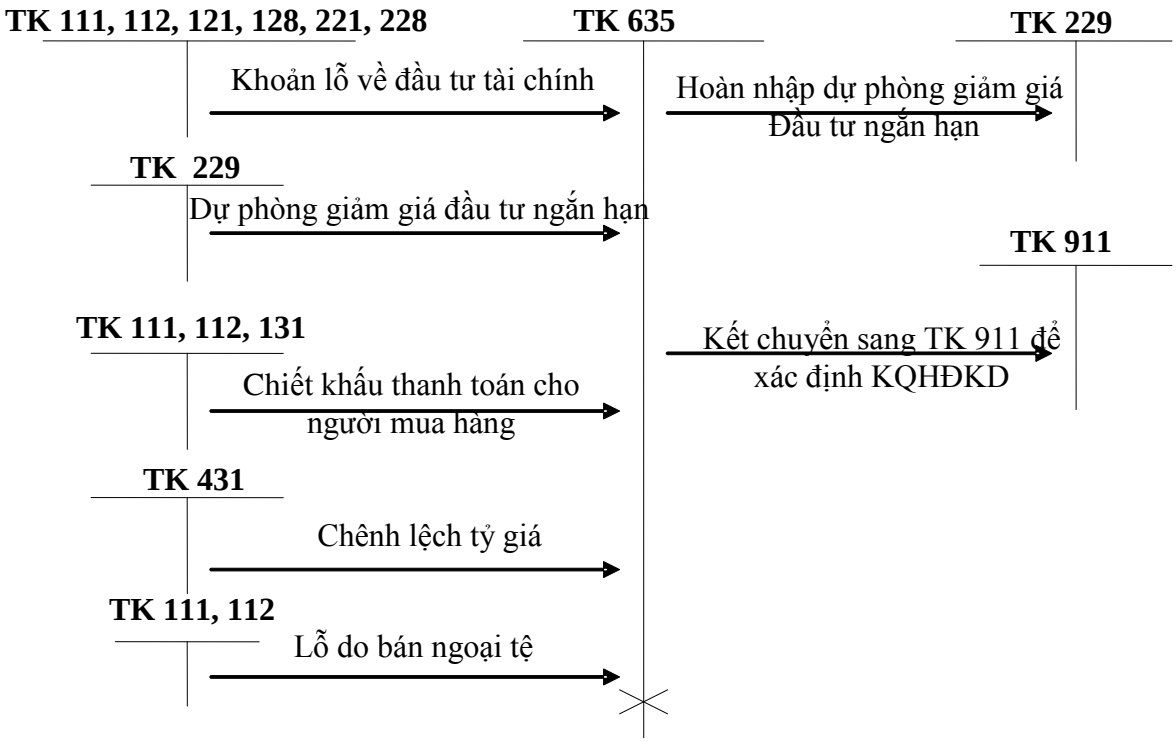

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.4.5 Chi phí khác.

1.4.5.1 Nội dung.

Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động xảy ra không thường xuyên như: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp

đồng kinh tế, bị truy phạt thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán

1.4.5.3 **Nguyên tắc hạch toán:**

Các khoản chi phí khác: khi ghi vào sổ sách kế toán phải có biên bản của hội đồng xử lý và được Thủ trưởng và Kế toán trưởng của đơn vị ký duyệt.

1.4.5.3 Tài khoản, chứng từ sử dụng.

Chứng từ sử dụng

+ Hợp đồng thanh lý tài sản
+ Phiếu chi từ các hoạt động khác
+ Hóa đơn GTGT
+ Các chứng từ liên quan

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811: "Chi phí khác"

1.4.5.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

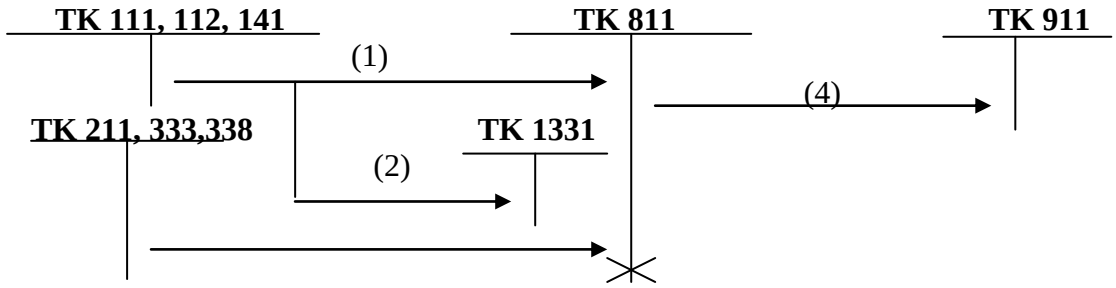

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

Chú thích:

(1) Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

(2) Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

(3) Giá trị còn lại của tài sản cố định sau khi được đánh giá lại, các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính, chi phí khác..

(4) Kết chuyển sang TK 911.

1.4.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4.6.1 Nội dung.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiêp TNDN là tổng hợp chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiêp TNDN) là tổng hợp chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành.
- Thuế TNDN hoãn lại phải trả là thuế TNDN phải nộp trong tương lai tính trê các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành.

1.4.6.3 Nguyên tắc hạch toán:

- Khoản thuế TNDN phải nộp của các năm trước bị sai sót được ghi tăng chi phí thuế TNDN cho năm hiện hành.
- Số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN tạm tính thì khoản thu nhập này được ghi giảm chi phí thuế TNDN.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế = Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế - Chi phí hợp lý trong kỳ tính thuế + Thu nhập chịu thuế khác.

Trong đó:

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế: là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cơ sở kinh doanh được hưởng. Trường hợp có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Hàng quý, khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp vào ngân sách Nhà nước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

1.4.6.3 Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821: "Chi phí Thuế TNDN", TK này có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 8211: *"Chi phí Thuế TNDN hiện hành*"
+ Tài khoản 8212: *"Chi phí Thuế TNDN hoãn lại"*

1.4.6.4 Sơ đồ kế toán tổng hợp

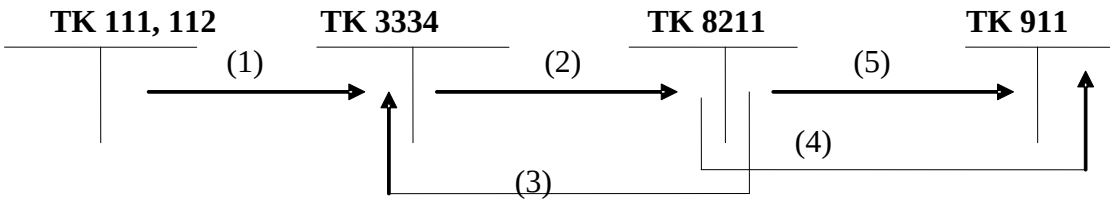

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chú thích:

(1) Doanh nghiệp chi tiền nộp thuế.

(2) Số thuế TNDN phải nộp bổ sung, tạm tính.

(3) Số thuế TNDN phải nộp nhỏ hơn số tạm nộp trong năm.

(4), (5) Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

1.5.Xác định kết quả kinh doanh.

1.5.1 Nguyên tắc hạch toán:

- Kết quả kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại sản phẩm, hàng hóa hay dịch vụ đã thực hiện của các bộ phận sản xuất khác nhau trong doanh nghiệp.
- Phải đảm bảo mối quan hệ tương xứng giữa doanh thu với các chi phí được trừ.Những chi phí phát sinh ở kỳ này nhưng có doanh thu được hưởng ở kỳ sau thì phải chuyển sang chi phí hoạt động của kỳ sau, khi nào doanh thu dự kiến đã thực hiện được thì chi phí có liên quan mới được trừ để tính kết quả kinh doanh.
- Không được tính vào chi phí của hoạt động kinh doanh những khoản chi như: chi phí hoạt động tài chính, chi phí bất thường, chi phí công tác nước ngoài vượt mức do Nhà nước quy định, các khoản chi do nguồn khác đài thọ…

Phương pháp tính:

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kết quả hoạt động khác.

Lợi nhuận thuần của hoạt động kinh doanh = Doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ - giá vốn hàng bán + doanh thu hoạt động tài chính- chi phí tài chính- chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Trong đó:

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – các khoản giảm trừ doanh thu.
+ Các khoản giảm trừ bao gồm: CKTM, HBBTL, GGHB,Thuế TTĐB, Thuế XK, Thuế VAT (theo phương pháp trực tiếp)

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Lợi nhuận kế toán trước thuế=Lợi nhuận thuần từ HĐKD + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế=Lợi nhuận kế toán trước thuế x thuế suất thuế TNDN

1.5.2 Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 911: " Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Nợ:

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
+ Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
+ Kết chuyển lãi.

Bên Có:

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
+ Kết chuyển lỗ.

- Tài khoản 421 : "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối"

Bên Nợ:

+ Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
+ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
+ Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
+ Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu;

Bên Có:

+ Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
+ Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;

+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

1.5.3 Sơ đồ kế toán tổng hợp.

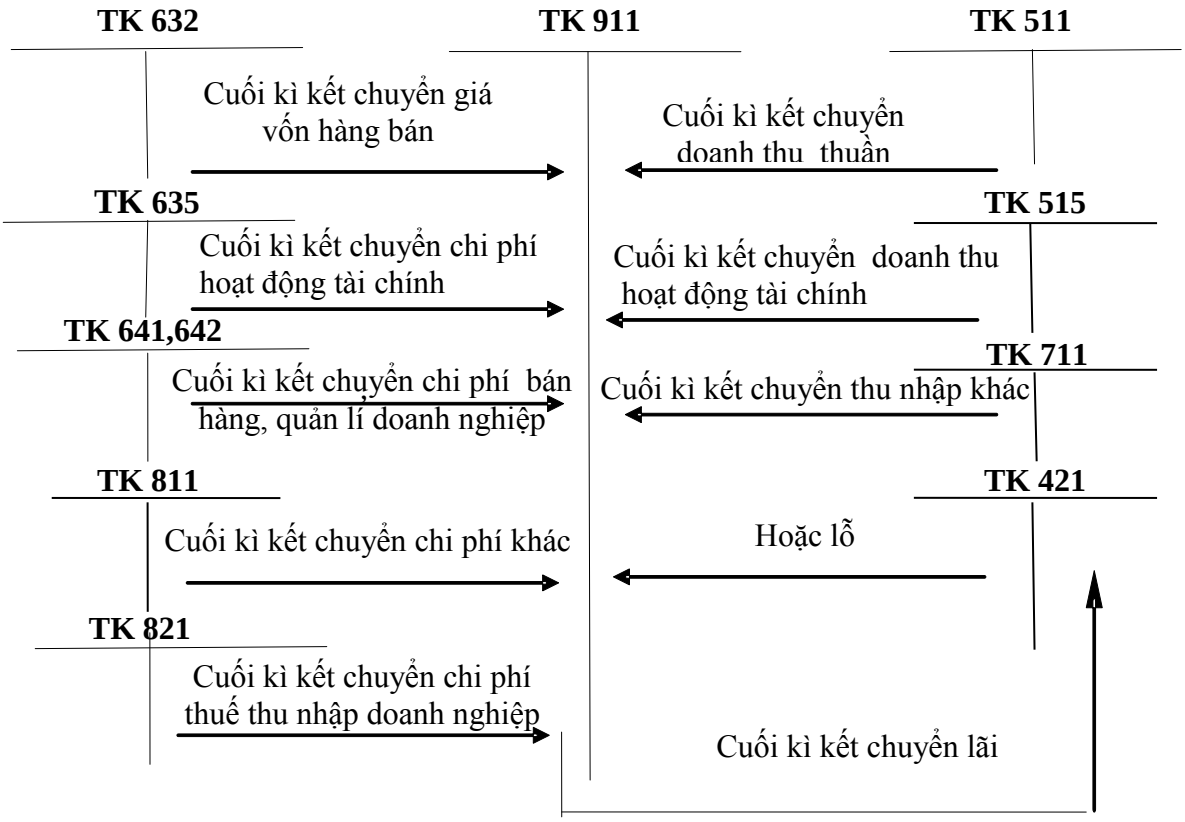

Sơ đồ 1.13: Hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh

1.5.4 TRÌNH BÀY THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải bao gồm các khoản mục chủ yếu sau đây:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ;
2. Các khoản giảm trừ;
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ;
4. Giá vốn hàng bán;
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ;
6. Doanh thu hoạt động tài chính;
7. Chi phí tài chính;
8. Chi phí bán hàng;
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp;

10. Thu nhập khác;
11. Chi phí khác;
12. Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất)
13. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh;
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp;
15. Lợi nhuận sau thuế;
16. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong lãi hoặc lỗ sau thuế (Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất);
17. Lợi nhuận thuần trong kỳ.

Các khoản mục bổ sung, các tiêu đề và số cộng chi tiết cần phải được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu hoặc khi việc trình bày đó là cần thiết để đáp ứng yêu cầu phản ánh trung thực và hợp lý tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chương 2: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ.

2.1 Giới thiệu chung về công ty

2.1.1 Giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của công ty.

2.1.1.1 Lịch sử hình thành.

- Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ được thành lập ngày 24/10/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306151133 do Sở Kế Hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.
- Tên công ty : CÔNG TY TNHH MTV CỌ VIỆT MỸ
- Trụ sở chính : 90 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Tp. HCM
- Tên viết tắt : VIET MY BRUSH
- Mã số thuế : 0306151133
- Vốn điều lệ : 1.500.000.000 đồng.
- Vốn pháp định : 1.500.000.000 đồng.
- Điện thoại : 08 3876 7888- 3755 4888
- Fax : +84 8 3755 1128
- Website: www.covietm.com.vn
- Ngày đăng ký kinh doanh: 24/10/2011
- Chủ doanh nghiệp: Nguyễn Thọ Khương
- Hình thức hoạt động: Sản xuât, bán buôn, bán lẻ...

➢ **Ngành nghề kinh doanh**

Công ty chuyên sản xuất- mua bán cọ lăn sơn và các dụng cụ thi công sơn như: Bàn chà nhám Jumbo, cọ lăn Việt Mỹ các loại(9in, 11cm, 15cm, 21cm, 23cm, Apllo 9in, Supreme 9in, Pro 3 màu, proN 9in, newwin 9in, newwin 15cm...), lăn chỉ mini 6cm, lăn chỉ mini 10cm, lăn chỉ sọc dài (30cm, 40cm, 60cm..).

➢ **Chức năng**

Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ có các chức năng như: Sản xuất- mua bán các loại cọ lăn để sử dụng trong các công trình xây dựng, thông qua đó thúc đẩy phát triển nền kinh tế, tăng doanh thu, tăng mức đóng góp cho ngân sách nhà nước.

➢ **Nhiệm vụ**

- Xây dựng và tổ chức bộ máy kinh doanh, tạo nguồn vốn, bảo toàn và kinh doanh có hiệu quả nguồn vốn đó.
- Thực hiện chế độ báo cáo kế toán tài chính theo đúng quy định hiện hành của Bộ tài chính, đảm bảo tính trung thực và hợp lí của Báo cáo tài chính.
- Khuyến khích, tạo việc làm cho người lao động.
- Tổ chức sản xuất và bảo quản hàng hóa đảm bảo cho lưu thông hàng hóa được thường xuyên, liên tục và ổn định trên thị trường.

2.1.1.2 Quá trình phát triển

Khi mới hình thành năm 2011 thì mặt hàng chủ yếu của công ty là cọ lăn và cọ sơn với số lượng mẫu mã còn hạn chế, sau 4 năm phát triển các sản phẩm của công ty đã trở nên phong phú đa dạng hơn với 38 mặt hàng. Để xây dựng thương hiệu và uy tín công ty luôn đặt vấn đề chất lượng của sản phẩm lên hàng đầu nên được khách hàng rất tin tưởng và tín nhiệm. Vì vậy chỉ từ một cơ sở nhỏ công ty đã dần đầu tư trang thiết bị với qui mô sản xuất lớn, hiện đại nên đã đa dạng hóa được các loại sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng. Bên cạnh đó công ty không ngừng đổi mới các chính sách bán hàng nên đã thu hút được một lượng lớn khách hàng thường xuyên mà chủ yếu là các công ty trong lĩnh vực xây dựng và các khách hàng bán buôn.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty.

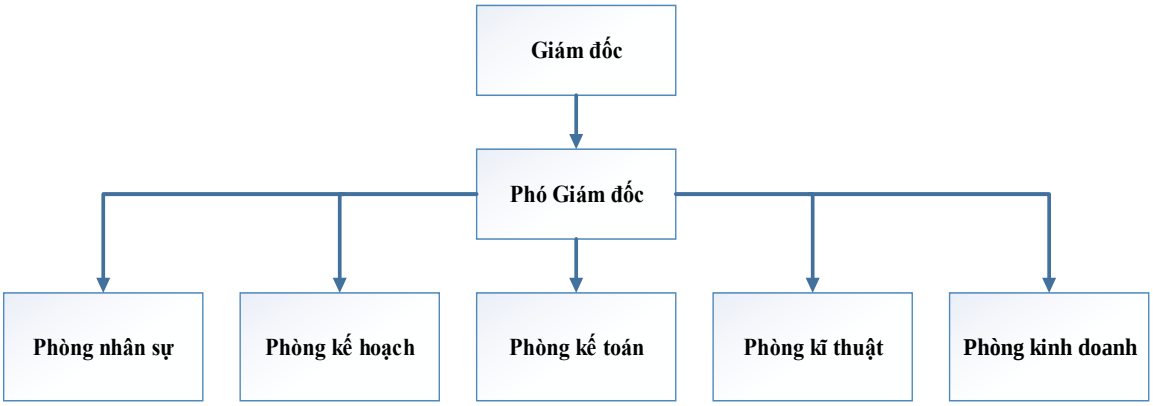

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lí

- **Giám đốc:** là người thực hiện lãnh đạo và điều hành trực tiếp các phòng ban và phân xưởng, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư. Đồng thời Giám đốc cũng chính là người chịu trách nhiệm ký xác nhận vào các loại phiếu thu, phiếu chi, các bản

hợp đồng trong và ngoài nước,... và các báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

- **Phó giám đốc**: là người dưới quyền Giám đốc và chịu trách nhiệm điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công của Giám đốc. Đồng thời Phó giám đốc là người thay mặt Giám đốc ký vào các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.
- **Phòng nhân sự:** chịu trách nhiệm quản lý lao động như kiểm tra ngày công làm việc của từng công nhân, nhân viên trong công ty, đảm bảo nguồn lực cần thiết cho công ty.
- **Phòng kế hoạch**: lập kế hoạch sản xuất hàng và cũng có thể kí hợp đồng với khách hàng.
- **Phòng kinh doanh:** Đảm nhiệm việc theo dõi tình hình hoạt động của công ty, theo dõi về hoạt động mua bán của công ty, phụ trách bảo quản hàng hóa của công ty.
- **Phòng kế toán:** có liên quan đến công tác thu chi, thanh toán công nợ, trả lương cho nhân viên, công nhân, hoạch toán sổ sách và lập các báo cáo kế toán.
- **Phòng kĩ thuật:** đảm bảo về mặt kĩ thuật, điều hành máy móc sản xuất ở phân xưởng, thực hiện kiểm tra chất lượng, mẫu mã sản phẩm.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức kế toán tại công ty.

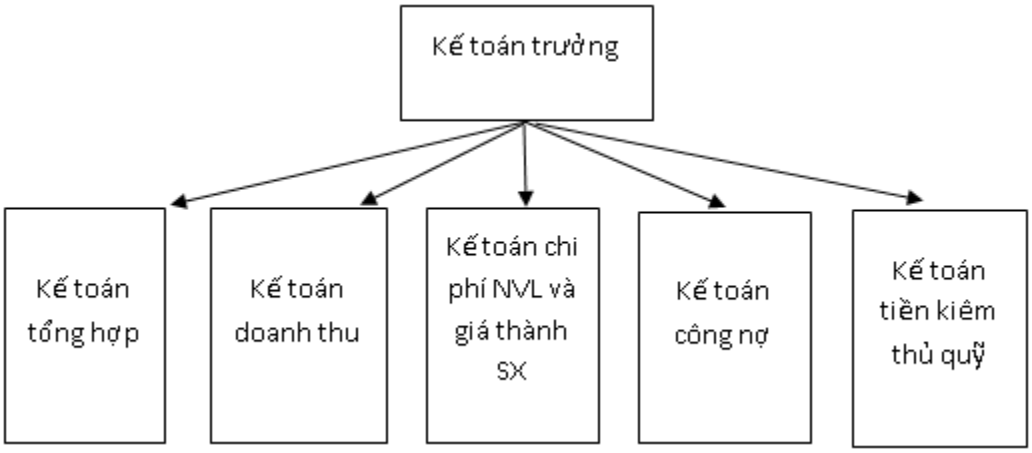

Sơ đồ 2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

<u>Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:</u>

Các bộ phận kế toán chịu sự quản lý và nhận nhiệm vụ trực tiếp từ kế toán trưởng.

❖ **Kế toán trưởng:** là người đứng đầu trong bộ máy kế toán, chỉ đạo trực tiếp bộ máy kế toán của công ty với nhiệm vụ:

- Tổng hợp kết quả kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán thống kê ở công ty, đồng thời có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tài chính ở công ty.
- Chỉ đạo, quản lý về hoạt động sử dụng vốn của công ty.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính của công ty.
- Thực hiện các nghĩa vụ kế toán.
- Lập báo cáo kết quả kinh doanh trình Ban Giám đốc.

❖ **Kế toán tổng hợp:**

- Là người hỗ trợ đắc lực cho kế toán trưởng trong việc tổ chức kế toán tại công ty.
- Kiểm tra và đối chiếu số liệu hạch toán của kế toán phần hành.
- Trực tiếp tham mưu cho kế toán trưởng về việc lập và phân tích các báo cáo kế toán định kỳ.
- Lập báo cáo quyết toán chuyển cho kế toán trưởng và Ban giám đốc duyệt.
- Xây dựng đơn giá tiền lương, chấm công lương.
- Lưu trữ và bảo quản các chứng từ gốc có liên quan đến thanh toán tiền lương, tiền tạm ứng cho công nhân viên của công ty.
- Tính tiền lương, các khoản thu nhập khác và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên của công ty

❖ **Kế toán doanh thu**

- Đối chiếu, ghi chép, nhập liệu các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm vào phần mềm
- Kiểm soát hóa đơn GTGT đầu ra và kiểm tra dữ liệu kê khai thuế đầu ra
- Chịu trách nhiệm đối soát doanh thu, công nợ
- Kiểm tra & đối chiếu số dư tài khoản với doanh thu hàng ngày & hệ thống bán hàng

❖ **Kế toán công nợ**

- Lưu trữ các chứng từ gốc có liên quan đến công nợ.
- Thu thập đối chiếu, kiểm tra công nợ phải thu, phải trả.
- Lập báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp về công nợ phải thu, phải trả.
- Kiểm tra thu chi theo đúng chế độ Nhà Nước.

- Theo dõi đôn đốc thu hồi công nợ phải thu, phải trả một cách kịp thời.
- Hàng tháng đối chiếu công nợ với khách hàng và nhà cung cấp.

❖ **Kế toán chi phí NVL và tính giá thành:**

- Theo dõi tình hình nhập xuất tồn vật tư, vật liệu.
- Lập phiếu nhập kho, xuất kho vật tư, vật liệu.
- Ghi sổ chi tiết vật tư hàng hóa, theo dõi chi tiết vật liệu đang sử dụng và chưa sử dụng.
- Lập báo cáo nhập xuất tồn nguyên vật liệu.
- Lưu giữ các chứng từ có liên quan.
- Theo dõi, phản ảnh chi phí sản xuất.
- Theo dõi chi phí sản xuất cho từng mặt hàng.
- Lập biểu tính giá thành sản phẩm dựa vào "Bảng định mức nguyên vật liệu" và các chứng từ liên quan đến việc thanh toán tiền lương, tiền tạm ứng.

❖ **Kế toán tiền kiêm thủ quỹ**

➢ *Kế toán tiền :*

- Kiểm tra các chứng từ có liên quan trước khi lập phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi,..
- Lập các báo cáo chi tiết cho kế toán trưởng và Giám đốc về việc thu, chi tiền hàng ngày trong tháng.
- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ có liên quan đến việc thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

➢ *Thủ quỹ:*

- Bảo quản tiền mặt, ngân phiếu và các chứng từ có liên quan.
- Cập nhật vào sổ quỹ, báo cáo tồn quỹ sau khi kiểm tra, đối chiếu sách.
- Kiểm kê quỹ hàng ngày (số tiền thực so với sổ sách)

***Hình thức kế toán áp dụng*:**Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung trên phần mềm kế toán Smart Pro, đối với phần mềm này thì tất cả các nghiệp vụ phát sinh đều sẽ được ghi vào sổ Nhật ký chung và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

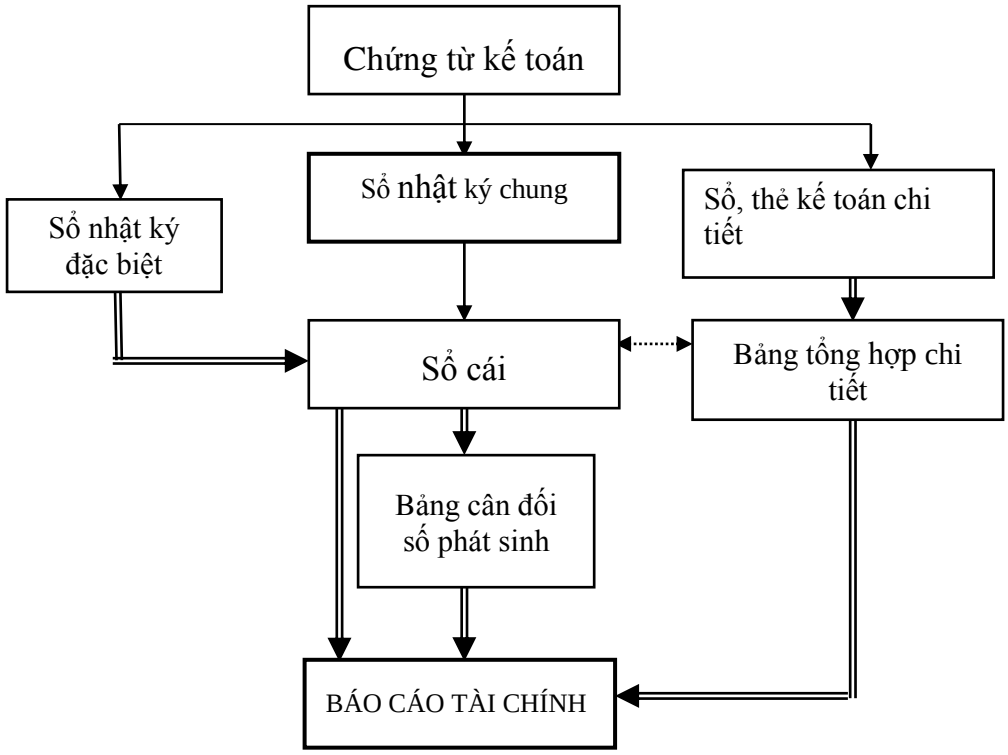

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Chú thích:

-Ghi hàng ngày: ⟶

-Ghi cuối tháng hoặc định kì: ⟹

-Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ⇢

<u>Hệ thống sổ sách áp dụng tại công ty:</u>

- Sổ nhật ký: Công ty sử dụng sổ Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ phát sinh. Số liệu trên sổ nhật ký chung được dùng để ghi vào sổ cái.
- Sổ cái: Là sổ phân loại dùng để hoạch toán tổng hợp, mỗi tài khoản được phản ánh trên một trang của sổ cái, sổ cái tài khoản: 156, 632, 511, 641, 642,… sổ cái tổng hợp 911
- Sổ chi tiết: Dùng để theo dõi phản ánh những nghiệp vụ kinh tế phát sinh cần phải theo dõi chi tiết.
- Thẻ kho: Dùng để theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn vật tư, hàng hóa trong kho.

<u>Trình tự ghi sổ như sau:</u>

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra trước hết kế toán sẽ ghi sổ Nhật Ký Chung nếu doanh nghiệp có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết sẽ được ghi đồng thời với sổ Nhật Ký Chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật Ký Chung kế toán sẽ ghi vào Sổ Cái theo từng

tài khoản phù hợp. Sau khi loại trừ những trường hợp phát sinh trùng nhau kế toán sẽ ghi vào sổ Nhật Ký đặc biệt rồi tổng hợp nghiệp vụ ghi vào Sổ Cái tài khoản (nếu có).

- Cuối mỗi tháng, quý, năm kế toán sẽ cộng số liệu trên Sổ Cái và lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Sau khi đã kiểm tra đúng số trên hóa đơn, chứng từ và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) thì kế toán sẽ lập các Báo cáo tài chính.

***Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán*:**

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

Chế độ kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 23/06/2006 của Bộ Tài chính và thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật Ký Chung
- Nộp thuế GTGT theo *phương pháp khấu trừ*.
- Hóa đơn GTGT theo mẫu số: 01GTKT3/001 (hóa đơn trong nước) mẫu số: 06HDXK3/001 (hóa đơn xuất khẩu).

Chính sách kế toán áp dụng:

- Phương pháp tính giá vốn hàng bán: *bình quân gia quyền cuối kỳ.*
- Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: *thực tế phát sinh.*
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: *khấu hao đường thẳng*.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *kê khai thường xuyên*

Hệ thống báo cáo của Công ty:

- Bảng cân đối kế toán theo mẫu số **B-01/DN**.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mẫu số **B-02/DN**.
- Tờ khai thuế TNDN mẫu số **03/TNDN**.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ mẫu số **B-03/DN**.
- Thuyết minh báo cáo tài chính mẫu **B09-DN.**

Giới thiệu về phần mềm SMART PRO được sử dụng tại công ty

SMART là sản phẩm phần mềm kế toán của công ty NĂNG ĐỘNG, Smart được xây dựng trên nền tảng Microsoft Visual Studio 2005 Và SQL Server 2005 - một trong những công nghệ hiện đại và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới. Smart được thiết kế thông minh và linh hoạt rất dễ cho việc nâng cấp vào bảo trì phần mềm. Smart có thể chạy trên máy tính cá nhân hoặc mạng cục bộ cho phép nhiều người cùng chia sẻ một cơ sở dữ liệu.

Phần mềm này phù hợp với các Công ty xây dựng, sản xuất, thương mại, dịch vụ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổng công ty hoặc liên hiệp các xí nghiệp quản lý trực tiếp hai cấp (cấp tổng công ty và công ty thành viên). Đối với các công ty làm dịch vụ kế toán thì Smart hổ trợ chức năng tạo nhiều Database nên rất thuận lợi để làm nhiều công ty trên một phần mềm, mỗi công ty là 1 Database độc lập, số Database tạo không hạn chế.

Smart được thiết kế thông tin chỉ cần nhập một lần từ màn hình nhập phát sinh, hệ thống sẽ tự động ghi vào sổ cái và các sổ chi tiết một cách thích hợp. Các số liệu được lưu chuyển trong nhiều kỳ kế toán và luôn bảo đảm nguyên tắc liên tục.

Hệ thống báo cáo của Smart được bao gồm:

- Các báo các chi tiết nhằm phản ánh các hoạt động chi tiết của kế toán như kế toán tiền mặt, vật tư, hàng hóa, công nợ …
- Các báo tài chính nhằm cho biết tình hình hoạt động tổng quát của toàn doanh nghiệp.
- Báo cáo thuế theo thông tư mới nhất của bộ tài chính.
- Các báo cáo cung cấp thông tin nhanh cho nhà quản trị.
- Ngoài ra Smart còn cung cấp cho người dùng các báo cáo theo ý muốn bằng công nghệ ADO.

Do có được những tính năng nổi bật trên thì công ty đã sử dụng phần mềm này để hỗ trợ trong công tác hạch toán cũng như lập các báo cáo kế toán.

Trình tự ghi sổ tại công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ như sau:

- Mỗi ngày, kế toán dựa trên các hóa đơn bán hàng, chứng từ phát sinh kế sẽ nhập dữ liệu vào phần mềm Smart Pro.
- Phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật Ký Chung, Sổ Chi Tiết, Sổ Cái tài khoản để tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ.
- Cuối tháng, dựa vào số liệu của Sổ Cái tài khoản, phần mềm sẽ tự động lập ra Bảng cân đối số phát sinh, kế toán có thể dựa vào những thông tin trên sổ cái và xuất ra các báo

cáo tài chính như: bảng cân đối tài khoản, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ...

- Kế toán căn cứ vào những ghi chép, thống kê của phần mềm để lập bảng tính giá thành và hệ thống sổ sách cũng như các Báo cáo tài chính của công ty.

Hệ thống chứng từ.

Công ty sử dụng hệ thống các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT đầu ra: gồm có 3 liên, được sử dụng để kê khai nộp thuế GTGT đầu ra và hạch toán các nghiệp vụ bán hàng.
- Hóa đơn GTGT đầu vào: được sử dụng để kê khai nộp thuế GTGT đầu vào và cơ sở để hạch toán các khoản chi phí.
- Phiếu thu: dùng để thu tiền bán hàng, thanh lí TSCĐ, các khoản thu khác...
- Phiếu chi: sử dụng để chi mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhập kho, chi trả nợ gốc, lãi vay và các khoản chi phát sinh khác.
- Phiếu xuất kho: PXK nguyên vật liệu và PXK thành phẩm
- Phiếu nhập kho: PNK nguyên vật liệu, PNK thành phẩm

2.1.4 Tình hình công ty những năm gần đây.

Chỉ tiêu	**Năm 2012**	**Năm 2013**
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**26.870.465.600**	**28.958.251.272**
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**26.870.465.600**	**28.958.251.272**
Giá vốn hàng bán	25.655.079.856	27.463.483.244
Lợi nhuận gộp	**1.215.385.744**	**1.494.768.028**
Doah thu tài chính	9.959.260	2.466.554
Chi phí tài chính	343.199.312	352.318.251
Chi phí bán hàng	300.890.889	428.954.474
Chi phí quản lý doanh nghiệp	395.737.010	575.141.164
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	**185.517.79**	**140.820.693**

doanh		
Thu nhập khác	743.520	254.863.513
Chi phí khác	6.332.062	279.448.375
Lợi nhuận khác	**(5.588.542)**	**(24.584.862)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**179.929.251**	**116.235.831**
Chi phí thuế TNDN	32.595.730	35.206.996
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**14.333.521**	**81.028.835**

(Trích BCTC 2012 và 2013 của công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ)

Bảng 2.1: Tình hình kinh doanh công ty năm 2012-2013

Qua bảng trên ta thấy dù mới thành lập không lâu nhưng doanh thu bán hàng của công ty tăng qua từng năm. Điều này cho thấy việc hoạt động của công ty ngày càng được người sử dụng biết đến và tin tưởng hơn, cũng như việc sản xuất và quản lý ngày càng hiệu quả.

2.1.5 Thuận lợi, khó khăn, phương hướng phát triển.

❖ **Thuận lợi:**

Luôn được sự quan tâm của Tỉnh Ủy, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh và các ban ngành chức năng, sự năng động của Ban Giám Đốc Công Ty, sự phối hợp chặt chẽ của các đoàn thể với phòng nghiệp vụ và các phân xưởng đã tạo được động lực mạnh mẽ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Đội ngũ công nhân do công ty đào tạo học việc rất nhanh, sớm tiếp thu được công việc.

Do có sự quan tâm, đôn đốc sâu sắc của Ban Giám Đốc nên đội ngũ công nhân làm việc rất hăng say, nhiệt tình, đoàn kết, gắn bó và vui vẻ trong công việc.

Hệ thống kiểm soát chất lượng nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 được duy trì và vận hành đều đặn đã không ngừng nâng cao hiệu công tác quản lý và uy tín của công ty với các khách hàng ngày một nâng cao.

❖ **Khó khăn:**

Ra đời từ năm 2011 đến nay, Công ty chỉ mới thành lập và hoạt động được 4 năm. Vì thế mà Công ty vẫn tồn tại những khó khăn chung mà hầu hết các Công ty còn non trẻ đều gặp phải.

Quy mô sản xuất chưa lớn, chưa được khách hàng biết đến nhiều cũng như chưa có chỗ đứng trên thị trường kinh doanh và trang thiết bị của công ty vẫn còn rất hạn chế.

Nền kinh tế của nước ta đang trong quá trình hội nhập với nền kinh tế trong khu vực và thế giới nên gặp không ít những thách thức, khó khăn.

❖ **Phương hướng phát triển:**

Việt Nam nói chung và Tp.HCM nói riêng đang có những biện pháp thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tạo ra niều cơ hội việc làm mới. Việc hội nhập kinh tế, tăng cường hợp tác đầu tư với nước ngoài của Nhà nước đã tạo tiền đề thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước muốn tồn tại và phát triển phải có những định hướng đúng đắn, những định hướng lâu dài nhằm đưa Công ty ngày càng phát triển và mở rộng thị trường.

2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ.

2.2.2 Đặc điểm kinh doanh, các phương thức tiêu thụ và thanh toán tại công ty

2.2.1.1 Đặc điểm kinh doanh.

➢ **Quy trình công nghệ sản xuất**

Tuy công ty sản xuất rất nhiều loại cọ khác nhau nhưng quy trình sản xuất mỗi loại cọ giống nhau chỉ khác nhau về kích thước khuôn và nguyên liệu làm cọ. Quy trình này được thực hiện theo 2 giai đoạn: Sản xuất bán thành phẩm và giai đoạn lắp ráp.

Công nghệ sản xuất cọ lăn sơn được thể hiện qua quy trình sau:

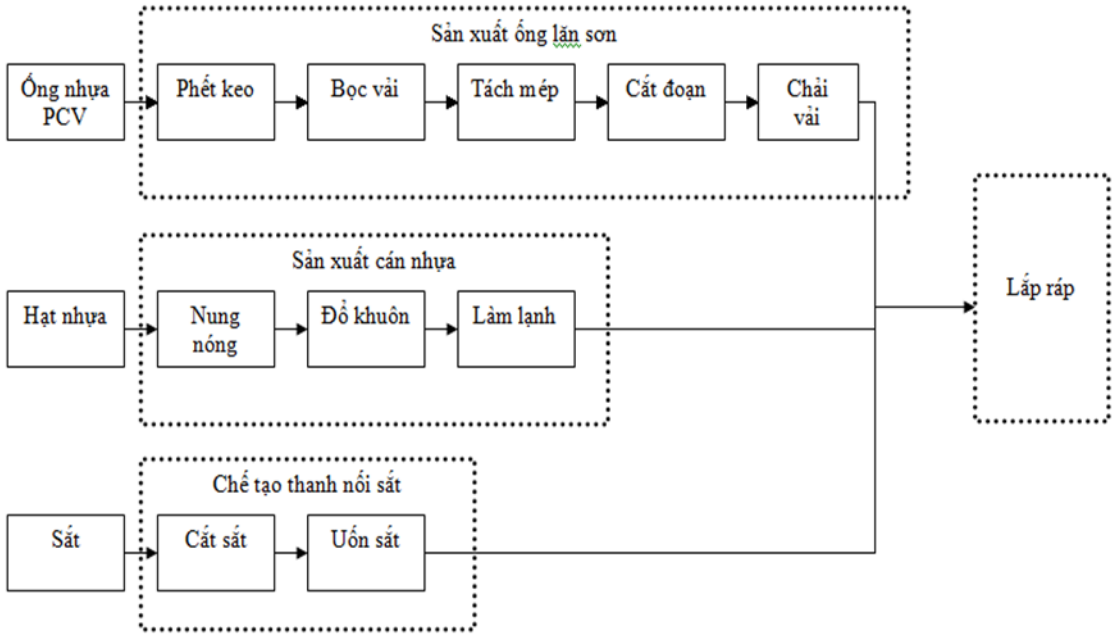

Sơ đồ 2.4: Quy trình công nghệ sản xuất cọ lăn sơn Việt Mỹ

Giải thích quy trình: Quy trình sản xuất được chia làm 2 giai đoạn chính:

- **Giai đoạn 1:** Chuẩn bị đầu vào, sản xuất bán thành phẩm. Giai đoạn này được tiến hành sản xuất đồng thời các bán thành phẩm:

Sản xuất ống lăn sơn: Ống lăn sơn là ống được bọc bên ngoài bằng một lớp vải có thể làm từ những loại sợi tổng hợp polyeste hoặc nylon.

Vải bọc con lăn được sản xuất dưới dạng 1 dải băng dài và có bề rộng tùy theo loại con lăn cần sản xuất, dải băng này sẽ được đưa vào một cỗ máy để bọc ngoài con lăn.

Khâu đầu tiên là khâu phết 1 lớp keo êboxit lên toàn bộ bề mặt của ống nhựa PVC, một trục quay tròn sẽ kéo căn dải vải và quấn chặt nó xung quanh ống nhựa. Một vòi phun khí sẽ có tác dụng tách các sợi vải ở các mép để tránh cho các mép vải chồng lên nhau. Khi ống nhựa được phủ kín vải, người ta cắt rời dải vải để tiếp tục quấn ống nhựa tiếp theo. Keo sẽ khô sau khoảng 8h, sau đó ống nhựa được đưa vào một cỗ máy khác để được cắt thành nhiều con lăn nhỏ. Khi được đưa đến cỗ máy này, ống nhựa đang được lăn tròn, vì vậy chỉ cần 1 lưỡi dao cắt đơn giản ta có thể cắt ống nhựa dễ dàng. Từ một ống dài, ta sẽ cắt thành những con lăn nhỏ. Cỗ máy tiếp theo sẽ chải cho lớp vải được mượt nhờ vào một bàn chải kim loại, đồng thời làm cho các sợi nilon trên vải xù bông lên, sau đó nó cắt vát lớp lông ở 2 đầu của con lăn. Để làm cho các sợi bông trên vải xù bông hơn nửa, người ta sẽ quay con lăn với tốc độ 3500 vòng/phút, đồng thời một máy hút bụi sẽ hút hết những sợi vải thừa.

Sản xuất cán nhựa: Trong khoảng thời gian sản xuất ống lăn sơn, người ta sản xuất phần cán của con lăn, hạt nhựa được nung nóng, sau đó người ta đổ nhựa ngưng chảy vào trong khuôn có hình chiếc cán, một hệ thống làm lạnh sẽ thổi cho những cán nhựa nguội chỉ trong vòng vài giây. Cán được làm từ nhựa polypropylen – một loại nhựa dẻo nóng rất cứng và loại nhựa polyetylen màu – một loại nhựa dẻo nóng rất nhẹ..

Sản xuất thanh nối sắt: thanh sắt dài được cắt thành những đoạn nhỏ bằng nhau và uốn cong lại.

- **Giai đoạn 2: Lắp ráp:** Những vành bằng nhựa có tác dụng gắn liền các chi tiết khác nhau, khâu lắp ráp được thực hiện tự động hoàn toàn. Vành ở đáy sẽ được lắp vào trước và được giữ cố định ở phần mấu của cán, tiếp theo họ lắp con lăn, vành ở đáy sẽ khớp chặt vào đầu con lăn, sau đó ta lắp nốt vành nhựa ở trên. Một chốt kim loại sẽ có tác dụng giữ cho các vành được gắn chặt vào con lăn và cọ lăn sơn được hoàn thành.

2.2.1.2 Phương thức bán hàng

Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ chuyên cung cấp thành phẩm, hàng hóa cọ lăn sơn và các dụng cụ thi công sơn sỉ và lẻ nên hầu hết khách hàng của công ty là các công ty xây dựng và các chủ cửa hàng vật tư xây dựng trong nội thành và các tỉnh lân cận.

Hàng tháng, dựa vào các hợp đồng kinh tế đã kí kết, công ty sẽ xuất kho sản phẩm hàng hóa, thành phẩm đúng như thõa thuận trên hợp đồng cho khách hàng. Ngoài ra, công ty còn trực tiếp bán lẻ sản phầm cho những khách hàng có nhu cầu, đây là những khách hàng vãng lai của công ty nên số lượng và khối lượng hàng bán không cố định.

Doanh thu được ghi nhận khi bộ phận bán hàng xuất hóa đơn bán hàng cho khách hàng.

Công ty bán hàng theo 2 hình thức: Bán buôn thành phẩm, hàng hóa qua kho theo hình thức chuyển hàng và hình thức bán lẻ thu tiền trực tiếp.

- Hình thức bán buôn qua kho theo hình thức chuyển hàng: Hàng tháng, bộ phận kinh doanh căn cứ vào các hợp đồng kinh tế, các đơn đặt hàng sẽ lập các phiếu xuất kho chuyển hàng giao tại kho bên mua theo thõa thuận trên hợp đồng. Trường hợp khách hàng gọi điện đặt hàng thì công ty sẽ xuất kho số lượng hàng hóa, thời gian mà khách hàng yêu cầu. Khi nhận được hàng, bên mua sẽ thanh toán tiền hàng trực tiếp hay thanh toán bằng chuyển khoản cho bên bán tùy theo sự thõa thuận của 2 bên. Trường hợp khách hàng mua chịu thì phải được sự phê duyệt của Giám đốc.
- Hình thức bán lẻ thu tiền trực tiếp: nhân viên bán hàng thuộc bộ phận kinh doanh sẽ thu tiền trực tiếp của khách hàng đồng thời xuất kho giao hàng cho khách hàng.

2.2.1.3 Phương thức thanh toán:

Công ty áp dụng 2 hình thức toán: thu tiền trực tiếp và nhận thanh toán bằng chuyển khoản

- Phương thức thu tiền trực tiếp được áp dụng với các khách hàng vãng lai, các khách hàng bán buôn không có thõa thuận mua chịu trên hợp đồng.
- Phương thức chuyển khoản được thực hiện với các đơn đặt hàng lớn và phải được kí duyệt bởi Giám đốc công ty, về thời hạn thanh toán sẽ được trình bày đầy đủ như trên hợp đồng bán chịu hàng hóa.

2.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- *Hóa đơn GTGT:* Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên, liên 1: lưu, liên 2: gửi cho khách hàng, liên 3: gửi cho bộ phận kế toán . Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT liên 3 do bộ phận kinh doanh chuyển sang để tiến hành nhập liệu vào phần mềm để ghi nhận doanh thu bán hàng.
- *Hợp đồng kinh tế.*
- *Phiếu xuất kho:* Ghi rõ tên khách hàng, tên thành phẩm, hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền
- *Phiếu thu:* Trên phiếu thu ghi rõ tên khách hàng, số hóa đơn, tổng số tiền thanh toán

2.2.2.2Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu bán hàng của Công ty, kế toán sử dụng tài khoản:

TK 511: "*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".* TK này có 2 tài khoản cấp 2

- TK 5111 : *"Doanh thu bán hàng hóa".*
- TK 5112: "*Doanh thu bán thành phẩm"*

Những hàng hóa, thành phẩm chủ yếu của công ty thường được mua hoặc sản xuất với số lượng lớn như:

- Hàng hóa: Lăn chỉ mini 10cm, lăn chỉ mini 6cm, ống lăn chỉ sọc dài 10cm...
- Thành phẩm: Cọ lăn sơn Việt Mỹ 09 in, cọ lăn sơn Việt Mỹ 15cm, ống lăn sơn Việt Mỹ 21 cm không cán, cọ lăn Việt Mỹ Home -Pro 9in, cọ lăn Việt Mỹ Newwin 9in...

Phụ lục: Danh mục hàng hóa, thành phẩm.

2.2.2.3 Trình tự luân chuyển chứng từ

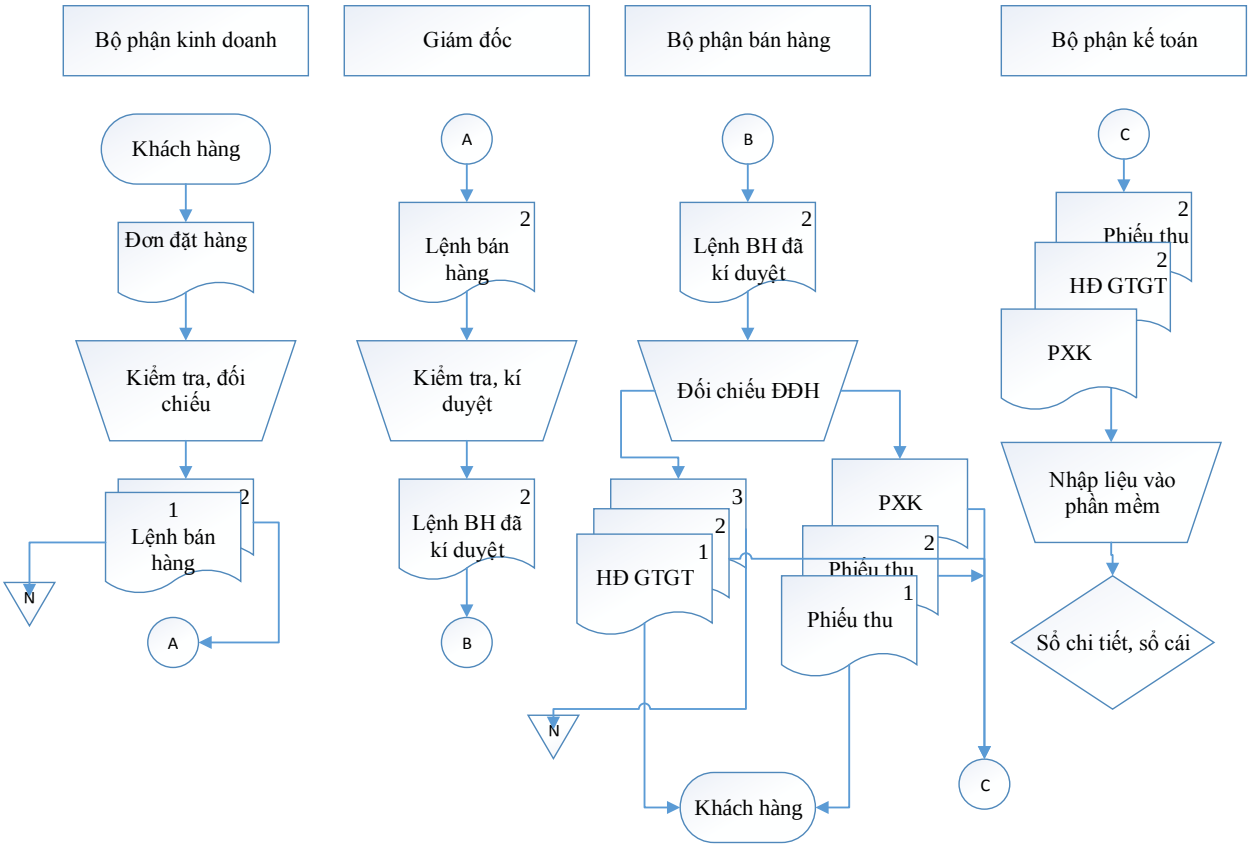

Sơ đồ 2.5: Trình tự luân chuyển chứng từ khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng

Diễn giải:

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, bộ phận kinh doanh sẽ kiểm tra thông tin khách hàng và lập lệnh bán hàng 2 liên, 1 liên lưu trữ tại bộ phận, 1 liên gửi cho Giám đốc kí duyệt. Lệnh bán hàng được duyệt sẽ được gửi sang bộ phận bán hàng. Bộ phận bán hàng sẽ kiểm tra đối chiếu đơn đặt hàng với lệnh bán hàng liên 2 đã kí duyệt để lập hóa đơn bán hàng và phiếu thu tiền khi khách hàng đến nhận hàng. Khi khách hàng thanh toán tiền hàng, bộ phận bán hàng sẽ giao cho khách hàng 1 liên của HĐ GTGT (liên 2) và liên 1 của Phiếu thu, đồng thời bộ phận bán hàng cũng lập các phiếu xuất kho lấy hàng giao cho khách hàng. Phiếu xuất kho này sẽ được đính kèm với 1 liên HĐ GTGT (liên 3) và liên 2 của Phiếu thu và gửi cho bộ phận kế toán. Tại bộ phận kế toán, kế toán công nợ sẽ nhập liệu vào phần mềm kế toán, đồng thời ghi vào sổ nhật kí chung trên Excel. Hàng tháng, kế toán sẽ lập các sổ cái TK, sổ chi tiết theo yêu cầu của kế toán trưởng.

2.2.2.4 Minh họa một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ

2.2.2.4.1 Nghiệp vụ kinh tế bán hàng hóa.

Đối với các loại hàng hóa như: Lăn chỉ mini 6cm, lăn chỉ mini 10cm, súng bắn keo...là những sản phẩm công ty mua về để kinh doanh thì kế toán hạch toán doanh thu vào tài khoản 5111: "Doanh thu bán hàng hóa"

Ví dụ:

Căn cứ vào hóa đơn 0001360 ngày 30/6/2014, xuất kho bán 650 lăn chỉ mini 6cm với giá bán 3211đồng/cây cho anh Vũ Đình Hùng chưa thu tiền, thuế VAT 10%. Kế toán ghi:

Nợ TK 131: 2.295.865

Có TK 5111: 2.087.150

Có TK 33311: 208.715

Trong quý 2/2014 chỉ phát sinh một nghiệp vụ bán hàng hóa là lăn chỉ mini 6cm

Cuối quý 2, kế toán kết chuyển doanh thu bán hàng hóa để xác định lợi nhuận

Nợ TK 5111: 2.087.150

Có TK 911: 2.087.150

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu :5111 - - Doanh thu bán hàng hóa

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
30/06/2014	HDBR.0001360	30/06/2014	Doanh thu bán Cọ lăn Việt Mỹ Apollo 9in,9in, 23cm (Thay ống), 21cm, Newwin 15cm, Cọ lăn Việt Mỹ 15cm, lăn chỉ mini 6cm, HĐ 0001360, ngày 30/06/2014	131		2.087.150
30/06/2014	KC.07	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	2.087.150	
			CỘNG PHÁT SINH		**2.087.150**	**2.087.150**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**2.087.150**	**2.087.150**

2.2.2.4.2 Nghiệp vụ kinh tế bán thành phẩm.

- Căn cứ vào HĐ số 0001075 ngày 01/04/2014 xuất kho bán 120 cây cọ lăn sơn Việt Mỹ 09in cho công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Như Lộc với đơn giá bán là 12400 đồng/ chưa thu tiền, thuế VAT 10%. Kế toán ghi:

Nợ TK 131: 1.636.800

Có TK 5112: 1.488.000

Có TK 33311: 148.800

- Căn cứ vào PT số 001/04 ngày 01/04/2014 kế toán ghi giảm nợ phải thu:

Nợ TK 1111: 1.636.800

Có TK 131: 1.636.800

-Căn cứ vào hóa đơn số 0001076 ngày 01/04/2104 xuất kho hàng bán cho Công ty TNHH Trung Khang bán 600 cây cọ Lăn sơn Việt Mỹ 09in đơn giá bán 12400đồng/cây, 550 cây cọ lăn Việt Mỹ 23cm giá bán 10181đồng/cây, 220 cây cọ lăn Việt Mỹ 21cm đơn giá 9.454đồng/cây, 110 cây cọ lăn Việt Mỹ 15cm đơn giá 7.927đồng/cây, 110 cây cọ lăn Việt Mỹ 11cm đơn giá bán 6763đồng/cây chưa thu tiền, thuế VAT 10%. Kế toán ghi:

Nợ TK 131: 18.408.863

Có TK 5112: 16.735.330

Có TK 33311: 1.673.533

-Căn cứ vào phiếu thu số 002/04 ngày 01/04/2104 kế toán ghi giảm nợ phải thu của khách hàng

Nợ TK 1111: 18.408.863

Có TK 131: 18.408.863

-Căn cứ vào hóa đơn 0001360 ngày 30/6/2014, xuất kho bán 20000 cây cọ lăn Việt Mỹ Apollo 9in đơn giá bán: 12518đồng/cây, 4800 cây cọ lăn Việt Mỹ 9in với giá bán 11554đồng/cây, 240 cây cọ lăn Việt Mỹ 23cm(thay ống) với giá bán: 8601 đồng/cây, 550 cây cọ lăn Việt Mỹ 21cm với giá bán 8810đồng/cây, 1650 cây cọ lăn Việt Mỹ Newwin 15cm với giá bán 8461đồng/cây cho anh Vũ Đình Hùng chưa thu tiền, thuế VAT 10%. Kế toán ghi:

Nợ TK 131: 372.764.139

Có TK 5112: 338.876.490

Có TK 33311: 33.887.649

-Căn cứ vào hóa đơn 0001360 vừa bán hàng hóa, vừa bán thành phẩm ngày 30/6/2014, kế toán lập PT số 069/06 ngày 30/6/14 khách hàng Vũ Đình Hùng trả tiền mua hàng với số tiền 375.060.004 đồng, kế toán ghi:

Nợ TK 1111: 375.060.004

Có TK 131: 375.060.004

Phụ lục : -HĐ GTGT số 0001075

-HĐ GTGT số 0001076

- HĐ GTGT số 0001360

- Phiếu thu số 001/04

- Phiếu thu số 002/04

-Phiếu thu số 069/06

Hạch toán tương tự đối với các nghiệp vụ phát sinh khác trong quý 2/2014: Trong quý 2 công ty đã ghi nhận hạch toán 216 hóa đơn bán hàng với tổng doanh thu là 9.281.950.424 đồng.

Cuối quý, kế toán kết chuyển doanh thu bán thành phẩm để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 5112: 9.281.950.424

Có TK 911: 9.281.950.424

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 5112-- Doanh thu bán các thành phẩm

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
01/04/2014	HDBR.0001075	01/04/2014	Doanh thu bán Cọ lăn Việt Mỹ 9in, HĐ:0001075, ngày 01/04/2014	131		1.488.000
01/04/2014	HDBR.0001076	01/04/2014	Doanh thu bán Cọ lăn Việt Mỹ 9in, 23cm, 21cm, 15cm, 11cm, HĐ:00001076, ngày 01/04/0214	131		16.735.330
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/06/2014	HDBR.0001360	30/06/2014	Doanh thu bán Cọ lăn Việt Mỹ Apollo 9in,9in, 23cm (Thay ống), 21cm, Newwin 15cm, Cọ lăn Việt Mỹ 15cm, lăn chỉ mini 6cm, HĐ 0001360, ngày 30/06/2014	131		338.876.490
30/06/2014	HDBR.0001361	30/06/2014	Doanh thu bán Cọ lăn Việt Mỹ 23cm (Thay ống), HĐ 0001361, ngày 30/06/2014	131		18.578.160
30/06/2014	KC.08	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 5112	911	2.983.332.723	
			CỘNG PHÁT SINH		**9.281.950.424**	**9.281.950.424**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng hóa, kế toán căn cứ vào HĐ GTGT và PT để nhập liệu vào phần mềm kế toán Smart.

SỔ CÁI

Mã hiệu :511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/04/2014	KC.09	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 5112	911	3.477.736.300	
31/05/2014	KC.07	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 5112	911	2.820.881.401	
30/06/2014	KC.07	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	2.087.150	
30/06/2014	KC.08	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 5112	911	2.983.332.723	
			CỘNG PHÁT SINH		**9.284.037.574**	**9.284.037.574**
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM			

2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính.

Công ty sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi của mình gửi vào ngân hàng nên doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu gồm:

- Tiền lãi gửi Ngân hàng, tiền lãi nhập vốn,
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, lãi do chênh lệch tỷ giá

2.2.3.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ.

Chứng từ sử dụng*:*giấy báo có, sổ phụ ngân hàng

Trình tự luân chuyển chứng từ:

- Hàng tháng, ngân hàng sẽ gửi sổ phụ, phiếu tính lãi tiền gửi cho Công ty, căn cứ sổ phụ tiền gửi, giấy báo có, giấy báo nợ do Ngân hàng cung cấp, kế toán ghi nhận khoản doanh thu hoạt động tài chính.
- Căn cứ giấy báo có của ngân hàng kế toán nhập vào sổ nhật ký chung, số liệu tự động cập nhật vào sổ cái sổ chi tiết TK 515.
- Cuối tháng kết chuyển sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515: "Doanh thu hoạt động tài chính", đồng thời mở các tài khoản cấp chi tiết để theo dõi

- TK 5151: "Lãi tiền gửi ngân hàng". TK này có 4 TK cấp chi tiết
  + TK 51511:"*Lãi tiền gởi Sacombank VND"*

+ TK 51512: *"Lãi tiền gởi Sacombank USD"*
+ TK 51513: "*Lãi tiền gởi Eximbank VND"*
+ TK 51514: "*Lãi tiền gửi NH Standard Chartered"*

- TK 5152: "Chênh lệch tỷ giá lãi do thanh toán NN"
- TK 5153: "Chênh lệch tỷ giá lãi do trả nợ vay"

Công ty mở các tài khoản tiền gửi ngân hàng sau:

TK 112: "Tiền gửi ngân hàng" chi tiết như sau:

- 1121 - Tiền Việt Nam
  + 11211 - Sacombank VND
  + 11212 - Eximbank VND
  + 11213 -Standard Chartered VND
- 1122 - Ngoại tệ
  + 11221 - Sacombank USD 225 TK thanh toán
  + 11222 - Sacombank USD 042 TK ký quỹ

2.2.3.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 29/04/14 căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Sacombank về khoản tiền lãi nhập vốn tháng 4 với số tiền là 25.025 đồng, kế tán ghi:

Nợ TK 11211: 25.025

Có TK 51511: 25.025

Ngày 29/04/14 căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Standard Chartered về khoản lãi tiền gửi tháng 4 số tiền là 4.103 đồng, kế toán ghi:

Nợ TK 11213: 4.103

Có TK 51514: 4.103

Ngày 30/05/14 căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Standard Chartered về khoản lãi tiền gửi tháng 5 số tiền là 4.566 đồng, kế toán ghi:

Nợ TK 11213: 4.566

Có TK 51514: 4.566

Ngày 31/05/14 căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Sacombank về khoản tiền lãi nhập vốn tháng 5 với số tiền là 45.288 đồng, kế toán ghi:

Nợ TK 11211: 45.288

Có TK 51511: 45.288

Ngày 30/06/14 căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Sacombank về khoản tiền lãi nhập vốn tháng 6 với số tiền là 58.465 đồng, kế tán ghi:

Nợ TK 11211: 58.465

Có TK 51511: 58.465

Ngày 30/06/14 căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Standard Chartered về khoản lãi tiền gửi tháng 6 số tiền là 2.228 đồng, kế toán ghi:

Nợ TK 11213: 2.228

Có TK 51514: 2.228

Cuối quý 2/2014 kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Tổng doanh thu từ hoạt động tài chính quý 2 của công ty là 139.675 đồng.

Nợ TK 515: 139.675

Có TK 911: 139.675

Phụ lục : sổ phụ ngân hàng Sacombank tháng 4,5,6

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu :5151 - Lãi tiền gửi ngân hang

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
29/04/2014	PKT.073/04	29/04/2014	Lãi nhập vốn, ngày: 29/04/2014	11211		25.025
29/04/2014	PKT.074/04	29/04/2014	Thu lãi tiền gửi Ngân hàng Standard Chartered, ngày: 29/04/2014	11213		4.103
30/04/2014	KC.10	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51511	911	25.025	
30/04/2014	KC.11	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51514	911	4.103	
30/05/2014	PKT.076/05	30/05/2014	Thu lãi tiền gửi Ngân hàng Standard Chartered, ngày:30/05/2014	11213		4.566
31/05/2014	PKT.079/05	31/05/2014	Lãi nhập vốn tháng 05/2014	11211		45.288
31/05/2014	KC.08	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51511	911	45.288	
31/05/2014	KC.09	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51514	911	4.566	
30/06/2014	PKT.099/06	30/06/2014	Lãi nhập vốn tháng 06/2014	11211		58.465

30/06/2014	PKT.108/06	30/06/2014	Thu lãi tiền gửi Ngân hàng Standard Chartered, ngày:30/06/2014	11213		2.228
30/06/2014	KC.09	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51511	911	58.465	
30/06/2014	KC.10	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51514	911	2.228	
			CỘNG PHÁT SINH		**139.675**	**139.675**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

2.2.3 Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập của công ty phần lớn là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh còn các khoản thu nhập khác không đáng kể, các khoản thu nhập này chủ yếu do chênh lệch tỷ giá hối đói khi thanh toán với nước ngoài

2.2.4.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh công nợ, phiếu thu

Trình tự luân chuyển chứng từ: Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh các khoản thu nhập khác, căn cứ vào chứng từ gốc (giấy báo có, phiếu thu, …). Kế toán tiến hành nhập vào phần mềm, số liệu sẽ được cập nhật vào sổ chi tiết TK 711, sổ cái TK 711.

Cuối kỳ tổng hợp kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711: *" Thu nhập khác"*

2.2.4.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 11/04/2014 căn cứ vào CTNH số 002/04 và tờ khai hải quan số 51661 kế toán đối chiếu với công nợ khách hàng Guangzhou thì phát hiện một khoản tiền chênh lệch từ thanh toán. Kế toán tiến hành điều chỉnh khoản tiền chênh lệch đó vào thu nhập khác với số tiền 42 đồng.Kế toán hạch toán:

Nợ TK 331: 42

Có TK 711: 42

Tương tự, ngày 21/04/2014 căn cứ vào CTNH số 004/04 và tờ khai hải quan số 57871 kế toán đối chiếu với công nợ khách hàng Guangzhou thì phát hiện một khoản tiền chênh lệch từ thanh toán. Kế toán tiến hành điều chỉnh khoản tiền chênh lệch đó vào thu nhập khác với số tiền 85 đồng.Kế toán hạch toán:

Nợ TK 331: 85

Có TK 711: 85

Ngày 31/05/2014, kế toán phát hiện một khoản thanh toán dư cho Công Ty TNHH Anh Mỹ Tú số tiền là 2.238 đồng. Kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh như sau:

Nợ TK 131: 2.238

Có TK 711: 2.238

Tổng thu nhập khác trong quý 2 là 2.365 đồng

Cuối quý 2, kế toán kết chuyển số dư tài khoản 711 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 711: 2.365

Có TK 911: 2.365

SỔ CÁI

Mã hiệu :711 - Thu nhập khác

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
11/04/2014	CTNH.002/04	11/04/2014	Chênh lệch thanh toán tiền hàng cho Guangzhou theo TK 51661 ngày 11/04/2014, HĐ 0225/2014 ngày 25/02/2014	331		42
21/04/2014	CTNH.004/04	21/04/2014	Chênh lệch thanh toán tiền hàng cho Guangzhou theo TK 57871 ngày 24/04/2014 HĐ 0217/2014 ngày 17/02/2014	331		85
30/04/2014	KC.30	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 7112	911	127	
29/05/2014	PKT.071/05	29/05/2014	Điều chỉnh do thanh toán dư cho Công Ty TNHH Anh Mỹ Tú ô ngày 29/05/2014	131		2.238
31/05/2014	KC.29	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 7111	911	2.238	
			CỘNG PHÁT SINH		**2.365**	**2.365**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**2.081**	**2.081**

2.2.4 Các khoản giảm trừ khi tính doanh thu thuần.

Công ty không áp dụng các chính sách giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại mà công ty thực hiện bán đúng giá như đã thỏa thuận với khách hàng, tùy vào từng loại khách hàng mà công ty điều chỉnh mức giá bán cho phù hợp. Chẳng hạn như đối với những khách hàng thân thiết mua hàng với số lượng lớn và thường xuyên thì công ty áp dụng một mức giá sỉ ưu đãi cho từng loại hàng, trường hợp khách hàng mua lẻ với số lượng ít thì công ty lại đặt một

mức giá khác. Bên cạnh đó, do đặc điểm của hàng bán là các dụng cụ thi công sơn với giá thấp, số lượng nhiều, đảm bảo chất lượng nên không có trường hợp trả lại hàng bán. Do đó, kế toán công ty không theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.5 Gía vốn hàng bán.

2.2.5.1 Cách xác định giá vốn

Do công ty vừa sản xuất thành phẩm vừa mua hàng hóa để bán nên giá vốn hàng bán bao gồm cả giá mua hàng hóa và giá thành sản xuất thành phẩm,.

- *Giá mua hàng hóa:* là giá mua hàng thực nhập do sản phẩm không cần phải gia công, sơ chế...và công ty không được hưởng các ưu đãi về các khoản chiết khấu thương mại,mặt khác công ty không theo dõi các khoản chi phí thu mua hàng hóa. Hàng hóa được công ty mua vào chủ yếu là các loại lăn chỉ, ống lăn chỉ và nhà cung cấp chính là Công ty TNHH Cọ Anh Tuấn - là một nhà cung cấp cũng như một khách hàng thường xuyên của công ty. Khi kế toán hạch toán doanh thu bán hàng trên phần mềm thì phần mềm sẽ tự động xuất ra các phiếu xuất kho ghi nhận giá vốn hàng bán, lúc này, do chưa xử lí giá thành nên GVHB sẽ bằng với giá bán hàng hóa. Cuối mỗi tháng, kế toán sẽ sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối kì để xác định giá vốn hàng bán cho hàng hóa.
- *Giá thành thành phẩm sản xuất bao gồm:* Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phân bổ theo doanh thu tạm tính. Khi kế toán hạch toán doanh thu bán hàng trên phần mềm thì phần mềm sẽ tự động xuất ra các phiếu xuất kho ghi nhận giá vốn hàng bán, lúc này, do chưa xử lí giá thành nên GVHB sẽ bằng với giá bán sản phẩm. Cuối mỗi tháng, kế toán giá thành dựa vào phiếu nhập kho NVL, phiếu xuất kho NVL, bảng tính lương nhân viên để tập chi phí sản xuất và tính giá thành thành phẩm xuất kho sau đó cập nhật vào phần mềm. Hệ thống sẽ tự động xuất ra các phiếu xuất kho đã xử lí giá vốn theo ngày xuất hóa đơn bán ra.
- Kế toán hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối kì để xác định giá vốn hàng bán.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Giá trị TP tồn ĐK+giá trị TP nhập kho trong kì}}{\text{Số lượng TP tồn ĐK+Số lượng TP nhập trong kì}}$$

Ví dụ: Căn cứ vào sổ nhập xuất tồn kho và tháng 6/2014 ta xác định giá thành xuất kho cọ lăn sơn Việt Mỹ 9in tháng 6/2014

Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ	
S.Lượng	G.Trị	S.Lượng	G.Trị
18.512	210.084.602	140.000	1.589.296.464

Đơn giá xuất kho $=\frac{210.084.602+1.589.296.464}{18.512+140.000}$=11.351,7025 đồng

2.2.5.2 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho NVL, PXK thành phẩm, hóa đơn mua vào, bảng tính giá thành sản phẩm, bảng tính lương nhân viên

Trình tự luân chuyển chứng từ:

Hàng tháng, bộ phận kinh doanh sẽ gửi HĐ mua hàng cho kế toán giá thành, kế toán dựa vào HĐ mua hàng, bảng định mức tiêu hao nguyên vật liệu từ phân xưởng sản xuất chuyển sang để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, đồng thời nhận bảng tính lương từ kế toán tiền để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp và trích các chi phí sản xuất chung phân bổ. Kế toán sẽ tập hợp được giá thành sản phẩm, sau đó cập nhật vào phần mềm.

Sau khi xử lí giá thành sản phẩm xuất kho vào hệ thống phần mềm, kế toán giá thành thông báo cho kế toán doanh thu để tiến hành xuất ra các phiếu xuất kho. Kế toán doanh thu kiểm tra, đối chiếu PXK với HĐ GTGT, sau đó tập hợp GVHB vào sổ cái TK 632, số liệu sẽ được tự động cập nhật vào sổ Nhật kí chung và các sổ cái liên quan: 1551, 1561,154, 632

2.2.5.3 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng TK 632: *"Giá vốn hàng bán"*.

2.2.5.4 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cuối tháng kế toán tiền hành tính đơn giá của từng hàng hóa, sản phẩm.

Căn cứ vào PXK số 001/04 ngày 01/4/2014 và đối chiếu với HĐ số 0001076, kế toán ghi nhận bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 14.808.331

Có TK 1551: 14.808.331

Căn cứ vào PXK số 023/06 ngày 30/06/2014 và đối chiếu với HĐ số 0001360 kế toán ghi nhận bút toán giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632: 332.143.190

Có TK 1551: 332.143.190

Nợ TK 632: 2.087.150

Có TK 1561: 2.087.150

Trong quá trình tính đơn giá hàng hóa cọ lăn chỉ mini 6 cm, kế toán đã để xảy ra sai sót khiến:

Đơn giá xuất kho = giá bán=3.211

Doanh thu = giá vốn=650 x 3.211=2.087.150

Căn cứ vào sổ nhập xuất tồn kho của cọ lăn chỉ mini 6 cm ta xác định lại đơn giá xuất kho đúng của cọ lăn chỉ mini 6 cm tháng 6/2014

Tồn đầu kỳ		**Nhập trong kỳ**	
S.Lượng	**G.Trị**	**S.Lượng**	**G.Trị**
50.000	143.900.000	45.000	129.510.000

Đơn giá xuất kho $=\frac{143.900.000+129.510.000}{50.000+45.000}$=2.878 đồng

Căn cứ vào hóa đơn 0001360 và đơn giá xuất kho trên, giá trị xuất kho của 650 cọ lăn chỉ mini 6 cm là: 650 x 2.878= 1.870.700

Định khoản tương tự cho những PXK còn lại trong quý. Trong quý, tổng giá vốn hàng bán được tập hợp là 8.822.287.799 đồng.

Cuối quý 2/2014, kế toán kết chuyển giá vốn hàng bán vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 8.822.287.799

Có TK 632: 8.822.287.799

SỔ CÁI

Mã hiệu : 632-Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TK DU**	**Số tiền VND**	
	Số	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
01/04/2014	PXK.001/04	01/04/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001075,01/04/14	1551	1.331.898	
01/04/2014	PXK.001/04	01/04/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001076,01/04/14	1551	6.659.491	

01/04/2014	PXK.001/04	01/04/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001076,01/04/14	1551	4.990.375	
01/04/2014	PXK.001/04	01/04/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001076,01/04/14	1551	1.815.683	
01/04/2014	PXK.001/04	01/04/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001076,01/04/14	1551	725.459	
01/04/2014	PXK.001/04	01/04/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001076,01/04/14	1551	617.323	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001360,30/06/14	1551	226.777.336	
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001360,30/06/14	1551	54.488.172	
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001360,30/06/14	1551	2.400.746	
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001360,30/06/14	1551	4.637.356	
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001360,30/06/14	1551	11.105.403	
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001360,30/06/14	1551	11.127.462	
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001360,30/06/14	1561	2.087.150	
30/06/2014	PXK.023/06	30/06/2014	Xuất kho theo HĐ số : 0001361,30/06/14	1551	21.606.715	
30/06/2014	KC.11	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		2.849.720.557
			CỘNG PHÁT SINH		**8.822.287.799**	**8.822.287.799**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

2.2.6 Chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng tại công ty là những chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Chi phí này bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí lương nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu, bao bì: chủ yếu là chi phí chi mua băng keo dùng để đóng gói thành phẩm, hàng hóa xuất kho.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao xe tải dùng trong công tác vận chuyển hàng hóa xuất kho.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài là các chi phí quãng cáo, chi phí duy trì dịch vụ điện tử...
- Chi phí bằng tiền khác như chi phí xăng dầu, tháy nhớt động cơ, chi phí công tác của giám đốc, chi phí ăn uống, dịch vụ lưu trú...

Trong quá trình hạch toán chi phí bán hàng, kế toán mở các tài khoản cấp chi tiết để theo dõi riêng từng loại chi phí, sau đó tập hợp vào TK 641, toàn bộ chi phí phát sinh trong kì được tính hết vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.6.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn mua hàng, Phiếu chi, bảng lương nhân viên bán hàng, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

Trình tự lưu chuyển chứng từ:

Hàng tháng, bộ phận kinh doanh sẽ gửi hóa đơn mua hàng cho bộ phận kế toán để tập hợp các chi phí phát sinh. Ngoài ra, cuối mỗi tháng, kế toán sẽ chịu trách nhiệm tập hợp tiền lương của bộ phận bán hàng và trích các khoản trích theo lương để xác định chi phí lương nhân viên bán hàng, sau đó kế toán ghi chép, hạch toán các cho phí này vào phần mềm Smart. Cuối quý, kế toán kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kì.

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí bán hàng, kế toán sử dụng tài khoản 641: " Chi phí bán hàng". TK này có 5 tài khoản cấp 2:

+ TK 6411: *"Chi phí nhân viên bán hàng"*.
+ TK 6412: *"Chi phí vật liệu bao bì"*.
+ TK 6414: *"Chi phí khấu hao tài sản cố định"*.
+ TK 6417: *"Chi phí dịch vụ mua ngoài*".
+ TK 6418: *"Chi phí bằng tiền khác*".

2.2.6.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 30/4/2014, căn cứ vào bảng tính lương nhân viên bán hàng tháng 4, kế toán ghi nhận chi phí tiền lương trong tháng là 13.550.000 đồng, đồng thời trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên số tiền là 2.019.600 đồng. Kế toán hạch toán như sau:

Tiền lương nhân viên = Lương chính+ phụ cấp trách nhiệm+ phụ cấp cơm

=9.180.000+3.200.000+1.170.000=13.550.000

Nợ TK 6411: 13.550.000

Có TK 334: 13.550.000

Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên, được tính bằng công thức:

BHXH= Mức lương đóng bảo hiểm x 18%=9.180.000 x18%=1.652.400

BHYT= Mức lương đóng bảo hiểm x 3%= 9.180.000x 3%=275.400

BHTN= Mức lương đóng bảo hiểm x 1%=9.180.000x 1%=91.800

Kế toán tiến hành định khoản BHXH, BHYT, BHTN vào chung tài khoản 3383, không theo dõi chi tiết từng khoản mục.

Nợ TK 6411: 2.019.600

Có TK 3383: 2.019.600

Trong quý 2/2014 tổng chi phí lương nhân viên bán hàng là 46.708.800 đồng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6411-- Chi phí nhân viên

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
30/04/2014	PKT.078/04	30/04/2014	Chi phí lương nhân viên bán hàng tháng 04/2014	334	13.550.000	
30/04/2014	PKT.080/04	30/04/2014	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên văn phòng tháng 4/2014	3383	2.019.600	
30/04/2014	KC.20	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6411	911		15.569.600
31/05/2014	PKT.082/05	31/05/2014	Chi phí lương nhân viên bán hàng tháng 05/2014	334	13.550.000	
31/05/2014	PKT.085/05	31/05/2014	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bán hàng tháng 5/2014	3383	2.019.600	
31/05/2014	KC.19	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6411	911		15.569.600
30/06/2014	PKT.102/06	30/06/2014	Chi phí lương nhân viên bán hàng tháng 06/2014	334	13.550.000	
30/06/2014	PKT.106/06	30/06/2014	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bán hàng tháng 6/2014	3383	2.019.600	
30/06/2014	KC.20	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6411	911		15.569.600
			CỘNG PHÁT SINH		**46.708.800**	**46.708.800**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Căn cứ vào hóa đơn số 0000455 ngày 02/05/2014 của công ty TNHH MTV Sản Xuất Thương mại Kim Ngọc Phát về khoản chi phí mua 20 cây băng keo, đơn giá 57.000 đồng/cây, thuế VAT 10%, thanh toán bằng tiền mặt. Sau khi nhận được hóa đơn từ khách hàng, phòng kinh doanh viết phiếu đề nghị thanh toán gởi cho phòng kế toán, kế toán xem xét rồi lập phiếu chi số 002/05 cho kế toán trưởng xét duyệt và chuyển cho thủ quỹ tiến hành chi tiền mặt.

Căn cứ hóa đơn 0000455, phiếu chi 002/05 ngày 02/05/2014 kế toán ghi nhận vào TK 641, số liệu cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 6412

Nợ TK 6412: 1.140.000

Nợ TK 1331: 114.000

Có TK 1111: 1.254.000

<u>Phụ lục :</u> - Hóa đơn số 0000455

-Phiếu chi 002/05

Trong quý 2/2014, tổng chi phí vật liệu bao bì là **12.540.000 đồng**

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6412-- Chi phí vật liệu bao bì

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/04/2014	PC.003/04	03/04/2014	Thanh toán tiền mua băng keo HĐ 0000434 ngày 03/04/2014	1111	2.280.000	
30/04/2014	KC.21	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6412	911		2.280.000
02/05/2014	PC.002/05	02/05/2014	Thanh toán tiền mua băng keo, HĐ 0000455, ngày 02/05/14	1111	1.140.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/06/2014	PC.030/06	25/06/2014	Thanh toán chi phí băng keo, HĐ 0000039, ngày 25/06/2014	1111	1.140.000	
30/06/2014	KC.21	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6412	911		5.700.000
			CỘNG PHÁT SINH		**12.540.000**	**12.540.000**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Căn cứ vào HĐ số 0001233 ngày 20/06/2014 của Công Ty Cổ Phần Truyền Thông Những Trang Vàng về chi phí quãng cáo Biglogo từ ngày 21/06/2104 đến ngày 21/06/2015 với số tiền là 1.980.000, thuế VAT 10% thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi nhận được hóa đơn từ khách hàng, phòng kinh doanh viết phiếu đề nghị thanh toán gởi cho phòng kế toán.

Căn cứ hóa đơn 00001233, phiếu KT số 078/06 ngày 20/06/2014, kế toán ghi nhận vào TK 641, số liệu cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 6417, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6417: 1.980.000

Nợ TK 1331: 189.000

Có TK 331: 2.178.000

<u>Phụ lục :</u> - HĐ GTGT số 00001233

Trong quý 2/2014, tổng chi phí dịch vụ mua ngoài là 2.580.000 đồng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6417-- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
20/06/2014	PKT.077/06	20/06/2014	Chi phí duy trì catalogue điện tử ,HĐ 0001232, ngày 20/06/2014	331	600.000	
20/06/2014	PKT.078/06	20/06/2014	Chi phí quảng cáo Big logo HĐ 0001233 ngày 20/06/2014	331	1.980.000	
30/06/2014	KC.23	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6417	911		2.580.000
			CỘNG PHÁT SINH		**2.580.000**	**2.580.000**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Tương tự, căn cứ vào HĐ số 0537684 ngày 14/05/2104 của công ty Cổ phần vật tư- xăng dầu COMECO về khoản chi phí 450 lít dầu DO, đơn giá 20.618 đồng/lít, thuế VAT 10%, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt theo phiếu chi số 023/05 ngày 14/05/2104. Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6418: 927.818

Nợ TK 1331: 92.782

Có TK 1111: 1.020.600

Phụ lục: - HĐ số 0537684

-Phiếu chi 023/05

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6418-- Chi phí bằng tiền khác

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/04/2014	PC.004/04	03/04/2014	Thanh toán chi phí xăng dầu DO, HĐ:0472913, ngày 03/04/2014	1111	924.545	
14/04/2014	PC.024/04	14/04/2014	Thanh toán chi phí xăng dầu DO, HĐ:0494945, ngày 14/04/2014	1111	920.864	
21/04/2014	PC.030/04	21/04/2014	Thanh toán tiền dầu DO 0.05%S, HĐ 0495892 ngày 21/04/2014	1111	920.864	

29/04/2014	PC.045/04	29/04/2014	Thanh toán tiền dầu DO 0.05%S HĐ 0524276 ngày 29/04/2014	1111	927.818	
30/04/2014	KC.23	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6418	911		3.694.091
08/05/2014	PC.020/05	08/05/2014	Thanh toán tiền mua dầu DO 0.05%S, HĐ 0536940, ngày 08/05/2014	1111	927.818	
14/05/2014	PC.023/05	14/05/2014	Thanh toán tiền dầu DO 0.05%S, HĐ 0537684, ngỳ 14/05/2014	1111	927.818	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/06/2014	KC.24	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6418	911		8.508.492
			CỘNG PHÁT SINH		**15.913.855**	**15.913.855**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Cuối quý, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 85.318.414

Có TK 6411: 46.708.800

Có TK 6412: 12.540.000

Có TK 6414: 7.575.759

Có TK 6417: 2.580.000

Có TK 6418: 15.913.855

Tổng chi phí bán hàng quý 2/2014 của công ty là 85.318.414 đồng

SỔ CÁI

Mã hiệu :641 - Chi phí bán hang

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Số	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TK DU**	**Số tiền VND**	
	Số	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/04/2014	KC.20	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6411	911		15.569.600
30/04/2014	KC.21	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6412	911		2.280.000
30/04/2014	KC.22	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6414	911		2.525.253
30/04/2014	KC.23	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6418	911		3.694.091
31/05/2014	KC.19	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6411	911		15.569.600
31/05/2014	KC.20	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6412	911		4.560.000
31/05/2014	KC.21	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6414	911		2.525.253
31/05/2014	KC.22	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6418	911		3.711.272
30/06/2014	KC.20	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6411	911		15.569.600
30/06/2014	KC.21	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6412	911		5.700.000

30/06/2014	KC.22	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6414	911		2.525.253
30/06/2014	KC.23	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6417	911		2.580.000
30/06/2014	KC.24	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6418	911		8.508.492
			CỘNG PHÁT SINH		**85.318.414**	**85.318.414**

2.2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lí doanh nghiệp tại công ty bao gồm những chi phí sau:

+ Chi phí lương nhân viên quản lí và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTT
+ Chi phí vật liệu quản lí bao gồm chi phí mực in các loại...
+ Chi phí đồ dùng văn phòng như: chi phí phân bổ máy in, máy tính xách tay....
+ Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao máy móc dùng ở bộ phận văn phòng
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí cước dịch vụ viễn thông, chi phí điện nước...
+ Chi phí bằng tiền khác

2.2.7.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn mua hàng, Phiếu chi, bảng lương nhân viên quản lí, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

Trình tự lưu chuyển chứng từ:

- Khi phát sinh chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí vật liệu dụng cụ mua ngoài, bên bán hàng và cung cấp dịch vụ phát hành hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (liên 2) cho công ty. Kế toán căn cứ hóa đơn để ghi nhận chi phí vào phần mềm Smart và lưu giữ hóa đơn tại đơn vị. Khi thanh toán các chi phí này bằng tiền mặt kế toán lập phiếu chi làm 3 liên, liên 1 lưu tại quyển kế toán làm căn cứ để ghi nhận vào phần mềm Smart, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 thủ quỹ giữ để theo dõi quỹ tiền mặt. Khi thanh toán qua ngân hàng kế toán lập ủy nhiệm chi hoặc giấy chuyển tiền cho ngân hàng, khi nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng kế toán tiến hành ghi nhận vào phần mềm Smart.
- Các khoản chi phí về nhân viên được kế toán theo dõi thông qua bảng chấm công. Cuối tháng kế toán lập bảng lương chi tiết cho bộ phận quản lý doanh nghiệp bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương làm căn cứ ghi nhận chi phí nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định như nhà cửa, máy móc được tính theo phương pháp đường thẳng. Kế toán lập bảng kê khấu hao tài sản cố định cho cả năm và tính chi phí phân bổ cho từng tháng, các tài sản cố định mới được cập nhật ngay khi đưa ra sử dụng.
- Căn cứ vào chứng từ, kế toán nhập vào sổ nhật ký chung, máy tính sẽ tự động cập nhật vào sổ cái TK chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền mặt, tiền lương, khấu hao TSCĐ,…
- Cuối tháng, kế toán tập hợp tất cả chi phí liên quan kế chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.7.2 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí quản lí doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 642: " Chi phí quản lí doanh nghiệp". TK này có 6 tài khoản cấp 2:

+ TK 6421: *"Chi phí nhân viên quản lí".*
+ TK 6422: *"Chi phí vật liệu quản lí".*
+ TK 6423: *"Chi phí đồ dùng văn phòng".*
+ TK 6422: *"Chi phí khấu hao TSCĐ*".
+ TK 6427: "*Chi phí dịch vụ mua ngoài".*
+ TK 6428: *"Chi phí bằng tiền khác*".

2.2.7.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 30/04/14, căn cứ bảng tính lương tháng 04/14 cho bộ phận quản lý doanh nghiệp số tiền là 13.852.000 đồng, trích BHXH 18%, BHYT 3%, BHTN 1% đưa vào chi phí.

Sau khi nhận bảng lương từ kế toán tiền lương, lập phiếu chi lương trình lên kế toán trưởng ký duyệt. Căn cứ chứng từ, kế toán ghi nhận vào TK 642, trích các khoản theo quy định, số liệu cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK liên quan. Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán hạch toán:

Tiền lương nhân viên = Lương chính+ phụ cấp trách nhiệm+ phụ cấp cơm + phụ cấp độc hại

=9.882.000+2.400.000+1.170.000+400.000=13.852.000

Nợ TK 6421: 13.852.000

Có TK 334: 13.852.000

Có thể thấy kế toán đã có sai sót khi tính lương nhân viên, cụ thể đã đưa nhân viên phân xưởng (có phụ cấp độc hại) vào lương nhân viên quản lý.

Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên, được tính bằng công thức:

BHXH= Mức lương đóng bảo hiểm x 18%=6.642.000 x18%=1.195.560

BHYT= Mức lương đóng bảo hiểm x 3%=6.642.000x 3%=199.260

BHTN= Mức lương đóng bảo hiểm x 1%=6.642.000x 1%=66.420

Kế toán tiến hành định khoản BHXH, BHYT, BHTN vào chung tài khoản 3383, không theo dõi chi tiết từng khoản mục.

Nợ TK 6421: 1.461.240

Có TK 3383: 1.461.240

Kế toán hạch toán lương nhân viên quản lí tháng 5 và 6 tương tự như trên.

Trong quý 2/2014 tổng chi phí lương nhân viên ở bộ phận quản lí là 45.939.720 đồng

Cuối quý, kế toán kết chuyển số dư TK 6421 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 45.939.720

Có TK 6421: 45.939.720

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6421-- Chi phí nhân viên quản lý

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
30/04/2014	PKT.077/04	30/04/2014	Chi phí lương nhân viên quản lý tháng 4/2014	334	13.852.000	
30/04/2014	PKT.081/04	30/04/2014	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên bán hàng tháng 4/2014	3383	1.461.240	
30/04/2014	KC.24	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		15.313.240
31/05/2014	PKT.081/05	31/05/2014	Chi phí lương nhân viên quản lý tháng 5/2014	334	13.852.000	
31/05/2014	PKT.084/05	31/05/2014	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên văn phòng tháng 5/2014	3383	1.461.240	
31/05/2014	KC.23	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		15.313.240
30/06/2014	PKT.103/06	30/06/2014	Chi phí lương nhân viên quản lý tháng 6/2014	334	13.852.000	
30/06/2014	PKT.105/06	30/06/2014	Trích BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên văn phòng tháng 6/2014	3383	1.461.240	
30/06/2014	KC.25	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		15.313.240
			CỘNG PHÁT SINH		**45.939.720**	**45.939.720**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Ngày 17/04/2014, căn cứ vào HĐ số 0004473 và phiếu chi số 028/04 ngày 17/04/2014 thanh toán chi phí mua mực in các loại trả bằng tiền mặt, VAT 10%, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6422: 1.690.000

Nợ TK 133: 169.000

Có TK 1111: 1.859.000

Trong quý 2, tổng chi phí vật liệu quản lí là 4.685.909 đồng

Cuối quý, kế toán kết chuyển số dư TK 6422 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 4.685.909

Có TK 6422: 4.685.909

Phụ lục: -Hóa đơn GTGT số 0004473

-Phiếu chi 028/04

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6422-- Chi phí vật liệu quản lý

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
17/04/2014	PC.028/04	17/04/2014	Thanh toán chi phí mua mực in các loại, HĐ:0004473, ngày 17/04/2014	1111	1.690.000	
30/04/2014	KC.25	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.690.000
21/05/2014	PC.030/05	21/05/2014	Thanh toán tiền giấy 210 4 liên chia 2, HĐ 0068812, ngày 21/05/2014	1111	1.280.000	
21/05/2014	PC.030/05	21/05/2014	Thanh toán tiền ru băng LQ 300 Espon, HĐ 0068812, ngày 21/05/2014	1111	175.000	
31/05/2014	KC.24	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.455.000
30/06/2014	PKT.110/06	30/06/2014	Chi phí mực in HĐ 0001742 ngày 30/06/2014	331	1.540.909	
30/06/2014	KC.26	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.540.909
			CỘNG PHÁT SINH		**4.685.909**	**4.685.909**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Tương tự, ngày 30/06/2014, kế toán phân bổ chi phí Máy in HP 8600 Plus N911G mua ngày 09/08/2012, chi phí phân bổ ước tính trong tháng là 1.295.454 đồng. Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6423: 1.295.454

Có TK 2422: 1.295.454

Tổng chi phí đồ dùng văn phòng quý 2 là 4.543.936 đồng

Cuối quý, kế toán kết chuyển số dư TK 6423 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 4.543.936

Có TK 6423: 4.543.936

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6423-- Chi phí đồ dùng văn phòng

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
30/04/2014	CPCPB.1/4	30/04/2014	Hạch toán CP CPB : Ghế, bàn, vách ngăn, tủ hd: 0000055, 24/03/11 Tháng 4	2422	964.015	
30/04/2014	CPCPB.1/4	30/04/2014	Hạch toán CP CPB : Máy in HP 8600 Plus N911G hđ : 0002621 ngày 09/08/2012 Tháng 4	2422	331.439	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/06/2014	CPCPB.1/6	30/06/2014	Hạch toán CP CPB : Máy in HP 8600 Plus N911G hđ : 0002621 ngày 09/08/2012 Tháng 6	2422	331.439	
30/06/2014	KC.27	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		1.295.454
			CỘNG PHÁT SINH		**4.543.936**	**4.543.936**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Cuối mỗi tháng, kế toán trích khẩu hao TSCĐ dùng ở bộ phận quản lí.

Ví dụ: Ngày 30/04/2014 kế toán trích khấu hao Quạt hút hơi nóng + bộ lọc bụi HĐ 0000050 mua ngày 04/07/2013 với chi phí khấu hao là 558.334 đồng.

Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6424: 558.334

Có TK 21412: 558.334

Tổng chi phí khâu hao TSCĐ ở bộ phận văn phòng là quý 2 là 32.009.484 đồng

Cuối quý, kế toán kết chuyển số dư TK 6424 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 32.009.484

Có TK 6424: 32.009.484

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6424-- Chi phí khấu hao TSCĐ

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
30/04/2014	KHTS.1/4	30/04/2014	Khấu hao Quạt hút hơi nóng + bộ lọc bụi HĐ 0000050 ngày 04/07/2013 Tháng 4	21412	558.334	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/06/2014	KHTS.1/6	30/06/2014	Khấu hao Máy tính xách tay hđ : 0037375 ngày 26/08/2012 Tháng 6	21412	426.869	
30/06/2014	KHTS.1/6	30/06/2014	Khấu hao Xe ôtô Tháng 6	21413	9.684.625	
30/06/2014	KC.28	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		10.669.828
			CỘNG PHÁT SINH		**32.009.484**	**32.009.484**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Ngày 07/04/2014 căn cứ vào HĐ số 1304960 và phiếu chi số 008/04 về chi thanh toán chi phí dịch vụ viễn thông là 250.000 đồng, kế toán ghi nhận chi phí dịch vụ mua ngoài và hạch toán như sau:

Nợ TK 6427: 250.000

Nợ TK 1331: 25.000

Có TK 1111: 275.000

Phụ lục: HĐ GTGT số 1304960

Phiếu chi 008/04

Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài quý 2 là 37.087.072 đồng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6427-- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/04/2014	PKT.009/04	03/04/2014	Thanh toán phí IB chuyển khoản ngoài hệ thống	11211	15.000	

07/04/2014	PC.008/04	07/04/2014	Thanh toán dịch vụ viễn thông, HĐ:1304960, ngày 07/04/2014	1111	250.000	
07/04/2014	PC.008/04	07/04/2014	Thuế GTGT mua vào HĐ số :1304960,07/04/14	1331	25.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
20/06/2014	PKT.081/06	20/06/2014	Thanh toán phí IB chuyển khoản ngoài hệ thống	11211	15.000	
25/06/2014	PKT.090/06	25/06/2014	Thanh toán phí quản lý tài khoản doanh nghiệp Qúy 2 năm 2014	11211	120.000	
25/06/2014	PKT.091/06	25/06/2014	Thanh toán phí Uỷ nhiệm chi	11211	15.000	
30/06/2014	PKT.111/06	30/06/2014	Thanh toán phí ngân hàng HĐ 0004992 ngày 30/06/2014	11213	2.218.010	
30/06/2014	KC.29	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		6.976.380
			CỘNG PHÁT SINH		**37.087.072**	**37.087.072**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Cuối quý, kế toán kết chuyển số dư TK 6427 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 37.087.072

Có TK 6427: 37.087.072

Ngày 30/4/2014, căn cứ vào phiếu chi số 046/04 chi thanh toán công tác phí cho chị Nguyễn Thị Thiện Nhàn số tiền là 300.000 đồng. Kế toán hạch toán:

Nợ TK 6428: 300.000

Có TK 1111: 300.000

Tổng chi phí bằng tiền khác quý 2/2014 là 14.277.010 đồng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6428-- Chi phí bằng tiền khác

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TK DU**	**Số tiền VND**	
	Số	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
22/04/2014	PC.036/04	22/04/2014	Thanh toán chi phí bảo hiểm HĐ 0028090 ngày 22/04/2014	1111	7.857.010	
30/04/2014	PC.046/04	30/04/2014	Chi công tác phí cho Nguyễn Thị Thiện Nhàn T4/2014	1111	300.000	
30/04/2014	KC.29	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		8.157.010
24/05/2014	PKT.054/05	24/05/2014	Thanh toán tiền in hóa đơn 210 x 279, HĐ 0000702, ngày 24/05/2014	331	5.520.000	

31/05/2014	PC.041/05	31/05/2014	Chi công tác phí cho Nguyễn Thị Thiện Nhàn T5/2014	1111	300.000	
31/05/2014	KC.28	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		5.820.000
30/06/2014	PC.037/06	30/06/2014	Chi công tác phí cho Nguyễn Thị Thiện Nhàn T6/2014	1111	300.000	
30/06/2014	KC.30	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		300.000
			CỘNG PHÁT SINH		**14.277.010**	**14.277.010**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Cuối quý, kế toán kết chuyển số dư TK 6428 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 14.277.010

Có TK 6428: 14.277.010

Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp quý 2/2014 của công ty là 138.543.131 đồng

SỔ CÁI

Mã hiệu :642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TK**	**Số tiền VND**	
Ghi Sổ	**Số**	**Ngày**		**DU**	**Nợ**	**Có**
30/04/2014	KC.24	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		15.313.240
30/04/2014	KC.25	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.690.000
30/04/2014	KC.26	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		1.624.242
30/04/2014	KC.27	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		10.669.828
30/04/2014	KC.28	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		18.440.934
30/04/2014	KC.29	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		8.157.010
31/05/2014	KC.23	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		15.313.240
31/05/2014	KC.24	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.455.000
31/05/2014	KC.25	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		1.624.240
31/05/2014	KC.26	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		10.669.828
31/05/2014	KC.27	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		11.669.758
31/05/2014	KC.28	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		5.820.000
30/06/2014	KC.25	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		15.313.240
30/06/2014	KC.26	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		1.540.909
30/06/2014	KC.27	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		1.295.454
30/06/2014	KC.28	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6424	911		10.669.828
30/06/2014	KC.29	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		6.976.380
30/06/2014	KC.30	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		300.000

			CỘNG PHÁT SINH		**138.543.131**	**138.543.131**
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM			

2.2.8 Chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là các khoản chi phí lãi vay ngân hàng và chênh lệch tỷ giá do thanh toán nước ngoài.

2.2.8.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ sử dụng: giấy báo nợ, sổ phụ ngân hàng

Trình tự luân chuyển chứng từ:

- Hàng tháng, Ngân hàng sẽ gửi phiếu lãi tiền gửi, giấy báo Nợ cho công ty và tự động trừ số tiền lãi vào tài khoản của công ty. Kế toán nhận giấy báo nợ và kiểm tra tính hợp lý sẽ tiến hành hạch toán. Chênh lệch lỗ do giao dịch bằng ngoại tệ được xác định và ghi nhận vào phần mềm khi nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Căn cứ chứng từ kế toán nhập vào sổ nhật ký chung, số liệu tự động cập nhật vào sổ cái sổ chi tiết TK 635
- Cuối tháng kết chuyển sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

2.2.8.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 635: "Chi phí tài chính" để hạch toán chi phí tài chính. Kế toán mở các tài khoản cấp chi tiết để theo dõi.

TK 635 có các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 6351: "Chi phí lãi vay", TK này gồm 5 TK cấp 3:
  + TK 63511: "*Chi phí lãi vay Eximbank(700tr)*"
  + TK 63512: "*Chi phí lãi vay Eximbank(500tr)*"
  + TK 63513: *"Chi phí lãi vay Sacombank (USD)"*
  + TK 63514: "*Chi phí lãi vay Sacombank (VND)*"
  + TK 63515: "*Chi phí lãi vay NH Standard Chartered VND"*. Tài khoản này mở thêm cấp chi tiết để theo dõi lãi vay theo từng khế ước vay.
    - TK 6351501: Chi phí lãi vay NH Standard Chartered VND KU:A/C17122250001
    - TK 6351502: Chi phí lãi vay NH Standard Chartered VND KU:A/C17122250002
    - TK 6351503: Chi phí lãi vay NH Standard Chartered VND KU:A/C17122250003
    - ....

- TK 6352: "Chênh lệch tỷ giá do thanh toán nước ngoài"
- TK 6353: "Chênh lệch tỷ giá do thanh toán nợ vay"

2.2.8.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 04/04/2104 căn cứ vào giấy báo nợ từ ngân hàng Standard Chartered chuyển sang thanh toán tiền lãi vay theo KU:611040031732 là 4.395.111 đồng, kế toán tiến hành đối chiếu với sổ phụ ngân hàng, nếu số liệu khớp đúng thì kế toán hạch toán:

Nợ TK 6351: 4.395.111

Có TK 1123: 4.395.111

Tương tự, ngày 11/04/2014 kế toán xác định chênh lệch tỷ giá lô hàng nhập khẩu thanh toán cho nhà cung cấp Guangzhou theo TK 51661 ngày 11/04/2014, HĐ 0225/2014 ngày 25/02/2014 theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng cuối ngày 10/04/2014 với số tiền chênh lệch là 3.266.563. Kế toán ghi nhận:

Nợ TK 6352: 3.266.563.

Có TK 331: 3.266.563.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu :6351 - Chi phí lãi vay

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
04/04/2014	PKT.010/04	04/04/2014	Thanh toán Chi phí lãi vay NH Standard Chartered VND KU:611040031732	11213	4.395.111	
15/04/2014	PKT.028/04	15/04/2014	Thanh toán Chi phí lãi vay NH Standard Chartered VND KU:611040033927	11213	1.648.889	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			CỘNG PHÁT SINH		**72.466.220**	**72.466.220**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu :6352 - Chênh lệch tỷ giá do thanh toán nước ngoài

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK	Số tiền VND	

Ghi Sổ	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
11/04/2014	PKT.022/04	11/04/2014	Chênh lệch tỷ giá lỗ thanh toán Guangzhou theo TK 51661 ngày 11/04/2014, HĐ 0225/2014 ngày 25/02/2014	331	3.266.563	
21/04/2014	PKT.050/04	21/04/2014	Chênh lệch tỷ giá lỗ thanh toán Guangzhou theo TK 57871 ngày 24/04/2014 HĐ 0217/2014 ngày 17/02/2014	331	2.531.186	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			CỘNG PHÁT SINH		**17.225.524**	**17.225.524**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			

Các nghiệp vụ khác định khoản tương tự. Trong quý 2, tổng chi phí tài chính phát sinh là: 89.691.744 đồng.

Cuối quý 2/2014 kế toán kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911: 89.691.744

Có TK 635: 89.691.744

SỔ CÁI

Mã hiệu :635 - Chi phí tài chính

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Ghi Sổ	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/04/2014	KC.18	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6351	911		20.281.778
30/04/2014	KC.19	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6352	911		5.797.749
31/05/2014	KC.17	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6351	911		25.454.445
31/05/2014	KC.18	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6352	911		2.690.218
30/06/2014	KC.18	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6351	911		26.729.997
30/06/2014	KC.19	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 6352	911		8.737.557
			CỘNG PHÁT SINH		**89.691.744**	**89.691.744**
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM			

2.2.9 Chi phí khác.

Khoản chi phí khác của công ty là những khoản chi phí bị phạt do nộp thuế trễ hay những chi phí không có chứng từ, hóa đơn hợp lệ...

2.2.9.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ sử dụng: biên lai nộp thuế, phiếu chi...

Trình tự luân chuyển chứng từ: Khi có thông báo phạt chậm nộp thuế, bộ phận kế toán sẽ xuất phiếu chi để chi nộp thuế, đồng thời ghi nhận bút toán nộp phạt vào phần mềm kế toán.

2.2.9.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 811: " Chi phí khác"

2.2.9.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Căn cứ vào phiếu kế toán số 042/04 chi ngày 18/04/2014 về khoản tiền phạt chậm nộp thuế với số tiền là 1.015 đồng bằng tiền mặt. Kế toán ghi:

Nợ TK 811: 1.015

Có TK 1111: 1.105

Căn cứ vào phiếu kế toán số 035/05 chi ngày 19/05/2014 về khoản tiền phạt chậm nộp thuế với số tiền là 114.345 đồng bằng tiền mặt. Kế toán ghi:

Nợ TK 811: 114.345

Có TK 1111: 114.345

Các nghiệp vụ phát sinh khác định khoản tương tự. Cuối quý, kế toán tập hợp được tổng chi phí khác là 520.429 đồng. Kế toán ghi bút toán kết chuyển số dư TK 811 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 520.429

Có TK 811: 520.429

SỔ CÁI

Mã hiệu :811 - Chi phí khác

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
18/04/2014	PKT.042/04	18/04/2014	Nộp phạt nộp chậm theo thông báo 2014126667/TB07-CCT, ngày 19/03/2014	11211	1.015	
30/04/2014	KC.31	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8111	911		1.015
19/05/2014	PKT.035/05	19/05/2014	Nộp tiền phạt nộp chậm, ngày 19/05/2014	11211	114.345	
31/05/2014	KC.30	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8111	911		114.345
10/06/2014	PKT.030/06	10/06/2014	Thanh toán cước phí viễn thông tháng 05/2014	11211	275.000	

20/06/2014	CTNH.003/06	20/06/2014	Chênh lệch thanh toán tiền hàng cho Guangzhou theoTK 100041416420 ngày 18/06/2014, HĐ 0405/2014	331	64	
30/06/2014	PKT.109/06	30/06/2014	Chênh lệch thanh toán nộp Bảo Hiểm Xã Hội Q2/2014	3383	130.005	
30/06/2014	KC.31	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8113	911		64
30/06/2014	KC.32	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8115	911		130.005
30/06/2014	KC.33	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8116	911		275.000
			CỘNG PHÁT SINH		**520.429**	**520.429**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**483.006**	**483.006**

2.2.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế TNDN của công ty bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm để làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Theo thông tư 78 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp công ty phải chịu năm 2014 là 22%

2.2.10.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ sử dụng:

Các tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý, quyết toán thuế TNDN hàng năm.

Thông báo thuế và biên lai nộp thuế.

Trình tự luân chuyển chứng từ:

- Kế toán kiểm tra tính hợp lệ của toàn bộ doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ, căn cứ báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty để xác định số thuế TNDN phải nộp tạm tính hàng quý.
- Căn cứ vào chứng từ liên quan kế toán tổng hợp nhập vào sổ nhật ký chung số thuế tạm tính phải nộp, chi phí thuế TNDN hiện hành và số thuế phải nộp. Máy tính sẽ tự động cập nhật vào sổ cái TK thuế TNDN.
- Cuối năm tài chính, khi báo quyết toán hoàn thành, căn cứ vào tờ khai quyết toán. Kế toán tiến hành điều chỉnh thuế TNDN tạm tính so với quyết toán.
- Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm lớn hơn số thuế TNDN tạm tính phải nộp, kế toán bổ sung số thuế TNDN còn phải nộp trong năm .
- Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn thuế TNDN tạm tính nộp thì số chênh lệch đó kế toán ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành.

- Đồng thời kế toán kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

2.2.10.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dung TK 8211:"Chi phí thuế TNDN hiện hành" và TK 8212: " Chi phí thuế TNDN hoãn lại" để hạch toán chi phí thuế TNDN

2.2.10.3 Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Thuế TNDN tạm tính được tính như sau:

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần quý 1

=96.595.948 / 6.020.198.375 x 100= 1,60453098 %

Lợi nhuận trước thuế quý 2= Doanh thu thuần quý 2 x tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu quý 1

=9.284.037.574 x 1,60453098%=148.965.259

Thuế TNDN tạm tính quý 2 =148.965.259 x 22% =32.772.357

Phụ lục :Tờ khai thuế TNDN tạm tính quý 2/2014

Khi nộp thuế TNDN tạm tính kế toán hạch toán:

Nợ TK 33342: 32.772.357

Có TK 11211: 32.772.357

- Cuối năm, kế toán tính lại chính xác số thuế TNDN phải nộp trong năm, điều chỉnh và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ sổ cái các tài khoản, ta có các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong quý 02/2014, từ đó ta tính được tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.284.037.574
2. Các khoản giảm trừ	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.284.037.574
4. Giá vốn hàng bán	8.822.287.799
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	139.675
7. Chi phí hoạt động tài chính	89.691.744
- Trong đó lãi vay	
8. Chi phí bán hang	85.318.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	138.543.131

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	148.336.161
11. Thu nhập khác	2.365
12. Chi phí khác	520.429
13. Lợi nhuận khác	(518.064)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	147.818.097

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý 2: 147.818.097

Chi phí khác (phạt nộp chậm thuế, BHXH, điều chỉnh chênh lệch thanh toán) không được trừ khi tính thuế TNDN: 520.429

Số thuế TNDN thực tế phải nộp quý 2=(147.818.097 + 520.429) x 22%= 32.634.476

- Tương tự tính được số thuế TNDN cả năm 2014 =94.156.321đồng.
- Trong quý 2 kế toán không hạch toán khoản thuế TNDN, tài khoản 821 không được dùng để theo dõi số thuế TNDN thực tế theo từng quý, toàn bộ số thuế TNDN sẽ được hạch toán duy nhất một lần vào cuối năm vào tài khoản 821 như sau:

Nợ TK 821: 94.156.321

Có TK 33342: 94.156.321

Nợ TK 911: 94.156.321

Có TK 821: 94.156.321

2.2.11 Xác định kết quả kinh doanh.

Bất kỳ doanh nghiệp loại hình sở hữu nào, hoạt động trong lĩnh vực gì đều mong muốn thu nhập lớn hơn chi phí, hoạt động kinh doanh có lãi, lợi nhuận cao, về lý luận cũng như thực tế mỗi doanh nghiệp có thể có những cách xác định kết quả kinh doanh khác nhau nhưng đều đảm bảo tính phù hợp với cơ chế tài chính của Nhà nước.

Bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ là bảng tập hợp tất cả doanh thu trừ đi chi phí phát sinh trong kỳ, báo cáo kết quả HĐKD được lập vào cuối mỗi quý để phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh cho ban Giám đốc.

Dựa vào báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, cuối năm kế toán lên báo cáo tài chính cho năm hiện hành.

2.2.11.1 Chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ

Chứng từ, sổ sách sử dụng: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911, bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí phát sinh trong kì.Với sự hỗ trợ của phần mềm máy tính thì công việc lập các báo cáo kế toán cũng phần nào nhẹ nhàng hơn, kế toán chỉ việc định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật kí chung, thực hiện kết chuyển trên phần mềm và kiểm tra đối chiếu lại tính hợp lí của báo cáo kế toán.

2.2.11.2 Tài khoản sử dụng

TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh".

2.2.11.3 Phương pháp hạch toán

- Cuối quý, kế toán kết chuyển số dư các TK doanh thu, chi phí, vào TK 911 để xác định KQKD

+ Kết chuyển doanh thu

Nợ TK 5111 : 2.087.150

Nợ TK 5112 : 9.281.950.424

Nợ TK 51511: 128.778

Nợ TK 51514: 10.897

Nợ TK 711 : 2.365

Có TK 911: 9.284.179.614

+ Kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911:9.136.361.517

Có TK 632 :8.822.287.799

Có TK 6351 : 72.466.220

Có TK 6352 : 17.225.524

Có TK 6411 : 46.708.800

Có TK 6412 : 12.540.000

Có TK 6414 : 7.575.759

Có TK 6417 : 2.580.000

Có TK 6418 : 15.913.855

Có TK 6421 : 45.939.720

Có TK 6422 : 4.685.909

Có TK 6423 : 4.543.936

Có TK 6424 : 32.009.484

Có TK 6427 : 37.087.072

Có TK 6428 : 14.277.010

Có TK 811 : 520.429

+ Kết chuyển lợi nhuận

Nợ TK 911: 147.818.097

Có TK 4212: 147.818.097

SỔ CÁI

Mã hiệu :911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
30/04/2014	KC.09	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 5112	5112		3.477.736.300
30/04/2014	KC.10	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51511	51511		25.025
30/04/2014	KC.11	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 51514	51514		4.103
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/06/2014	KC.31	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8113	8113	64	
30/06/2014	KC.32	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8115	8115	130.005	
30/06/2014	KC.33	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 8116	8116	275.000	
30/06/2014	KC.34	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	28.908.230	
			CỘNG PHÁT SINH		**9.285.161.512**	**9.285.161.512**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		**6.437.903.691**	**6.437.903.691**

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 4212-- Lợi nhuận năm nay

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			**97.801.894**
30/04/2014	KC.32	30/04/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	911		119.891.765
31/05/2014	KC.31	31/05/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	911	981.898	

30/06/2014	KC.34	30/06/2014	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	911		28.908.230
			CỘNG PHÁT SINH		**981.898**	**148.799.995**
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			**245.619.991**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/04/14 đến ngày 30/06/14

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Này	Kỳ Trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	9.284.037.574	
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		9.284.037.574	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	8.822.287.799	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		461.749.775	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	139.675	
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	89.691.744	
- Trong đó lãi vay	23			
8. Chi phí bán hang	24		85.318.414	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		138.543.131	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		148.336.161	
11. Thu nhập khác	31		2.365	
12. Chi phí khác	32		520.429	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-518.064	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		147.818.097	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		147.818.097	
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Bảng 2.2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2014

Chương 3:Nhận xét và kiến nghị.

3.1 Nhận xét

3.1.1 Nhận xét tổng quát về tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh tại công ty

- Dù chỉ mới thành lập được 4 năm nhưng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã đạt được thành tích đáng kể: doanh thu bán hàng tăng liên tục qua các năm, điều này chứng tỏ công ty đã có một số lượng lớn khách hàng thường xuyên và những khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, công ty không ngừng phấn đấu, trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật, chú trọng đến việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường sang các khu vực lân cận bằng chính sách bán hàng giao hàng tại kho người mua, do đó số lượng các đơn đặt hàng khu vực TP HCM cũng như các tỉnh lân cận ngày càng tăng. Song song đó là uy tín và thương hiệu công ty ngày càng được nâng cao.
- Tuy nhiên, do thành lập chưa lâu nên công ty khó tránh khỏi việc cạnh tranh trong ngành và thị trường tiêu thụ cũng chưa thật sự lớn mạnh. Ngoài ra, để đơn giản hóa trong công tác hạch toán kế toán, công ty không thực hiện các chính sách giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại để thu hút khách hàng, mặc dù công ty có áp dụng chính sách ưu đã về giá cho những khách hàng bán buôn thường xuyên, do đó về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và không thu hút được thêm nhiều khách hàng mới. Do đó, công ty nên tăng cường các chiến lược marketing để thu hút thêm khách hàng, áp dụng thêm nhiều chính sách bán hàng như: giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, tri ân khách hàng...
- Qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2, tạm tính thuế TNDN, ta có thể thấy mặc dù doanh thu bán hàng của công ty tương đối cao nhưng bên cạnh đó giá vốn hàng bán cũng tương đối lớn, tỉ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu xấp xỉ bằng nhau, do đó sau khi trừ các khoản chi phí thì lợi nhuận của công ty không cao, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu =1.22% . Nguyên nhân mà chi phí giá vốn cao có thể do chi phí nguyên vật liệu sản xuất cao, hao hụt trong quá trình sản xuất, do thiết bị sản xuất lỗi thời hoặc do tay nghề của công nhân sản xuất. Do đó, để giảm chi phí, mà đặc biệt là chi phí giá vốn sản phẩm, công ty nên tìm thêm nhiều nhà cung cấp mới, thường xuyên tổ chức nâng cao tay nghề của công nhân để tránh thất thoát, hao hụt trong sản xuất.

3.2.2 Nhận xét về công tác kế toán tại công ty

3.2.2.1 Ưu điểm

➢ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mô hình này phù hợp với mô hình kinh doanh và mô hình phân cấp quản lý của công ty.
- Việc phân công mỗi kế toán viên phụ trách một phần hành kế toán, tạo điều kiện cho mỗi người đi sâu và nâng cao nghiệp vụ cũng như thấy được trách nghiệm của mình, phát huy hết năng lực và trình độ chuyên môn.
- Bộ máy kế toán luôn hoạt động tích cực, cung cấp được những thông tin chính xác, kịp thời đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty.
- Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các kế toán viên trong bộ máy kế toán.
- Phòng kế toán có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận và phòng ban khác trong Công ty nhằm đảm bảo các dữ liệu được cập nhật kịp thời, chính xác và đảm bảo sự luân chuyển chứng từ theo đúng chế độ kế toán.

➢ Về chứng từ sổ sách

- Chứng từ và sổ sách kế toán đều tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.
- Sổ sách ở Công ty khá đầy đủ, tỉ mỉ, việc ghi chép mở sổ sách theo quy định, do vậy công việc của các phần hành kế toán được thực hiện khá trôi chảy. Việc lập và luân chuyển các chứng từ đều được kế toán thực hiện khá nghiêm ngặt theo chế độ quy định đảm bảo tính khách quan và tuân thủ các chứng từ.
- Ngoài ra trên các trang sổ như sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản, phần tài khoản đối ứng Công ty ghi rõ tài khoản đối ứng Nợ và tài khoản đối ứng Có từ đó giúp cho việc theo dõi được dễ dàng

➢ Về công tác hạch toán

Nhìn chung Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ đã áp dụng nghiêm chỉnh các chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ việc xây dựng hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán đến lập báo cáo tài chính.

Công ty thực hiện hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là hoàn toàn thích hợp.

Công tác kế toán tiêu thụ đảm bảo theo dõi từng loại sản phẩm, theo dõi chính xác các khoản phải thu và các khoản thanh toán của khách hàng, tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp nhờ đó xác định kết quả kinh doanh một các nhanh chóng.

- *Về hạch toán doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*:

Do Công ty sử dụng phần mềm kế toán Smart để hỗ trợ trong công tác hạch toán các nghiệp vụ khi có phát sinh, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan và nhập vào số liệu phần mềm nên công tác hạch toán doanh thu bán hàng hóa thành phẩm tại Công ty được thực hiện nhanh chóng và dễ dàng hơn. Đồng thời cũng giúp kế toán dễ theo dõi và dễ kiểm tra hơn.

- *Về hạch toán giá vốn hàng bán*:

Công ty hạch toán chi phí giá vốn là hợp lí, đặc điểm công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kì nên thuận lợi cho kế toán theo dõi và tính giá hàng hóa, thành phẩm.

- *Về hạch toán các khoản chi phí:*

Kế toán mở các tài khoản chi tiết cho các khoản mục chi phí như: Chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp...nên kế toán có thể dễ dàng theo dõi chi tiết từng khoản chi phí phát sinh.

3.2.2.2 Nhược điểm

➢ Về bộ máy kế toán:

Trình độ tay nghề của các nhân viên trong phòng kế toán là khá cao nhưng hầu hết còn trẻ và chưa có kinh nghiệm, nên việc xử lí số liệu còn chậm và còn mắc nhiều sai sót.Việc phân công kế toán tiền mặt kiêm thủ quỹ làm cho khả năng xảy ra gian lận cao.

➢ Về chứng từ sổ sách: do hầu hết các đơn đặt hàng và hợp đồng kinh tế được lưu giữ ở bộ phận kinh doanh nên kế toán khó có thể kiểm tra đối chiếu các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tình hình thanh toán và công nợ khách hàng. Lưu chuyển chứng từ ở các bộ phận còn xảy ra nhiều sai sót.

➢ Về công tác hạch toán:

- *Tính giá xuất kho hàng hóa, thành phẩm*

Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kì nên bộ phận bán hàng chỉ lập được các phiếu xuất kho số lượng hàng bán, cuối mỗi tháng kế toán tính giá thành và xuất các phiếu xuất kho khác để đối chiếu. Do đó, việc theo dõi mặt hàng trong kho còn hạn chế, bộ phận bán hàng có thể chấp nhận đơn đặt hàng đã hết lượng hàng tồn trong kho.

Phần mềm kế toán giúp công việc kế toán tiện lợi hơn, cuối mỗi tháng kế toán sẽ tính đơn giá xuất kho, phần mềm sẽ tự động tính ra đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, tuy nhiên việc quá phụ thuộc vào phần mềm bỏ qua bước kiểm tra dẫn đến việc tính sai đơn giá xuất kho cũng là một trong những nhược điểm của công tác kế toán.

- *Về nhập xuất NVL.*

Ưu điểm về việc nguyên vật liệu (NVL) của công ty không dự trữ mà khi có nhu cầu về sản xuất mặt hàng nào thì công ty sẽ nhập NVL về để sản xuất mặt hàng đó cũng trở thành nhược điểm của công ty. Ví dụ như khi khan hiếm NVL thì công ty sẽ không mua được NVL dẫn đến tình trạng công nhân không có NVL để sản xuất sản phẩm, không đáp ứng được các đơn đặt hàng của khách hàng.

- *Về hạch toán các khoản phải thu khách hàng:*

Đa số khách hàng của Công ty thanh toán trả chậm, Công ty phải gửi thư nhắc nhở công nợ, công ty có mở sổ chi tiết theo dõi công nợ theo từng khách hàng nhưng không lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, do đó không tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

- *Hạch toán chi phí tài chính:*

Công ty mở các tài khoản cấp chi tiết để theo dõi chi phí lãi vay theo từng khế vay, do đó tài khoản chi tiết 635 trở nên rườm rà, khó nhớ.

- *Hạch toán lương và các khoản trích theo lương.*

Việc không theo dõi tách biệt từng bộ phận nhân viên đã dẫn đến sự sai sót trong công tác tính lương khiến nhân viên ở bộ phận này lại tính lương ở bộ phận khác.

Công ty không theo dõi, hạch toán riêng biệt BHXH, BHYT, BHTN gây khó khăn cho công tác quản lý, mặt khác trong năm công ty không trích kinh phí công đoàn, KPCĐ ở năm này được trích ở năm sau, điều này là trái với quy định của nhà nước.

- *Tính thuế TNDN.*

Kế toán tính thuế TNDN tạm tính không dựa trên doanh thu chi phí thực tế của công ty, mặc dù cuối năm kế toán sẽ tính và điều chỉnh lại số thuế TNDN phải nộp, tuy nhiên nếu tính chính xác số thuế của từng quý sẽ giúp giảm bớt công việc của kế toán vào cuối năm tài chính.

3.3 KIẾN NGHỊ

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ, được sự chỉ bảo tận tình của các cô, các chú, các anh, các chị phòng kế toán Công ty, em có điều kiện tìm hiểu tình hình hoạt động kinh doanh và thực tế công tác tổ chức kế toán tại Công ty. Dưới góc độ của một sinh viên thực tập em xin đưa ra một số ý kiến về phương pháp hoàn thiện và những tồn tại trong hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

➢ Về bộ máy kế toán:

- Công ty nên tổ chức ở phòng kế toán công tác kế toán quản trị kết hợp với phòng kế hoạch và phòng kinh doanh nhằm lập ra các báo cáo nội bộ từ đó tổ chức kiểm tra đánh giá kế hoạch sản xuất cũng như bán hàng, kiểm soát các khoản chi phí phát sinh trong công ty.
- Mặt khác, hoạt động trong cơ chế thị trrường hiện nay, khi mà cạnh tranh diễn ra ngày gay gắt, quyết liệt thì khi các thông tin giữa các bộ phận đến càng nhanh thì các vấn đề càng sớm được giải quyết. Do đó trong nội bộ phòng kế toán phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhân viên với nhau cũng như với các bộ phận khác tại công ty.
- Đa phần kế toán viên đều có tuổi đời rất trẻ nên kinh nghiệm chưa nhiều, chưa thể xử lý tốt tất cả những vấn đề phát sinh. Do đó ban lãnh đạo Công ty và phòng ban nên chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, thường xuyên mở các khóa huấn luyện, đào tạo kĩ năng cũng như các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn.
- Luôn cập nhập thường xuyên các quyết định, thông tư mới của chính phủ một cách kịp thời để tránh hạch toán sai. Thường xuyên cải thiện hệ thống kế toán trên máy, nâng cấp phần mềm để đảm bảo độ chính xác về số liệu.
- Công việc tìm hiểu, nghiên cứu thị trường của phòng kinh doanh, phòng kế hoạch rất quan trọng sẽ nâng cao được trình độ chuyên môn, cần có những chính sách Makerting đặc biệt phù hợp với từng thời gian cụ thể.

➢ Về sổ sách kế toán:

- Để đảm bảo chứng từ, nghiệp vụ phát sinh được ghi nhận vào phần mềm một cách chính xác sau khi nhập liệu kế toán cần chú ý đối chiếu lại các số liệu giữa phần mềm và chứng từ gốc. Cuối niên độ kế toán khi in các sổ sách chứng từ kế toán cần kiểm tra tính hợp lý và đối ứng giữa các sổ sách với nhau, giữa sổ nhật ký chung với sổ cái TK, giữa sổ chi tiết với sổ tổng hợp, so sánh sổ sách của kế toán với bộ phận kho và phân xưởng.
- Giám sát chặt chẽ và bảo quản kĩ lưỡng các chứng từ kế toán từ các bộ phận khác gửi sang để tránh sai sót trong quá trình ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách. Cần lưu trữ sổ sách chứng từ gọn gàng, có thể dễ dàng tìm kiếm đối chiếu.
- Công tác xử lý chứng từ rất quan trọng, làm ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng của việc xác định kết quả kinh doanh. Khi xử lý chứng từ, công ty nên bố trí người có năng lực, trách nhiệm để phụ trách khâu kiểm tra toàn bộ chứng từ trước khi nhập vào máy. Việc bố trí này giúp tránh sai sót không đáng cho quá trình kinh doanh cuối cùng, mặt khác cũng có thêm sự giám sát công việc lẫn nhau giữa các nhân viên, làm tăng sự hoàn thiện công tác kế toán ngay từ công đoạn ban đầu.

➢ Về chứng từ sử dụng:

Việc thanh toán mọi khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phải tuân thủ theo quy định về chứng từ thanh toán của Bộ Tài Chính như sau:

- Công ty nên quy định thời gian giao nộp chứng từ gốc để tránh tình trạng chi phí phát sinh tháng này mà tháng sau mới ghi nhận.
- Lập sổ giao nhận chứng từ để khi giao nhận người nộp xác nhận đã nộp chứng từ, nếu có mất mát xảy ra thì có thể quy trách nhiệm đúng người.

➢ Về công tác kế toán.

- Tính lương tách biệt cho từng bộ phận nhân viên, không nên tính gộp toàn bộ nhân viên, điều này sẽ giúp kế toán thuận lợi hơn việc tính lương nhân viên cũng như theo dõi chi phí của từng bộ phận.
- Theo dõi tách biệt các khoản trích theo lương , trích và nộp KPCĐ đúng quy định của nhà nước sẽ giúp doanh nghiệp tránh bị phạt nộp chậm các khoản bảo hiểm, KPCĐ.
- Tính thuế TNDN tạm tính dựa trên doanh thu chi phí thực tế , lập bảng giải trình doanh thu, chi phí của từng quý, điều này sẽ giúp kế toán thuận lợi hơn khi giải trình trước cơ quan thuế cũng như giảm được khối công việc vào cuối năm, mặt khác kế toán có thể

theo dõi được chính xác số thuế TNDN phải nộp của từng quý, từ đó phản ánh một cách trung thực nhất tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

- Đối với kế toán công nợ phải thu khi theo dõi các khách hàng trả chậm ngoài việc theo dõi chi tiết các khách hàng, gửi thư nhắc nhở công ty cần theo dõi các khoản nợ quá hạn, từ đó lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với các khoản nợ phải trả, kế toán cần chú trọng lập bảng theo dõi các hóa đơn trên 20 triệu cho từng khách hàng nhằm thanh toán kịp thời tránh việc bị loại HĐ khi tính thuế GTGT, các HĐ trên 20 triệu chưa thanh toán phải được treo ở tài khoản 1388, kế toán dựa trên tài khoản để theo dõi và thanh toán kịp thời cho khách hàng.
- Kế toán nên ước tính số sản phẩm mà doanh nghiệp sẽ sản xuất trong năm dựa trên tốc độ tăng trưởng doanh thu để dự trù số lượng nguyên vật liệu cần thiết, tránh trường hợp bị thiếu nguyên vật liệu để sản xuất gây tổn thất về kinh tế.
- Cần lập thêm các quỹ dự phòng, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư từ khoản lợi nhuận để lại để có thể giải quyết được các vấn đề khó khăn và nắm bắt được cơ hội kinh doanh kịp lúc

➢ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí vá xác định kết quả kinh doanh.

- Nên theo dõi cũng như kiểm tra bằng excel đơn giá xuất kho của hàng hóa, thành phẩm, tránh việc quá phụ thuộc vào phần mềm kế toán, gây sai lệch giá trị xuất kho hàng hóa, thành phẩm, ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán. Công ty nên áp dụng phương thức tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn nhằm giúp kế toán theo dõi được giá trị hàng hóa, thành phẩm mỗi lần xuất kho, cho ra giá trị xuất kho chính xác nhất, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả.
- Nên áp dụng hợp lý hình thức chiết khấu hàng bán để khuyến khích khách hàng mua với khối lượng lớn hoặc thanh toán đúng hạn.
- Đối với các sản phẩm như : bàn chà nhám Jumbo, cọ lăn Việt Mỹ 3 màu, cọ lăn việt mỹ jumbo 9in, súng bắn keo silicon việt mỹ..thường bán với giá bán thấp hơn giá thị trường công ty nên lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các sản phẩm này để có thể giảm các thiệt hại xuống mức thấp nhất. Quỹ dự phòng còn tạo lập cho Công ty một quỹ tiền tệ để đủ sức khắc phục trước các thiệt hại có thể xảy ra trong kinh doanh.

Tóm lại, để hoàn thiện công tác kế tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi phải có sự nỗ lực của chính những người làm công tác kế toán và những người thực hiện chỉ đạo ở đó. Xuất phát từ nhu cầu thị trường mà đáp ứng để tăng kết quả sản xuất, kinh doanh và cũng từ yêu cầu đòi hỏi tính hiệu quả trong công việc thiết kế mô hình Tài chính- kế toán hiện nay

KẾT LUẬN

Có thể nói rằng, trong nền kinh tế hiện nay thực hiện chế độ kế toán kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước đòi hỏi các doanh nghiệp một mặt phải tự trang trải được các chi phí, mặt khác phải thu được lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu đó chỉ có thể đạt được trên cơ sở quản lý chặt chẽ các loại tài sản, vật tư, chi phí, quản lý chặt chẽ quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ, em đã phần nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức hệ thống kế toán trong doanh nghiệp và những công việc cần phải làm. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung những kiến thức ở nhà trường.

Tuy nhiên do thời gian làm khóa luận có hạn, kiến thức kinh nghiệm còn hạn chế, chính vì vậy mà không tránh khỏi những sai sót khi đưa ra những nhận xét và kiến nghị. Em kính mong quý thầy, cô khoa Kế toán kiểm toán trường Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh và đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn ThS.Nguyễn Quỳnh Tứ Ly chỉ bảo thêm để em hoàn thành tốt chuyên đề này. Em xin chân thành cám ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-Tác giả Th.S Trịnh Ngọc Anh (2012) , kế toán tài chính 1, nhà xuất bản Thanh Niên.

-Bộ tài chính (2014), chế độ kế toán doanh nghiệp, nhà xuất bản Kinh Tế TP.HCM

-Bộ tài chính, thông tư 200/2014/TT-BTC.

-Bộ tài chính, thông tư 78/2014/TT-BTC.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hóa đơn bán ra trong quý 2/2014

Phụ lục 2:Hóa đơn mua vào trong quý 2/2014

Phụ lục 3: Sổ phụ ngân hàng Sacombank tháng 4, 5,6

Phụ lục 4: Tờ khai tạm tính thuế TNDN quý 2/2014

Phụ lục 5: Một số phiếu thu, phiếu chi trong quý 2/2014

Phụ lục 6:Danh mục hàng hóa, thành phẩm

Phụ lục 7: Sổ cái, sổ chi tiết tài khoản doanh thu, chi phí,xác định kết quả kinh doanh quý 2/2014

Phụ lục 1:

CÔNG TY TNHH MTV CỌ VIỆT MỸ

VIET MY BRUSH
PROFESSIONAL TOOLS

Mã số thuế : 0 3 0 6 1 5 1 1 3 3
Địa chỉ: 90 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84 8) 3876 7888 Fax: (84 8) 3755 1128
Số Tài khoản: **060001484926**
Tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Chợ Lớn.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 1 : Lưu

Ngày 01 tháng 04 năm 2014

Mẫu số : **01GTKT3/001**
Ký hiệu : **VM/13P**
Số: 0001075

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Như Lộc
Mã số thuế: 4 4 0 0 6 4 2 3 1 2
Địa chỉ : 36 Lê Thành Phương, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên
Hình thức thanh toán : TM - CK Số tài khoản :

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cọ lăn Việt Mỹ 9in	Cây	120	12,400	1.488.000
				Cộng tiền hàng:	1.488.000
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	148.800
				Tổng cộng tiền thanh toán:	1.636.800

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Bán hàng qua điện thoại

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CỌ VIỆT MỸ

Nguyễn Thọ Khương

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
In tại Công ty TNHH TM và SX Nguyên Xương Thịnh - Mã số thuế : 0302464590 - Tel (08) 38.666.888

VIET MY BRUSH
PROFESSIONAL TOOLS

CÔNG TY TNHH MTV CỌ VIỆT MỸ
Mã số thuế : 0 3 0 6 1 5 1 1 3 3
Địa chỉ: 90 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84 8) 3876 7888 Fax: (84 8) 3755 1128
Số Tài khoản: **060001484926**
Tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Chợ Lớn.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : **01GTKT3/001**
Ký hiệu : **VM/13P**
Số: 0001076

Liên 1 : Lưu
Ngày 01 tháng 04 năm 2014

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : Công Ty TNHH Trung Khang
Mã số thuế: 1 9 0 0 3 1 6 4 3 1
Địa chỉ : Quốc lộ 1A, ấp 2, Thị trấn Giá Rai, Huyện Giá Rai, Bạc Liêu
Hình thức thanh toán : TM - CK Số tài khoản :

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cọ lăn Việt Mỹ 9in	Cây	600	12,400	7.440.000
2	Cọ lăn Việt Mỹ 23 cm	Cây	550	10,181	5.599.550
3	Cọ lăn Việt Mỹ 21 cm	Cây	220	9,454	2.079.880
4	Cọ lăn Việt Mỹ 15 cm	Cây	110	7,927	871.970
5	Cọ lăn Việt Mỹ 11 cm	Cây	110	6,763	743.930
			Cộng tiền hàng:		16.735.330
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		1.673.533
			Tổng cộng tiền thanh toán:		18.408.863

Số tiền viết bằng chữ : Mười tám triệu bốn trăm lẻ tám ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Bán hàng qua điện thoại

M.S.D.N: 0306151133 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CỌ VIỆT MỸ QUẬN 6 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thọ Khương

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
In tại Công ty TNHH TM và SX Nguyên Xương Thịnh - Mã số thuế : 0302464590 - Tel (08) 38.666.888

VIET MY BRUSH
PROFESSIONAL TOOLS

CÔNG TY TNHH MTV CỌ VIỆT MỸ
Mã số thuế : 0 3 0 6 1 5 1 1 3 3
Địa chỉ: 90 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84 8) 3876 7888 Fax: (84 8) 3755 1128
Số Tài khoản: **060001484926**
Tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Chợ Lớn.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : **01GTKT3/001**
Ký hiệu : **VM/13P**
Số: 0001360

Liên 1 : Lưu
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Họ tên người mua hàng : Vũ Đình Hùng
Tên đơn vị :
Mã số thuế: X X X X X X X X X X
Địa chỉ : Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hải Dương
Hình thức thanh toán : TM - CK Số tài khoản :

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cọ lăn Việt My Apollo, dài 9in	Cây	20.000	12,518	250.360.000
2	Cọ lăn Việt Mỹ 9in	Cây	4.800	11,554	55.459.200
3	Cọ lăn Việt Mỹ 23 cm (Thay ống)	Cây	240	8,601	2.064.240
4	Cọ lăn Việt Mỹ 21 cm	Cây	550	8,810	4.845.500
5	Cọ lăn Việt Mỹ Newwin 15cm	Cây	1.650	8,461	13.960.650
6	Cọ lăn Việt Mỹ 15 cm	Cây	1.650	7,386	12.186.900
7	Cọ lăn chỉ mini 6cm	Cây	650	3,211	2.087.150
			Cộng tiền hàng:		340.963.640
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		34.096.364
			Tổng cộng tiền thanh toán:		375.060.004

Số tiền viết bằng chữ : Ba trăm bảy mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ngàn không trăm lẻ bốn đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Bán hàng qua điện thoại

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CỌ VIỆT MỸ

Nguyễn Thọ Khương

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
In tại Công ty TNHH TM và SX Nguyên Xương Thịnh - Mã số thuế : 0302467590 - P.HT Tel (08) 38.666.888

VIET MY BRUSH
PROFESSIONAL TOOLS

CÔNG TY TNHH MTV CỌ VIỆT MỸ
Mã số thuế : 0 3 0 6 1 5 1 1 3 3
Địa chỉ: 90 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84 8) 3876 7888 Fax: (84 8) 3755 1128
Số Tài khoản: **060001484926**
Tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Chợ Lớn.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 1 : Lưu
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số : **01GTKT3/001**
Ký hiệu : **VM/13P**
Số: 0001361

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : Vũ Đình Hùng
Mã số thuế: X X X X X X X X X X
Địa chỉ : Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hải Dương
Hình thức thanh toán : TM - CK Số tài khoản :

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cọ lăn Việt Mỹ 23 cm (Thay ống)	Cây	2.160	8,601	18.578.160
				Cộng tiền hàng:	18.578.160
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	1.857.816
				Tổng cộng tiền thanh toán:	20.435.976

Số tiền viết bằng chữ : Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CỌ VIỆT MỸ

Nguyễn Thu Khương

Bán hàng qua điện thoại

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
In tại Công ty TNHH TM và SX Nguyên Xương Thịnh - Mã số thuế : 0302464590 - Tel (08) 38.666.888

Phụ lục 2.

KK T5 | 2014

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM NGỌC PHÁT

Mã số thuế: **0 3 1 1 3 2 7 2 8 7**

Địa chỉ: 933 Lò Gốm, Phường 8, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62 788 288 - 3960 5678 Fax: (08) 3960 5678

Số tài khoản: 060040182848 tại Ngân hàng Sacombank - CN Bình Tây

283 Trần Văn Kiều - P.11 - Q.6 - TP.HCM
STK: 123848949 - Ngân Hàng ACB

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM NGỌC PHÁT QUẬN 6 TP. HỒ CHÍ MINH M.S.D.N: 0311327287 - C.T.T.N.H.H

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT3/001**
Ký hiệu: **NP/11P**
Số: 0000455

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày 02 tháng 05 năm 2014

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: C Ty TNHH MTV Co Việt Mỹ
Mã số thuế: 0306151133
Địa chỉ: 90 Đường chợ lớn F 11 Q6 TPHCM
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Băng Keo 5' 100'	cây	20	57.000	1.140.000

Cộng tiền hàng: 1.140.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 114.000
Tổng cộng tiền thanh toán: 1.254.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Một thành viên In đường sắt Sài Gòn - Mã số thuế: 0310988767 - ĐT: (08) 38306533

65/81

KKT6/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG NHỮNG TRANG VÀNG VIỆT NAM

Mã số thuế *(VAT code)*: 0303713634

Địa chỉ *(Address)*: 2L - 2M - 2N Phạm Hữu Chí, P.12, Q.5, TP.HCM

Điện Thoại *(Tel)*: (08) 3855 6666 • Fax: (08) 3855 5588

Website: www.yellowpagesmedia.vn • Email: ypm@yp.com.vn

M.S.D.N: 0303713634 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG NHỮNG TRANG VÀNG VIỆT NAM - QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE

Liên 2: Giao cho người mua *(Copy 2: Customer)*

Ngày *(Day)* 20 tháng *(month)* 06 năm *(year)* 2014

Mẫu số *(Form)*: 01GTKT3/001

Ký hiệu *(Serial)*: YP/13P

Số *(No.)*: 0001233

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Đơn vị *(Company)*: Công ty TNHH MTV CO VIẾT MỸ

Mã số thuế *(VAT code)*: 0306151133

Địa chỉ *(Address)*: 90 Chợ Lớn Phường 11 Quận 6, TP HCM

Hình thức thanh toán *(Method of payment)*: CK Số tài khoản *(Account No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Thu phí quảng cáo Biglogo MS: Big00822 từ ngày 21/06/2014 đến ngày 21/06/2015				1.980.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	1.980.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10 %				Tiền thuế GTGT *(VAT)*:	198.000
				Tổng cộng *(Total payment)*:	2.178.000

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in word)*: Hai triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng *(Customer)*	Người bán hàng *(Seller)*	Thủ trưởng đơn vị *(Chief officer)*
Ký, ghi rõ họ tên *(Signature, full name)*	Ký, ghi rõ họ tên *(Signature, full name)*	Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên *(Signature, seal, full name)*
Nguyễn Thị Thiên Nhạc	Huỳnh Thị Hồng Vũ	

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn. Mã số thuế: 0301452923 - ĐT: (08) 39 160 555

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KKT5/2014

Liên 2 : Giao cho người mua

ISO 9001:2008

Địa chỉ: 549 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP. HCM – ĐT : 3830 2222 Fax : 3832 5555

Website: www.comeco.com.vn - Email: comecopetro@hcm.vnn.vn

Mẫu số : 01GTKT3/001

Ký hiệu : AA/13P

Ngày 14 tháng 05 năm 2014

Số : 0537684

CHI NHÁNH SỐ: 12 Hình thức thanh toán: Trả ngay Mã số thuế : 0 3 0 0 4 5 0 6 7 3

Địa chỉ: 28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6

Tên đơn vị mua hàng: CTY TNHH MTV CO VIỆT MỸ Mã KH:

Địa chỉ: 90 CHO 1 CŨ P.11-Q.6 Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Mã số thuế : 1 5 1 6 5 1 1 5 6

TT	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN (đồng)
A	B	C	1	2	3 (1 x 2)
1	Dầu DO 0,05%S	Lít	45,0	20.618,182	927.818

Cộng tiền hàng (1) : 927.818

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT (2) : 92.782

Tổng cộng tiền thanh toán (1) + (2) : 1.020.600

Số tiền viết bằng chữ : *Một triệu hai mươi ngàn sáu trăm đồng*

NGƯỜI MUA HÀNG	NGƯỜI BÁN HÀNG	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

CHI NHÁNH SỐ 12 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU

Nguyễn Anh

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Giấy Vị Tinh Liên Sơn. Mã số thuế: 0301452923 - ĐT: (08) 39 100 555

50/67

Đơn vị bán hàng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG HUY HOÀNG
Mã số thuế: **0 3 0 2 8 0 4 6 8 8**
Địa chỉ: 264 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3991 5647 Fax: (08) 3991 5648
Website: www.huyhoang.vn Email: info@huyhoang.vn

KKT4/12

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: HH/13P
Số: 0004473

Liên 2: Giao cho người mua
Ngày 17 tháng 4 năm 2014

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CỌ VIỆT MỸ
Mã số thuế: 0306151133
Địa chỉ: 90 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:

STT	Tên Hàng Hóa, Dịch Vụ	Đơn Vị Tính	Số Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Mực HP CN046AA	Cái	1,00	520.000	520.000
2	Mực HP CN048AA	Cái	1,00	520.000	520.000
3	Mực CN049A	Hộp	1,00	650.000	650.000

Cộng tiền hàng: 1.690.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 169.000
Tổng cộng tiền thanh toán: 1.859.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn.

Người Mua Hàng	Người Bán Hàng	Thủ Trưởng Đơn Vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI	Phạm Ngọc Vân Anh	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG HUY HOÀNG
Nguyễn Thị Thiện Nhàn		GĐ. TẠ CÔNG HUY

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

VNPT

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao khách hàng (Customer)

Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01

Ký hiệu (Serial No): AC/14P 26/6

Số (No): 1304960

KKT4/2014 1304960

Mã số thuế: 0 3 0 0 9 5 4 5 2 9

Viễn thông (Telecommunications): TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Q1, TP HCM

Tên khách hàng (Customer's name): CTY TNHH MTV CO VIET MY MST: 0 3 0 6 1 5 1 1 3 3

Địa chỉ (Address): 52/18 KINH DUONG VUONG P.13 Q.6

Số điện thoại (Tel): covietmy-co Mã số (code): IS00735216

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): THU TAI NHA

STT(NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6
	1. CUOC DICH VU VIEN THONG TPHCM				250.000
				Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):	250.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%x(1) =				Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):	25.000
				Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):	275.000

IN TẠI CÔNG TY LẮP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VÀ IN BƯU ĐIỆN MST: 0100687474 - TEL: 04.38777432 - www.pdp.vn

Số tiền viết bằng chữ (In words): HAI TRAM BAY MUOI LAM NGAN DONG

TRA CUOC THANG 03/2014

Ngày 07 tháng 04 năm 2014

Người nộp tiền ký (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)

06002H0301212-LH:0902790606

Phụ lục 3

In trang | Quay về | Lưu sổ phụ | Gửi sổ phụ

Sacombank
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

CHI NHÁNH CHỢ LỚN NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN QUẬN 11 TP. HỒ CHÍ MINH

SỔ PHỤ TK TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN
ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày: 01/04/2014 Đến ngày: 30/04/2014
From: 01/04/2014 To: 30/04/2014

SMA service
Ngày/*Date*: 13/05/2014 08:32:07

Số tài khoản/ *Account no:* **060001484926**

Tên khách hàng/ *Account holder:* **CONG TY TNHH MTV CO VIET MY**

Ngày (*) phát sinh trước/ *The previous transaction date:* **31/03/2014**

Số dư (*) đầu kỳ/ *Opening balance:* **54,577,250**

Mã tiền tệ/ *Currency:* **VND**

STT *No*	Ngày GD *Booking date* (*)	Ngày HL *Value date* (*)	Số GD *Txn ID*	Diễn giải *Description*	Số tiền rút *Debit*	Số tiền gửi *Credit*	Số dư *Balance* (*)
1	03/04/2014 14:44:31	03/04/2014	FT14093JZSLF	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien thue Nha xuong thang 04/2014 cho Huynh Bao Quoc.	8,000,000		46,577,250
2	03/04/2014 14:44:32	03/04/2014	FT14093GQ0XW	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		46,560,750
3	03/04/2014 15:16:04	03/04/2014	TT140936FTS9\CL7	VUONG QUCO BAO TTHD VN/13P0001016		66,472,835	113,033,585
4	03/04/2014 15:16:14	03/04/2014	TT140931LSWJ\CL7	NGUYEN THANH PHONG TTHDVN/13P0001020		21,235,940	134,269,525
5	03/04/2014 15:16:20	03/04/2014	TT14093HN212\CL7	NGUYEN TAN PHUC TTHD VN/13P0001019		28,137,615	162,407,140
6	03/04/2014 15:23:47	03/04/2014	FT14093TCC56	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000410 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	113,520,000		48,887,140
7	03/04/2014 15:37:37	03/04/2014	FT14093SX3B0	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		10,000,000	58,887,140
8	03/04/2014 15:45:05	03/04/2014	FT14093GTCFT	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0001407 cho Cong ty Co phan Bao bi Tin Thanh.	49,115,352		**9,771,788**
9	07/04/2014 10:45:18	07/04/2014	TT14097C4RD9\CL7	NGUYEN VAN XIEM CT		123,306,260	133,078,048
10	07/04/2014 11:15:31	07/04/2014	FT14097XC4LH	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		20,000,000	153,078,048
11	07/04/2014 11:18:04	07/04/2014	FT1409723KVT	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		10,000,000	163,078,048
12	07/04/2014 11:22:28	07/04/2014	FT14097TPSVR	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000306 cho Cong ty TNHH MTV Duc Y.	161,732,450		**1,345,598**
13	08/04/2014 11:07:34	08/04/2014	TT14098C9W4B\CL7	NGUYEN TAN PHUC TT HD VM/13P 0001054		53,970,400	55,315,998
14	08/04/2014 14:07:35	08/04/2014	FT14098VW37Q\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001015 NGAY 14/03/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		44,635,800	99,951,798
15	08/04/2014 15:42:25	08/04/2014	FX1409868600\BNK	BAN USD2,457*21120 TT HD: 0405/2014	51,891,840		48,059,958
16	08/04/2014 17:14:48	08/04/2014	FT140986SC34	THU DIEN PHI + PHI TT (USD5+USD15) *21120/ TT HD 0405/2014	464,640		**47,595,318**

17	10/04/2014 08:04:06	10/04/2014	FT14100JL51B	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0005799 cho DNTN TM Hai Thong.	18,600,120		28,995,198
18	10/04/2014 15:39:34	10/04/2014	TT14100D6FSD\CL7	VUONG Q BAO HD VM13P 0001069		62,420,325	91,415,523
19	10/04/2014 15:39:41	10/04/2014	TT14100G7HLZ\CL7	LE DAT HD VM13P 0001056		21,432,840	112,848,363
20	10/04/2014 15:39:47	10/04/2014	TT141007BF97\CL7	NGUYEN THANH PHONG HD VM13P0001057		21,156,960	134,005,323
21	10/04/2014 16:22:35	10/04/2014	FT14100GB0KC	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000418 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	127,380,000		**6,625,323**
22	11/04/2014 09:48:23	11/04/2014	TT14101Z7Q3D\CL7	VUONG QUOC BAO TT HDVM/113P0001052		51,239,980	57,865,303
23	11/04/2014 09:48:31	11/04/2014	TT141013SPW7\CL7	NGUYEN THANH PHONG TTHDVM/13P00010 74		23,365,210	81,230,513
24	11/04/2014 11:01:13	11/04/2014	TT1410116Q04	THUE GTGT HANG NK C754 K191 TM1702 TK 51661 NG11/04/2014 KINH DOANH MST:0306151133	73,101,535		8,128,978
25	11/04/2014 11:15:24	11/04/2014	TT14101HXSJV	THU PHI NT-CTY TNHH CO VIET MY	16,500		8,112,478
26	11/04/2014 15:21:49	11/04/2014	FT14101VYYNM	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		30,000,000	38,112,478
27	11/04/2014 15:28:31	11/04/2014	FT14101NM9YG	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0005885 cho DNTN TM Hai Thong.	36,000,195		**2,112,283**
28	14/04/2014 12:49:20	14/04/2014	FT14104WYDS8\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001051 NGAY 25/03/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		68,034,450	**70,146,733**
29	15/04/2014 14:54:16	15/04/2014	TT141056W58B\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TRA TIEN HDS 0000887 NG15/1/2014+HD0000922 NG 24/1/2014CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		336,915,755	407,062,488
30	15/04/2014 15:22:05	15/04/2014	FT141050M2BQ	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0006042 cho DNTN TM Hai Thong.	18,600,120		**388,462,368**
31	16/04/2014 09:14:37	16/04/2014	FT14106518J4	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000304 cho Cong ty TNHH MTV Duc Y.	170,823,950		217,638,418
32	16/04/2014 14:51:45	16/04/2014	FT14106JLFNZ	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Chuyen tra Nguyen Tho Khuong.	150,000,000		67,638,418
33	16/04/2014 15:53:49	16/04/2014	FT14106H9KQQ	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0006112 cho DNTN TM Hai Thong.	36,000,195		31,638,223
34	16/04/2014 16:48:55	16/04/2014	FT14106Q0Z44\BNK	CONG TY TNHH ANH MY TU TC:3E5600092.CTY TNHH ANH MY TU CT RULO, CO, GIAY NHAM F/O: CTY TNHH MTV CO VIET MY		7,894,300	**39,532,523**
35	17/04/2014 14:08:23	17/04/2014	TT14107DJV36\CL7	LE DAT TT HD VM13P 0001095		23,477,135	63,009,658
36	17/04/2014 14:08:30	17/04/2014	TT14107X8V50\CL7	NGUYEN THANH PHONG HD VM13P0001096		25,325,630	88,335,288
37	17/04/2014 14:08:38	17/04/2014	TT14107551MP\CL7	VUONG QUOC BAO CT HD VM13P 0001091		66,871,475	155,206,763
38	17/04/2014 16:02:41	17/04/2014	FT14107FC6YF	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000421 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	127,380,000		**27,826,763**
39	18/04/2014 11:08:19	18/04/2014	TT14108YCQN6\CL7	NGUYEN TAN PHUC TTHD VM/13P0001093		70,563,075	98,389,838

40	18/04/2014 15:40:42	18/04/2014	FX1410815516\BNK	BAN USD3674*21120 TT HD: 0416/2014	77,594,880		20,794,958	
41	18/04/2014 16:00:33	18/04/2014	TT141083PH6G	THU PHI NT-CTY TNHH CO VIET MY	16,500		20,778,458	
42	18/04/2014 16:02:59	18/04/2014	TT14108RVKDC	THUE GTGT HANG BAN TRONG NUOC C754 K191TM1701 ST4293986 PHAT NOP CHAM C754K191TM4911 ST1015 THUE TNDN QUY1-2014 C754K194TM1052 ST6498445 KY 03/2014 MST:0306151133	10,793,446		9,985,012	
43	18/04/2014 18:46:58	18/04/2014	FT14108KC513	THU DIEN PHI + PHI TT (USD5+10) *21120/ CTR NO 0416/2014 DD140416	348,480		**9,636,532**	
44	21/04/2014 09:37:32	21/04/2014	FT14111RGT11	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0003891 cho Cong ty TNHH phat trien cong nghe Thai Son	2,728,000		6,908,532	
45	21/04/2014 09:37:33	21/04/2014	FT14111XQFHY	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK KHAC DIA BAN	16,500		6,892,032	
46	21/04/2014 11:20:17	21/04/2014	TT14111NJN5B\CL7	NGUYEN TAN PHUC TTHD VM/13P0001071		46,056,230	52,948,262	
47	21/04/2014 13:15:12	21/04/2014	FT14111GJL98\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001068 NGAY 31/03/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		57,917,255	**110,865,517**	
48	22/04/2014 14:29:21	22/04/2014	TT14112Z5T75	THUE GIA TRI GIA TANG HANG NHAP KHAU C754 K191 TM1702 TK57871 NG21/04/14 KINH DOANH MST:0306151133	59,478,057		51,387,460	
49	22/04/2014 14:46:58	22/04/2014	TT14112ZBWT9	THU PHI CK NT-CTY TNHH MTV CO VIET MY	16,500		51,370,960	
50	22/04/2014 15:44:54	22/04/2014	TT14112B4RQ2\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TRA TIEN HDS 0000938 NGAY 15/02/2014		226,253,005	277,623,965	
51	22/04/2014 16:13:40	22/04/2014	FT14112PT611	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000585 cho DNTN Dai Chan Phat./PGD Binh Tien	73,990,000		203,633,965	
52	22/04/2014 16:13:41	22/04/2014	FT14112NHDNJ	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		**203,617,465**	
53	23/04/2014 15:24:32	23/04/2014	FT14113848CG	IBBP:HCMPC 000005602070 TTHD DIEN 06000212084 T4	40,401,046		**163,216,419**	
54	24/04/2014 13:34:09	24/04/2014	FT14114X29DM	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000424 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	127,380,000		35,836,419	
55	24/04/2014 16:06:50	24/04/2014	FT14114VNHPC	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0006492 cho DNTN TM Hai Thong.	18,600,120		**17,236,299**	
56	28/04/2014 09:09:18	28/04/2014	TT14118K8ZZ8\CL7	LE DAT TT HD VM/13P01073		22,049,720	39,286,019	
57	28/04/2014 11:00:55	28/04/2014	FT14118MVVQC	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0006609 cho DNTN TM Hai Thong.	37,199,608		**2,086,411**	
58	29/04/2014 09:18:10	29/04/2014	FT14119S5SRH\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001090NGAY 08/04/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		50,882,260	52,968,671	
59	29/04/2014 11:19:45	29/04/2014	TT14119HVNFQ	CT BAO HIEM XA HOI QUAN 6-TTOAN BHXH BHYT TH03.2014 MDV:TF1236F	27,860,625		25,108,046	
60	29/04/2014 15:57:29	29/04/2014	TT1411921W2W\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TRA TIEN HDS 0000964 NG 24/2/2014 CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		210,104,675	235,212,721	
61	29/04/2014 15:57:38	29/04/2014	TT14119ZYDCS\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN		210,237,830	445,450,551	
62	29/04/2014 16:56:44	29/04/2014	TT14119VP2JV	THU PHI UNC- CTY TNHH CO VIET MY	16,500		445,434,051	

63	29/04/2014 22:47:52	29/04/2014	060001484926-20140430	LAI NHAP VON		25,025	445,459,076

Cộng phát sinh trong kỳ/ *Total recorded amount:*	**1,619,100,159**	**2,009,981,985**
Lũy kế từ đầu tháng/ *Month to date amount:*	**1,619,100,159**	**2,009,981,985**
Số dư cuối kỳ/ *Ending balance:*		**445,459,076**

Trong đó/ *With*:

Số dư (*): là số dư với các giao dịch thực tế đã được hạch toán và ghi nhận vào tài khoản của Quý khách

Actual Balance (*): the balance of actual transaction(s) which is credited or debited to your account

Ngày giao dịch (*): là ngày giờ ghi nhận phát sinh giao dịch

Booking date (*): the date a transaction occurs (Used in recording transaction(s))

Ngày hiệu lực (*): Ngày hạch toán là ngày giờ giao dịch được ghi nhận hạch toán thật sự vào tài khoản của quý khách

Value date (*): the actual date a transaction is credited or debited to your account

Sổ phụ này được thể hiện song ngữ Việt Anh, trong trường hợp xảy ra bất cứ mâu thuẫn nào giữa bảng tiếng Anh và bảng tiếng Việt thì bảng Tiếng Việt được ưu tiên về mặt pháp lý

This statement is made in English and Vietnamese, in case of any conflict or inconsistency between the Vietnamese version and English version, the Vietnamese version shall prevail

GDV

KS

Đỗ Thị Thi Hồng

In trang | Quay về | Lưu sổ phụ | Gửi sổ phụ

Sacombank
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

SỔ PHỤ TK TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN
ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày: 01/05/2014 Đến ngày: 31/05/2014
From: 01/05/2014 To: 31/05/2014

SMA service
Ngày/*Date*: 12/06/2014 08:22:31

Số tài khoản/ *Account no:* **060001484926**

Tên khách hàng/ *Account holder:* **CONG TY TNHH MTV CO VIET MY**

Ngày (*) phát sinh trước/ *The previous transaction date:* **29/04/2014**

Số dư (*) đầu kỳ/ *Opening balance:* **445,459,076**

Mã tiền tệ/ *Currency:* **VND**

STT *No*	Ngày GD *Booking date (*)*	Ngày HL *Value date (*)*	Số GD *Txn ID*	Diễn giải *Description*	Số tiền rút *Debit*	Số tiền gửi *Credit*	Số dư *Balance (*)*
1	02/05/2014 15:29:56	05/05/2014	FT1412591GV0	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000428 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat	112,200,000		333,259,076
2	02/05/2014 16:00:55	05/05/2014	FT14125PG1T4	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien thue Nha xuong thang 05/2014 cho Huynh Bao Quoc.	8,000,000		325,259,076
3	02/05/2014 16:00:55	05/05/2014	FT141257TD82	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		325,242,576
4	05/05/2014 14:33:51	05/05/2014	FT14125C96CN	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0006764 cho DNTN TM Hai Thong.	75,199,245		250,043,331
5	05/05/2014 16:44:52	05/05/2014	TT14125T3BSM	THUE GTGT HANG NK C754 K191 TM1702 TK65236 NG05.05.14 KINH DOANH MST: 0306151133	67,370,735		182,672,596
6	05/05/2014 16:53:35	05/05/2014	TT14125NJK6D	THU PHI NT-CTY TNHH CO VIET MY	16,500		**182,656,096**
7	06/05/2014 11:25:48	06/05/2014	FT141265MRZH	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien lan 1 cua HD 0000332 cho Cong ty TNHH MTV Duc Y.	130,000,000		52,656,096
8	06/05/2014 15:14:50	06/05/2014	TT141268R1SR\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TT HDS 0000999 NGAY 07/03/2014		226,051,210	278,707,306
9	06/05/2014 16:09:02	06/05/2014	FT14126147WY	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Chuyen tra Nguyen Tho Khuong	60,000,000		**218,707,306**
10	07/05/2014 10:39:03	07/05/2014	FT141275B4BM	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000431 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	127,380,000		**91,327,306**
11	08/05/2014 13:30:06	08/05/2014	FT14128X31VK\BNK	CT TNHH SON AKZO NOBEL VIET NAM/AKZO NOBEL PAINTS VIETNAM LTD TT VNMA26211 N 2006370068/987 TK DVH TAI SAI GON THUONG TIN CHI NHANH CHO LON		8,881,730	100,209,036
12	08/05/2014 20:49:30	08/05/2014	FT14128BJNM6	IBBP:CCNCL 000006288356 TTHD CNCL 06076734988 T5N2014	1,302,145		98,906,891
13	08/05/2014 20:54:16	08/05/2014	FT141285XKLG	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0006982 cho DNTN TM Hai Thong.	37,599,870		**61,307,021**
14	09/05/2014 08:48:27	09/05/2014	TT14129VDCCV\DN2	HO THI THANH PHUONG CTIEN		5,417,400	**66,724,421**

15	13/05/2014 09:31:10	13/05/2014	FT141336XZTF\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001124 NGAY 18/04/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		91,807,760	158,532,181
16	13/05/2014 10:31:03	13/05/2014	FT14133PHH3Y	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien lan 2 HD 0000332 cho Cong ty TNHH MTV Duc Y.	137,376,780		21,155,401
17	13/05/2014 16:22:26	13/05/2014	TT141337JSDX\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TRA TIEN HD 0001018 N14.3.2014-CTY CO VIET MY		200,426,490	**221,581,891**
18	14/05/2014 15:23:36	14/05/2014	FT141341LY98	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0007269 cho DNTN TM Hai Thong.	37,199,608		**184,382,283**
19	15/05/2014 15:55:06	15/05/2014	FT14135TV2SF	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000433 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	112,200,000		**72,182,283**
20	16/05/2014 14:42:04	16/05/2014	TT141360GYYX\CL7	NGUYEN TAN PHUC TTHD VM/13P0001128		55,476,685	127,658,968
21	16/05/2014 14:42:11	16/05/2014	TT14136F0CXT\CL7	NGUYEN THANH PHONG TTHD VM/139000 1130		22,528,605	150,187,573
22	16/05/2014 14:45:58	16/05/2014	FT1413645VXJ	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000620 cho DNTN Dai Chan Phat./PGD Binh Tien	120,005,600		30,181,973
23	16/05/2014 14:45:59	16/05/2014	FT14136HZ89Z	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		**30,165,473**
24	19/05/2014 11:19:41	19/05/2014	TT14139L7BWM	THUE GTGT HANG BAN TRONG NUOC C754 K191 TM1701 KY THUE 04/2014 ST10.539.956d+PHAT NOP CHAM C754 K191 TM4911 KY THUE 03/2014 ST 114.345d MST0306151133	10,654,301		19,511,172
25	19/05/2014 13:27:50	19/05/2014	TT141390NSWC	THU PHI CK NT-CTY CO VIET MY	16,500		19,494,672
26	19/05/2014 16:19:25	19/05/2014	FT14139JZ7PC\BNK	CTY CP SX TM TAM THANH LONG CTY CP SX TM TAM THANH LONG TT TIEN HANG		6,454,800	**25,949,472**
27	20/05/2014 08:54:10	20/05/2014	FT14140854XW\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001149 NGAY 24/04/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		86,865,900	112,815,372
28	20/05/2014 16:15:07	20/05/2014	TT14140N33ST\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TRA TIEN HD 0001053 N25.3.2014-CTY CO VIET MY		211,312,530	**324,127,902**
29	21/05/2014 15:10:27	21/05/2014	FX1414104912\BNK	BAN USD4400*21180 TT HD: 0515/2014	93,192,000		230,935,902
30	21/05/2014 15:17:31	21/05/2014	FT14141CLRY4	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Chuyen tra Nguyen Tho Khuong.	50,000,000		180,935,902
31	21/05/2014 16:19:18	21/05/2014	FT14141GL5JZ	THU DIEN PHI + PHI TT USD(5+15) *21180/ CTR NO. 0515/2014 DD140515	465,960		**180,469,942**
32	22/05/2014 10:37:15	22/05/2014	FT14142CFSF5	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0007590 cho DNTN TM Hai Thong.	37,199,608		143,270,334
33	22/05/2014 14:18:39	22/05/2014	FT14142ZDPNS	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000437 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	113,080,000		**30,190,334**
34	23/05/2014 13:54:19	23/05/2014	TT14143R0ZR2\CL7	NGUYEN THANH PHONG TTHD VM/13P 0001154		25,374,195	55,564,529
35	23/05/2014 14:41:10	23/05/2014	FT14143J6F5J	IBBP:HCMPC 000007013819 TTHD DIEN 06000212084 T5	43,936,983		**11,627,546**
36	27/05/2014 09:07:24	27/05/2014	FT14147XL8XV\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001163 NGAY 29/04/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		70,956,545	82,584,091

37	27/05/2014 09:15:42	27/05/2014	FT14147NP356	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0007753 cho DNTN TM Hai Thong.	19,499,865		63,084,226
38	27/05/2014 16:21:50	27/05/2014	TT14147WHYKW\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN CT CONG TY TNHH MTV CO VIET MY HD0001070 NG31.3.14		218,953,020	**282,037,246**
39	28/05/2014 08:57:43	28/05/2014	FT14148H1FW6	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000192 cho Cong ty TNHH TM SX Tan Truong Minh/CN BINH TIEN	150,011,312		132,025,934
40	28/05/2014 08:57:44	28/05/2014	FT14148K2JN3	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,501		132,009,433
41	28/05/2014 [illegible]:16:24	28/05/2014	FT14148GW5PW	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0007857 cho DNTN TM Hai Thong.	37,199,608		94,809,825
42	28/05/2014 10:46:11	28/05/2014	FT14148VH3MM	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		35,000,000	129,809,825
43	28/05/2014 10:48:50	28/05/2014	FT141483D06H	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000440 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	127,380,000		2,429,825
44	28/05/2014 14:45:21	28/05/2014	FT14148S4XHZ\BNK	CONG TY TNHH ANH MY TU TC:3E5500061.CTY TNHH ANH MY TU TT TIEN RULO, CO, F.O CTY TNHH MTV CO VIET MY		1,680,000	**4,109,825**
45	29/05/2014 10:30:03	29/05/2014	TT14149DKD33\CL7	VUONG QUOC BAO TTHD VM/13P ~~0001152~~ 000,1150		52,584,345	56,694,170
46	29/05/2014 10:30:14	29/05/2014	TT14149H49PL\CL7	NGUYEN TAN PHUC TT HD VM/13P 0001152		52,467,360	109,161,530
47	29/05/2014 10:30:20	29/05/2014	TT141491L4X2\CL7	VUONG QUOC BAO TTHD VM/13P 0001125		82,764,715	191,926,245
48	29/05/2014 10:30:26	29/05/2014	TT141496KYWR\CL7	NGUYEN THANH PHONG TT HD VM/13P 0001211		23,162,095	215,088,340
49	29/05/2014 10:45:08	29/05/2014	FT14149BFGVT	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000632 cho DNTN Dai Chan Phat./PGD Binh Tien	102,001,900		113,086,440
50	29/05/2014 10:45:09	29/05/2014	FT141492R0LX	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		113,069,940
51	29/05/2014 11:45:01	29/05/2014	FT14149K5TJ9	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000441 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	112,200,000		**869,940**
52	30/05/2014 14:15:41	30/05/2014	FT141502WYRM	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		80,000,000	80,869,940
53	30/05/2014 15:11:53	30/05/2014	FX1415094705\BNK	BAN USD3,675*21200 TT HD: 0529/2014	77,910,000		2,959,940
54	30/05/2014 15:58:10	30/05/2014	TT14150XN2X8\CL7	NGUYEN TAN PHUC TT HD VM/13P0001185		30,502,065	33,462,005
55	30/05/2014 16:24:26	30/05/2014	TT14150YFP1Z	TPHI UNC-CTY TNHH CO VIET MY	16,500		33,445,505
56	30/05/2014 16:25:20	30/05/2014	TT141503NFFZ	CT BHXH QUAN 6-TT BHXH BHYT TH04.14 MDV:TF1236F	27,860,625		5,584,880
57	30/05/2014 17:57:43	30/05/2014	FT14150TMK5P	THU DIEN PHI + PHI TT (USD5+15) *21200/ HD SO 0529/2014 DD140529	466,400		**5,118,480**
58	31/05/2014 21:10:46	31/05/2014	060001484926-20140531	LAI NHAP VON		45,288	**5,163,768**

Cộng phát sinh trong kỳ/ *Total recorded amount:* **2,029,008,046 | 1,588,712,738**

Lũy kế từ đầu tháng/ *Month to date amount:* **2,029,008,046 | 1,588,712,738**

Số dư cuối kỳ/ *Ending balance:* **5,163,768**

Trong đó/ *With*:

Số dư (*): là số dư với các giao dịch thực tế đã được hạch toán và ghi nhận vào tài khoản của Quý khách

GDV

Lý Phúc Vinh

KS

Đỗ Thị Thi Hồng

Sacombank
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

SỔ PHỤ TK TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN
ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày: 01/06/2014 Đến ngày: 30/06/2014
From: 01/06/2014 To: 30/06/2014

SMA service
Ngày/*Date*: 01/07/2014 15:35:04

Số tài khoản/ *Account no:* 060001484926

Tên khách hàng/ *Account holder:* CONG TY TNHH MTV CO VIET MY

Ngày (*) phát sinh trước/ *The previous transaction date:* 31/05/2014

Số dư (*) đầu kỳ/ *Opening balance:* 5,163,768

Mã tiền tệ/ *Currency:* VND

STT *No*	Ngày GD *Booking date* (*)	Ngày HL *Value date* (*)	Số GD *Txn ID*	Diễn giải *Description*	Số tiền rút *Debit*	Số tiền gửi *Credit*	Số dư *Balance* (*)
1	02/06/2014 13:32:48	02/06/2014	TT14153WJDBD\CL7	NGUYEN TAN PHUC TTHD VM/13P0001166		49,900,235	55,064,003
2	02/06/2014 13:32:54	02/06/2014	TT14153RTV2T\CL7	VUONG QUOC BAO TTHD VM/13P0001164		61,258,945	116,322,948
3	02/06/2014 14:36:24	02/06/2014	FT14153QN6L2	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0008056 cho DNTN TM Hai Thong.	18,799,935		97,523,013
4	02/06/2014 14:38:42	02/06/2014	FT1415359C0F	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien thue Nha xuong thang 06/2014 cho Huynh Bao Quoc.	8,000,000		89,523,013
5	02/06/2014 14:38:43	02/06/2014	FT14153JNVC3	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		**89,506,513**
6	03/06/2014 10:34:24	03/06/2014	FT14154FKPVL\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001181 NGAY 07/05/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		76,771,090	166,277,603
7	03/06/2014 15:40:14	03/06/2014	TT141543268J\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TRA TIEN HDS 0001184 NGAY07/05/2014& HDS 0001207 NGAY 15/05/2014.CTY CO VIET MY		438,976,670	605,254,273
8	03/06/2014 15:51:53	03/06/2014	TT141540V1KB	THU PHI CAP LAI 2UNC-CTY CO VIET MY	220,000		605,034,273
9	03/06/2014 15:56:56	03/06/2014	TT141544F3XS	CT CTY TNHH TM SX NGUYEN XUONG THINH-TT TIEN IN HOA DON	6,072,000		598,962,273
10	03/06/2014 16:17:11	03/06/2014	TT14154MTBXD	TPHI UNC-CTY TNHH MTV CO VIET MY	16,500		**598,945,773**
11	04/06/2014 09:44:11	04/06/2014	FT14155SNCKB	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien lan 1 cua HD 0000347 cho Cong ty TNHH MTV Duc Y.	200,000,000		398,945,773
12	04/06/2014 15:31:17	04/06/2014	FT141554MGPT	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000643 cho DNTN Dai Chan Phat./PGD Binh Tien	112,252,000		286,693,773
13	04/06/2014 15:31:18	04/06/2014	FT14155X9253	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		**286,677,273**

14	05/06/2014 10:58:46	05/06/2014	FT14156HR9SM	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000444 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	190,300,000		96,377,273
15	05/06/2014 14:27:49	05/06/2014	FT14156TLSMM	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0008093 cho DNTN TM Hai Thong.	37,599,870		58,777,403
16	05/06/2014 14:29:59	05/06/2014	FT14156LCDJJ	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Chuyen tra Nguyen Tho Khuong.	20,000,000		**38,777,403**
17	07/06/2014 10:36:14	07/06/2014	FT141583PL68	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0008281 cho DNTN TM Hai Thong.	37,599,870		**1,177,533**
18	10/06/2014 08:47:52	10/06/2014	FT14161ZD1BT\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001205 NGAY 15/05/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		95,145,160	96,322,693
19	10/06/2014 14:30:48	10/06/2014	FT14161PMHXS	IBBP:VNPT 000007802139 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (8767888)	717,960		95,604,733
20	10/06/2014 14:45:31	10/06/2014	FT14161YJT8D	IBBP:VNPT 000007803861 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (IS00916796)	924,000		94,680,733
21	10/06/2014 14:48:29	10/06/2014	FT1416152F7P	IBBP:VNPT 000007804140 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (01384901)	344,918		94,335,815
22	10/06/2014 14:51:30	10/06/2014	FT14161Z37SJ	IBBP:VNPT 000007804697 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (01957632)	63,781		94,272,034
23	10/06/2014 14:54:50	10/06/2014	FT14161911J4	IBBP:VNPT 000007805011 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (01414037)	496,673		93,775,361
24	10/06/2014 14:57:10	10/06/2014	FT1416133B23	IBBP:VNPT 000007805245 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (011449358)	74,208		93,701,153
25	10/06/2014 14:58:23	10/06/2014	FT14161L04BT	IBBP:VNPT 000007805337 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (37528888)	122,839		93,578,314
26	10/06/2014 15:00:42	10/06/2014	FT14161YSGHW	IBBP:CCNCL 000007805516 TTHD CNCL 06076734988 T6N2014	1,399,320		92,178,994
27	10/06/2014 15:12:35	10/06/2014	FT141614SQS4	IBBP:VNPT 000007806975 THANH TOAN CUOC PHI THANG 05 NAM 2014 (IS00735216)	275,000		91,903,994
28	10/06/2014 16:28:38	10/06/2014	TT14161RGLLQ\CL7	TRA TIEN HDS 0001092 NG 08/04/2014 & HDS 0001127 NG 18/4/2014 CTY CO VIET MY		483,676,435	575,580,429
29	10/06/2014 16:34:16	10/06/2014	TT14161ZF3RG	THUE GTGT HANG NK C754 K191 TM1702 TKHQ 100034065020 10.6.14 KD MST 0306151133	75,157,694		500,422,735
30	10/06/2014	10/06/2014	TT14161F5YGQ	THU PHI CK NOP THUE	16,500		

	16:35:53			CTY CO VIET MY			**500,406,235**
31	11/06/2014 10:41:40	11/06/2014	FT14162764PV	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien lan 2 HD 0000347 cho Cong ty TNHH MTV Duc Y.	120,426,040		**379,980,195**
32	12/06/2014 14:29:37	12/06/2014	FX1416319809 \BNK	BAN USD3,674*21245 TT HD:0610/2014	78,054,130		301,926,065
33	12/06/2014 15:20:50	12/06/2014	FT14163V5XN5	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000447 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	191,070,000		110,856,065
34	12/06/2014 15:41:09	12/06/2014	FT14163S6Q3P	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0008498 cho DNTN TM Hai Thong.	26,319,893		84,536,172
35	12/06/2014 18:36:56	12/06/2014	FT14163C4R0C	THU DIEN PHI + PHI TT (USD5+15)*21245/ CTR NO 0610/2014 DD140610	467,390		**84,068,782**
36	13/06/2014 11:16:05	13/06/2014	FT14164Z9F0V	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0008532 cho DNTN TM Hai Thong.	37,599,870		**46,468,912**
37	14/06/2014 15:27:44	14/06/2014	FT14165TV1TH	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Chuyen tra Nguyen Tho Khuong.	40,000,000		**6,468,912**
38	17/06/2014 08:52:41	17/06/2014	FT1416820MQ6 \SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001228 NGAY 24/05/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		89,032,900	95,501,812
39	17/06/2014 11:14:23	17/06/2014	TT14168VFCJG\CL7	NGUYEN MAU QUAN TTHD VM/13P0001186		98,968,485	194,470,297
40	17/06/2014 11:14:34	17/06/2014	TT14168ZSB7J\CL7	NGUYEN MAU QUAN TTHD VM/13P0001167		150,261,045	344,731,342
41	17/06/2014 11:14:45	17/06/2014	TT1416840CNN\CL7	NGUYEN MAU QUAN TTHD VM/13P0001209		160,324,230	505,055,572
42	17/06/2014 12:08:49	17/06/2014	FT14168XYW6H	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000651 cho DNTN Dai Chan Phat./PGD Binh Tien	151,004,000		354,051,572
43	17/06/2014 12:08:49	17/06/2014	FT14168RC1NX	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,610		354,034,962
44	17/06/2014 15:00:20	17/06/2014	TT14168S89YH\CL7	CTY TNHH CO ANH TUAN TRA TIEN HDS 0001151 NGAY 24/4/2014 & HDS 0001165 NG 29/04/2014 CTY CO VIET MY		490,523,275	**844,558,237**
45	18/06/2014 09:35:09	18/06/2014	FT14169VH7PR	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Chuyen tra Nguyen Tho Khuong.	100,000,000		744,558,237
46	18/06/2014 10:51:04	18/06/2014	FT14169KVHWW	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0008716 cho DNTN TM Hai Thong.	56,399,695		**688,158,542**
47	19/06/2014 10:09:09	19/06/2014	FT14170M5V0X	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000350 cho Cong ty TNHH MTV Duc Y.	150,004,800		538,153,742
48	19/06/2014 12:01:06	19/06/2014	TT14170X15B3	CT BAO HIEM XA HOI QUAN 6 NOP BHXH,BHYT 5/2014 MDV TF1236F	27,860,625		510,293,117

49	19/06/2014 13:06:51	19/06/2014	TT1417049ZHJ	THU PHI UNC CTY CO VIET MY	16,500		510,276,617
50	19/06/2014 14:14:37	19/06/2014	FT141706DQTD	MST 0306151133 NOP C754TM1701-THUE GTGT HANG BAN TRONG NUOC K191 KT05.2014 3.434.784D-KBNN Quan 6 - TP Ho Chi Minh	3,434,784		506,841,833
51	19/06/2014 14:14:38	19/06/2014	FT1417066Y5B	THU PHI CK NOP THUE CTY CO VIET MY	16,500		506,825,333
52	19/06/2014 15:02:41	19/06/2014	FT14170SS7SR	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000451 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	190,300,000		316,525,333
53	19/06/2014 16:43:33	19/06/2014	TT14170LBC81	THUE GTGT HANG NK C754 K191 TM1702 TKHQ 10004141642 18.6.14 KD MST 0306151133	52,887,491		263,637,842
54	19/06/2014 16:55:40	19/06/2014	TT1417000378	THU PHI CK NOP THUE CTY CO VIET MY	16,500		**263,621,342**
55	20/06/2014 15:39:07	20/06/2014	FT141715YJ7R	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000917 cho Cong ty CP Truyen thong nhung trang vang Viet Nam/So giao dich 1	36,652,000		226,969,342
56	20/06/2014 15:39:09	20/06/2014	FT14171Y8WPX	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		226,952,842
57	20/06/2014 15:51:41	20/06/2014	FT14171XTRYD	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan phi duy tri Catalogue dien tu ma so ECG01023/So giao dich 1	660,000		226,292,842
58	20/06/2014 15:51:42	20/06/2014	FT14171M9XT8	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		226,276,342
59	20/06/2014 15:58:37	20/06/2014	FT14171Q27CX	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan phi duy tri Big logo dien tu ma so BIG00822/So giao dich 1	2,178,000		224,098,342
60	20/06/2014 15:58:38	20/06/2014	FT14171FGS67	PHI IB CK NGOAI HT NHAN TK CUNG DIA BAN	16,500		**224,081,842**
61	23/06/2014 11:38:48	23/06/2014	FT14174P5324	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0008913 cho DNTN TM Hai Thong.	37,599,870		186,481,972
62	23/06/2014 14:29:19	23/06/2014	FT14174YK3RP\SGN	CONG TY TNHH SX TM KHA NGUYEN THANH TOAN HOA DON SO 0001262 NGAY 31/05/2014 CHO CONG TY TNHH MTV CO VIET MY		99,157,520	285,639,492
63	23/06/2014 15:37:03	23/06/2014	FT14174BBGQK	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0002753 cho Cong ty Co phan Bao bi Tin Thanh	43,886,700		241,752,792
64	23/06/2014 15:40:44	23/06/2014	FT141747NRBK	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0002760 cho Cong ty Co phan Bao bi Tin Thanh	14,000,000		**227,752,792**
65	25/06/2014 09:21:12	25/06/2014	FEE.CORE.DN:C201406060001484926	PHI QUAN LY TAI KHOAN DOANH NGHIEP QUY 2 NAM 2014	132,000		227,620,792
66	25/06/2014 15:10:13	25/06/2014	FT14176XTTPQ	IBBP:HCMPC 000008415939 TTHD DIEN	63,388,579		164,232,213

				06000212084 T6			
67	25/06/2014 16:00:54	25/06/2014	TT14176HGJPZ	THU PHI UNC--CTY CO VIET MY	16,500		164,215,713
68	25/06/2014 16:05:42	25/06/2014	TT14176MC0MN	CT BAO HIEM XA HOI QUAN 6 BHXH+ BHYT T06/2014 MDV TF1236F	27,860,625		**136,355,088**
69	26/06/2014 11:49:26	26/06/2014	FT1417775R58	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		100,000,000	236,355,088
70	26/06/2014 14:36:30	26/06/2014	FT14177Z7857	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000452 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	212,300,000		**24,055,088**
71	28/06/2014 14:59:10	28/06/2014	FT14179KPD77	NGUYEN THO KHUONG/Nop tien vao tai khoan Cong ty.		30,000,000	54,055,088
72	28/06/2014 15:02:06	28/06/2014	FT14179CZ4DH	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0009166 cho DNTN TM Hai Thong.	37,599,870		**16,455,218**
73	30/06/2014 15:21:36	30/06/2014	FT141819LGPY\BNK	CT TNHH MTV TM DV XD THANH NGHIEP TC:455700032.CT THANH NGHIEP TT TIEN CO LAN		5,413,000	21,868,218
74	30/06/2014 15:47:30	30/06/2014	TT14181GSSGJ\CL7	LE DAT TTHD VM/13P 5001183		28,613,090	50,481,308
75	30/06/2014 15:47:43	30/06/2014	TT14181X96H4 \CL7	VUONG QUOC BAO TTHD VM-13P 0001182		52,166,125	102,647,433
76	30/06/2014 15:47:54	30/06/2014	TT141814J0PK\CL7	NGUYEN TAN PHUC TTHD VM-13P 0001208		58,584,515	161,231,948
77	30/06/2014 15:48:01	30/06/2014	TT141811379B\CL7	VUONG QUOC BAO TTHD VM/13P 0001206		58,551,185	219,783,133
78	30/06/2014 16:09:16	30/06/2014	FT14181HH513	CONG TY TNHH MTV CO VIET MY/Thanh toan tien HD 0000455 cho Cong ty TNHH MTV SX TM Hung Vinh Phat.	191,070,000		28,713,133
79	30/06/2014 23:13:59	30/06/2014	060001484926 -20140630	LAI NHAP VON		58,465	**28,771,598**

Cộng phát sinh trong kỳ/ *Total recorded amount:*	**2,603,774,540 |**	**2,627,382,370**
Lũy kế từ đầu tháng/ *Month to date amount:*	**2,603,774,540 |**	**2,627,382,370**
Số dư cuối kỳ/ *Ending balance:*		**28,771,598**

Trong đó/ *With*:

Số dư (*): là số dư với các giao dịch thực tế đã được hạch toán và ghi nhận vào tài khoản của Quý khách

Actual Balance (*): the balance of actual transaction(s) which is credited or debited to your account

Ngày giao dịch (*): là ngày giờ ghi nhận phát sinh giao dịch

Booking date (*): the date a transaction occurs (Used in recording transaction(s))

Ngày hiệu lực (*): Ngày hạch toán là ngày giờ giao dịch được ghi nhận hạch toán thật sự vào tài khoản của quý khách

Value date (*): the actual date a transaction is credited or debited to your account

Sổ phụ này được thể hiện song ngữ Việt Anh, trong trường hợp xảy ra bất cứ mâu thuẫn nào giữa bảng tiếng Anh và bảng tiếng Việt thì bảng Tiếng Việt được ưu tiên về mặt pháp lý

This statement is made in English and Vietnamese, in case of any conflict or inconsistency between the Vietnamese version and English version, the Vietnamese version shall prevail

GM

Lê Thị My Sa

KS

Đỗ Thị Thi Hồng

Phụ lục 4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01A/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH

(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2014

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ 1

☐ Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa

☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế: **Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ**

[05] Mã số thuế : 0 3 0 6 1 5 1 1 3 3

[06] Địa chỉ trụ sở: 90 Chợ Lớn. Phường 11

[07] Quận/Huyện: Quận 6 [08] Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11]E-Mail :

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	9.284.037.574
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22]	9.135.072.317
3	Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ([23]=[21]-[22])	[23]	148.965.257
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24]	
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25]	
6	Thu nhập chịu thuế ([26]=[23]+[24]-[25])	[26]	148.965.257
7	Thu nhập miễn thuế	[27]	
8	Số lỗ chuyển kỳ này	[28]	
9	Thu nhập tính thuế ([29]=[26]-[27]-[28])	[29]	148.965.257
9.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	[30]	
9.2	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 22%	[31]	148.965.257
9.3	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất ưu đãi	[32]	
	+ Thuế suất ưu đãi (%)	[32a]	
9.4	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất khác	[33]	
	+ Thuế suất khác (%)	[33a]	
10	Thuế TNDN phát sinh [34] = ([30] x 20%) + ([31]x22%) + ([32] x [32a]) + ([33] x [33a])	[34]	32.772.357
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[35]	
11.1	Trong đó: + số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định (nếu có)	[35a]	
11.2	+ Miễn, giảm khác ngoài Luật Thuế TNDN (nếu có)	[35b]	
12	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([36]= [34]-[35])	[36]	32.772.357

[37] Đối tượng được gia hạn ☐

[37a] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo :

[37b] Thời hạn được gia hạn:

ỗ trợ hạch toán MLNSNN:

ạch toán chỉ tiêu [36] vào mục 1050, tiểu mục 1052

Trang 1/3

[37c] Số thuế TNDN được gia hạn :

[37d] Số thuế TNDN không được gia hạn:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

Ngày 13 tháng 08 năm 2014

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Nguyễn Thọ Khương

Ghi chú: *- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp*

ỗ trợ hạch toán MLNSNN:

ạch toán chỉ tiêu [36] vào mục 1050, tiểu mục 1052

Trang 2/3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/KHBS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại Tờ khai thuế TNDN mẫu số 01A/TNDN kỳ tính thuế: Quý 2/2014 ngày 14 tháng 08 năm 2014)

[01] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ

[02] Mã số thuế : 0 3 0 6 1 5 1 1 3 3

[03] Địa chỉ trụ sở: 90 Chợ Lớn. Phường 11

[04] Quận/huyện: Quận 6 [05] Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

[06] Điện thoại: [07] Fax: [08]E-Mail :

A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) -(4)
I. Chỉ tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp					
1	Thuế TNDN phát sinh	34	8.782.700	32.772.357	23.989.657
II. Chỉ tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp					
1					
III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -):					
1	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	36			23.989.657

B. Tính số tiền chậm nộp:

1. Số ngày chậm nộp: **28**
2. Số tiền chậm nộp (=số thuế điều chỉnh tăng x số ngày chậm nộp x mức tiền chậm nộp %) **335.855**

C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

1. Người nộp thuế tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn phải nộp trả NSNN là đồng thuộc Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu NSNN số ngày của

- Số ngày nhận được tiền hoàn thuế:

-Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức tiền chậm nộp %):

2. Lý do khác:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày 13 tháng 08 năm 2014

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Nguyễn Thọ Khương

Ghi chú:

a) Hướng dẫn kê khai mục III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp, (tăng: +; giảm: -) đối với khai bổ sung điều chỉnh tờ khai 01/GTGT

- 1. Điều chỉnh số thuế phải nộp (đối với thuế GTGT là chỉ tiêu [40])

- 2. Điều chỉnh số thuế GTGT chưa khấu trừ hết (chỉ tiêu [43])

b) Trường hợp KHBS kèm theo tờ khai thuế đối với dầu khí thì đơn vị tiền có thể là VNĐ hoặc USD./.

Trang 3/3

ure Not Verified

CÔNG TY TNHH MTV CỌ VIỆT MỸ

Phụ lục 5:

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 01 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Ngày 1 tháng 4 năm 2014

Số : 001/04
Nợ : 1111
Có : 131

Họ và tên người nộp tiền : Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Như Lộc
Địa chỉ : 36 Lê Thành Phương, phường 2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên
Lý do nộp : Thu tiền bán Cọ lăn Việt Mỹ 9in, HĐ:0001075, ngày 01/04/2014

Số tiền : **1.636.800** (Viết bằng chữ) : Một triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm đồng chẵn

Kèm theo :

Ngày 1 tháng 4 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**		**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Một triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 01 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Ngày 1 tháng 4 năm 2014

Số : 002/04
Nợ : 1111
Có : 131

Họ và tên người nộp tiền : Công Ty TNHH Trung Khang
Địa chỉ : Quốc Lộ 1A, Ấp 2, thị trấn Giá Rai, Huyện Giá Rai, Bạc Liêu
Lý do nộp : Thu tiền bán Cọ lăn Việt Mỹ 9in, 23cm, 21cm, 15cm, 11cm, HĐ:00001076, ngày 01/04/0214

Số tiền : **18.408.863** (Viết bằng chữ) : Mười tám triệu bốn trăm lẻ tám ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng chẵn

Kèm theo :

Ngày 1 tháng 4 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**		**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Mười tám triệu bốn trăm lẻ tám ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 01 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Số : 069/06

Nợ : 1111
Có : 131

Họ và tên người nộp tiền : Vũ Đình Hùng
Địa chỉ : Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, Hải Dương
Lý do nộp : Thu tiền bán Cọ lăn Việt Mỹ Apollo 9in,9in, 23cm (Thay ống), 21cm, Newwin 15cm, …. HĐ 0001360, ngày 30/06/2014

Số tiền : **375.060.004** (Viết bằng chữ) : Ba trăm bảy mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ngàn không trăm lẻ bốn đồng chẵn

Kèm theo :

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**		**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Ba trăm bảy mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ngàn không trăm lẻ bốn đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 7 tháng 4 năm 2014

Số : 008/04
Nợ : 6427,1331
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Viễn thông TPHCM
Địa chỉ : 125 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM
Lý do chi : Thanh toán dịch vụ viễn thông, HĐ:1304960, ngày 07/04/2014

Số tiền : **275.000** (Viết bằng chữ) : Hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo HĐ :1304960

Ngày 7 tháng 4 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 4 năm 2014

Số : 028/04
Nợ : 6422,1331
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Công Ty TNHH TM- DV Tin Học và Viễn Thông Huy Hoàng
Địa chỉ : 264 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Lý do chi : Thanh toán chi phí mua mực in các loại, HĐ:0004473, ngày 17/04/2014

Số tiền : **1.859.000** (Viết bằng chữ) : Một triệu tám trăm năm mươi chín ngàn đồng chẵn

Kèm theo HĐ :0004473

Ngày 17 tháng 4 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Một triệu tám trăm năm mươi chín ngàn đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 4 năm 2014

Số : 036/04
Nợ : 6428,1331
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Công ty CP Bảo Hiểm AAA Chinh Nhánh Nam Sai Gòn
Địa chỉ : 2 Bis Trần Cao Vân, Quận 1, TPHCM
Lý do chi : Thanh toán chi phí bảo hiểm HĐ 0028090 ngày 22/04/2014

Số tiền : **8.642.711** (Viết bằng chữ) : Tám triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm mười một đồng chẵn

Kèm theo HĐ :0028090

Ngày 22 tháng 4 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Tám triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm mười một đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 4 năm 2014

Số : 046/04
Nợ : 6428
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thiện Nhàn
Địa chỉ :
Lý do chi : Chi công tác phí cho Nguyễn Thị Thiện Nhàn T4/2014

Số tiền : **300.000** (Viết bằng chữ) : Ba trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo HĐ :

Ngày 30 tháng 4 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Ba trăm ngàn đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 2 tháng 5 năm 2014

Số : 002/05
Nợ : 6412,1331
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Công Ty TNHH Một Thành Viên SX TM Kim Ngọc Phát
Địa chỉ : 933 Lò Gốm, Phường 8, Quận 6, Tp.HCM
Lý do chi : Thanh toán tiền mua băng keo, HĐ 0000455, ngày 02/05/14

Số tiền : **1.254.000** (Viết bằng chữ) : Một triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn đồng chẵn

Kèm theo HĐ :0000455

Ngày 2 tháng 5 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Một triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 5 năm 2014

Số : 023/05
Nợ : 6418,1331
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Công Ty Cổ Phần Vật Tư - Xăng Dầu (COMECO)
Địa chỉ : 549 Điện Biên Phủ, Quận 3, Tp. HCM
Lý do chi : Thanh toán tiến dầu DO 0.05%S, HĐ 0537684, ngày 14/05/2014

Số tiền : **1.020.600** (Viết bằng chữ) : Một triệu không trăm hai mươi ngàn sáu trăm đồng chẵn

Kèm theo HĐ :0537684

Ngày 14 tháng 5 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Một triệu không trăm hai mươi ngàn sáu trăm đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Số : 037/06
Nợ : 6428
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thiện Nhàn
Địa chỉ :
Lý do chi : Chi công tác phí cho Nguyễn Thị Thiện Nhàn T6/2014

Số tiền : **300.000** (Viết bằng chữ) : Ba trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo HĐ :

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Ba trăm ngàn đồng chẵn

Công Ty TNHH MTV Cọ Việt Mỹ
Địa chỉ :90 Chợ Lớn. Phường 11, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0306151133

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20-3-2006 Của bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 5 năm 2014

Số : 041/05
Nợ : 6428
Có : 1111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thiện Nhàn
Địa chỉ :
Lý do chi : Chi công tác phí cho Nguyễn Thị Thiện Nhàn T5/2014

Số tiền : **300.000** (Viết bằng chữ) : Ba trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo HĐ :

Ngày 31 tháng 5 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	*(Ký họ tên)*	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)
Nguyễn Thọ Khương	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Huỳnh Xuân Thọ**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**	**Nguyễn Thị Thiện Nhàn**

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ : Ba trăm ngàn đồng chẵn

Phụ lục 6:

DANH MỤC HÀNG HÓA THÀNH PHẨM

Mã TK	Mã danh mục	Tên danh mục	ĐVT
1551	BANCHAJUMBO	Bàn chà nhám Jumbo	Cái
1551	COLOAI_APOLLO9IN	Cọ lăn Việt Mỹ Apollo 9in	Cây
1551	COLOAI_APOLLO9IN_LS	Cọ lăn Việt Mỹ Apollo 9in (lông sợi)	Cây
1551	COLOAI_SUPREME	Cọ lăn Việt Mỹ Supreme 9in	Cây
1551	COLOAI1_ 09INKCGOCDAU	Ống lăn sơn Việt Mỹ gốc dầu dài 9in	Ống
1551	COLOAI1_09IN	Cọ lăn sơn Việt Mỹ 09 in	cây
1551	COLOAI1_09INGOC DAU	Cọ lăn sơn Việt Mỹ gốc dầu dài 9in	cây
1551	COLOAI109INKC	Cọ lăn việt mỹ 9in không cán	Ống
1551	COLOAI2 _ 11CM	Cọ lăn sơn Việt Mỹ 11cm	cây
1551	COLOAI2 _ 11CMKC	Cọ lăn sơn Việt Mỹ 11cm không cán	Ống
1551	COLOAI2 _ 15CM	Cọ lăn sơn Việt Mỹ 15cm	cây
1551	COLOAI2 _ 21CM	Cọ lăn sơn Việt Mỹ 21cm	cây
1551	COLOAI2 _ 23CM	Cọ lăn sơn Việt Mỹ 23cm	cây
1551	COLOAI2_ 21CMKC	Ống lăn sơn Việt Mỹ 21 cm không cán	Ống
1551	COLOAI2_23CMKC	Cọ lăn sơn Việt Mỹ 23cm không cán	Ống
1551	COLOAI23TO	Cọ lăn việt mỹ 23cm(thay ống)	Cây
1551	COLOAI3MAU	Cọ lăn Việt Mỹ 3 màu	Cây
1551	COLOAIJUMBO9IN	Cọ lăn việt mỹ jumbo 9in	Cây
1551	COLOAIPRO _ 23CMKC	Cọ lăn sơn Việt Mỹ Pro-23cm không cán (ống lăn)	Ống
1551	COLOAIPRO_9INKC	Cọ lăn Việt Mỹ pro 9in không cán	Ống
1551	COLOAIPRO09IN	Cọ lăn sơn Việt Mỹ Pro 9 in	cây
1551	COLOAIPRO3MAU	Cọ lăn Việt Mỹ Pro 3 màu	Cây
1551	COLOAIPRON9IN	Cọ lăn việt mỹ ProN 9in	Cây
1551	HOMEPRO9IN	Cọ lăn Việt Mỹ Home -Pro 9in	cây
1551	HOMEPRO9INKC	Cọ lăn Việt Mỹ home pro 9in không cán	Ống
1551	NEWWIN 15CM	Cọ lăn sơn Việt Mỹ Newwin 15cm	Cây
1551	NEWWIN 9IN	Cọ lăn Việt Mỹ Newwin 9in	Cây
1551	SUNGBAN	Súng bắn keo silicon việt mỹ	Cây
1561	BANCHAJUMBO	Bàn chà nhám Jumbo	Cái
1561	COSON	Cọ sơn việt mỹ loại II 2 in	Lố
1561	COSON1_1.5IN	Cọ sơn Việt Mỹ loại I 1.5in	Cây
1561	COSON1_1IN	Cọ sơn Việt Mỹ loại I 1in	Cây

1561	LANCHI10cm	Lăn chỉ mini 10cm	Cây
1561	LANCHI6CM	Lăn chỉ mini 6cm	Cây
1561	LANCHISOC30CM	Lăn chỉ sọc dài 30cm	Cây
1561	LANCHISOC40cm	Lăn chỉ sọc dài 40cm	Cây
1561	LANCHISOC60cm	Lăn chỉ sọc dài 60cm	Cây
1561	ONGLANCHISOC10CM	Ống lăn chỉ sọc dài 10cm	Ống